

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN [1]

Đông-Tấn, Sa-Môn Thích-Pháp-Hiền dịch chữ Phạn ra chữ Hán



Việt Dịch HT Tâm-Châu

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 26-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

- I. DUYÊN-KHỞI NIẾT-BÀN
 - II. A-NAN KHẢI-THỈNH
 - III. NHÓM HỌP ĐẠI-CHỨNG
 - IV. ĐỨC PHẬT GẶP PHÁI LY-XA
 - V. 4 ĐẾ VÀ 4 QUYẾT-THIỆT
 - VI. PHẬT-BA-DỤC-ĐẾ CÚNG TRAI
 - VII. ÔNG THUẦN-ĐÀ THỈNH PHẬT
 - VIII. PHẬT ĐỘ ÔNG PHẬT-CA-SA
 - IX. BÁO ĐIỀM NHẬP-DIỆT
 - X. PHẬT TỐI SA-LA SONG-THỤ
 - XI. KHI PHẬT NHẬP DIỆT
 - XII. CÔNG-HẠNH ÔNG A-NAN
 - XIII. NHÂN XƯA CỦA THÀNH CƯU-THI-NA
 - XV. ÔNG TU-BẠT-ĐÀ-LA QUY PHẬT
 - XVI. LỜI PHÓ-CHỨC
 - XVII. ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN
 - XIX. QUÂN-PHÂN XÁ-LY
- HẾT**

I. DUYÊN-KHỞI NIẾT-BÀN

Chính tôi (A-Nan) được nghe: Một thời kia đức Phật ở Trùng-Các giảng-đường, trong khu rừng lớn Tỳ-Da-Ly (Vaisàli), cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị Tỳ-Khưu.

Khi ấy, đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan, một buổi sáng nọ, mặc áo, mang bát vào thành khát-thực. Khát-thực rồi, trở về nơi cũ.

Khi ăn cơm xong, súc miệng, rửa thực-dụng, thu xếp áo, bát, đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông cầm giúp tôi cái ngoạ-cụ. Nay tôi muốn đến nơi tháp Già-Ba-La, nhập-định tư-duy”. Đức Phật nói lời ấy rồi, Ngài liền cùng ông A-Nan đi đến nơi kia.

Đến nơi kia, ông A-Nan trải ngoạ-cụ, đức Phật ngồi. Lúc đó, đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phụ[2], im lặng suy-nghĩ. Khi ấy ông A-Nan cũng ở riêng một nơi, đoan-tọa nhập-định, nhưng cách nơi Phật ngồi không mấy.

Trong giây lát, đức Thế-Tôn từ trong thiền-định tỉnh dậy, Ngài gọi ông A-Nan, bảo: “Nơi Tỳ-Da-Ly đây, có nhiều tháp rất yêu quý, như tháp Ưu-Đà-Diên, tháp Cồ-Đàm, tháp Am-La, tháp Đa-Tử, tháp Sa-La, tháp Già-Bà-La”.

Ông A-Nan! Người được bốn phép Thần-túc[3] còn có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống là Như-Lai nay có sức thần-thông lớn-lao, há lại không thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp?”

Đức Thế-Tôn đã mở ra cái cửa: “Có thể thỉnh đức Thế-Tôn lưu lại thế-gian” như thế, để dạy ông A-Nan, nhưng, khi ấy ông A-Nan vẫn im-lặng, không hiểu biết chi cả.

Đức Thế-Tôn ân-cần nói đến ba lần, ông A-Nan vẫn bâng-khuâng không giải-ngộ được và không thỉnh đức Như-Lai ở lại cõi thọ trong một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi-ích cho chư Thiên và nhân-dân trong thế-gian. Sao vậy? Ông A-Nan bị Ma-Vương mê-hoặc.

Đức Thế-Tôn nói lời ấy đến ba lần, thấy tâm ông A-Nan vẫn không khai-ngộ, Ngài liền im-lặng.

Bấy giờ, Ma-Vương[4] đến nơi đức Phật, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn! Nay đấng Thiện-Thệ[5] nên nhập Niết-Bàn! Sao vậy? Trước khi Thế-Tôn ở bên bờ sông Ni-Liên-Thiên (Nairanjana) con khuyến-thỉnh Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, nhưng, lúc ấy Thế-Tôn thấy con khuyến-thỉnh như thế, Ngài đáp: “Nay bốn bộ-chúng của Tôi là Tỳ-Khưu (Bhiksu), Tỳ-Khưu-

Ni (Bhiksuni), Ưu-bà-tắc (Upàsaka), Ưu-bà-di (Upàsikà) chưa được đầy đủ và chưa hàng-phục được các ngoại-đạo, nên Tôi chưa nhập Niết-Bàn”. Lạy đức Thế-Tôn! Nay bốn bộ-chúng của đức Thế-Tôn đã đầy đủ, đã hàng-phục được các ngoại-đạo và những sự đáng làm, đều đã làm xong, vậy đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn!”

Khi Ma-Vương thỉnh ba lần như thế, đức Như-Lai liền đáp: “Quý hóa thay! Trước kia bên bờ sông Ni-Liên-Thiên, Tôi đã hứa với ông là bốn bộ-chúng của Tôi chưa được đầy đủ; cho tới nay, nay đầy đủ rồi, sau đây ba tháng Tôi sẽ nhập Niết-Bàn!”

Ma-Vương nghe đức Phật nói lời ấy rồi, vui mừng hớn-hở, trở về Thiên-cung.

Ngay khi ấy đức Thế-Tôn liền xả tuổi thọ thế-gian, dùng sức thần-thông, trụ lại nơi thân-mệnh trong ba tháng.

Lúc đó, trên cõi đất này có mười tám tướng rung-động, trống cõi trời tự nhiên kêu và do sức thần-thông của Phật, tự-nhiên trong không có lời xướng lên rằng: “Đức Như-Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn.” Chư Thiên, nhân-dân, chợt nghe tiếng nói ấy, tâm rất buồn rầu, khắp mình ửng huyết.

Đức Thế-Tôn, ngay tại nơi kia, nói bài kệ rằng:

Hết thầy mọi chúng-sinh,
Theo “hữu” (có) mà sinh-tử.
Ta nay cũng sinh-tử,
Nhưng không theo nơi “hữu”.
Mọi hành-tướng tạo-tác,
Ta nay muốn vứt bỏ.[6]

Đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại ngồi im-lặng.

TOÁT-YẾU[7]

Một thời kia đức Phật cùng ông A-Nan và 1,250 vị Tỳ-Khưu, ở nơi Trùng-Các giảng-đường, trong khu rừng Tỳ-da-ly.

Theo lệ thường, một sáng nọ đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan vào thành khát-thực.

Trở về, ăn xong, thu xếp bình-bát, Ngài bảo ông A-Nan cầm ngoạ-cụ cho Ngài, đi đến tháp Già-ba-la, để nhập-định tư-duy.

Đến nơi đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phu, im-lặng suy-nghĩ. Ông A-Nan cũng nhập-định riêng một nơi, gần Phật.

Ra Định, đức Phật gọi ông A-Nan, bảo: “Nơi Tỳ-da-ly đây có nhiều tháp đáng quý!”

Ngài dạy tiếp: “Người được bốn phép Thần-túc còn có thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp, há rằng Như-Lai có thần-lực, lại không ở lại được một kiếp hay non một kiếp ư?”

Sở dĩ đức Phật nói thế là vạch đường cho ông A-Nan tỉnh Phật lưu lại thế-gian. Nhưng, Ngài nói đến ba lần, ông A-Nan vẫn im-lặng. Ông bị Ma-vương mê-hoặc. Ngài im-lặng.

Liên đó, Ma-vương tới tỉnh Ngài vào Niết-Bàn, theo lời hứa của Ngài ở bờ sông Ni-liên-thiên xưa kia. Ngài nhận thấy lời hứa của Ngài trước kia, nay đã đến lúc thực-hiện. Ngài ưng-thuận: Sau ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Niết-Bàn. Ma-vương vui mừng trở về Thiên-cung.

Ngài tự nói: “Hết thầy chúng sinh bị luân-hồi sinh-tử, đều do nghiệp hữu-lậu theo dõi. Ta tuy ở trong cảnh ấy, nhưng không bị nghiệp kia theo nữa. Nay Ta bỏ thân giả-tạm này!”

II. A-NAN KHẢI-THỈNH

Khi ấy ông A-Nan thấy cõi đất rung-động, tâm sợ-hãi quá ông mới tự-nghĩ: “Cớ sao ngày nay bỗng có sự-tương ấy. Và, việc như thế, không phải là duyên nhỏ, nay ta nên đến hỏi đức Thế-Tôn!”

Nghĩ thế rồi, ông A-Nan liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Lúc nãy con ở riêng nơi kia, ngồi thiền suy nghĩ, bỗng

đâu con thấy cõi đất này có mười tám tướng rung động; con lại nghe thấy những tiếng trống của cõi trời trong hư-không, tâm con sợ quá, không biết tướng ấy là nhân-duyên gì, kính xin đức Thế-Tôn chỉ-giáo cho!”

Đức Phật dạy: “Ông A-Nan! Cõi đất này rung-động vì tám nhân-duyên: Một là cõi đất nhờ nước mà đứng vững, nước này nhờ guồng gió mà còn, gió này nhờ hư-không mà trụ. Trong hư-không có lúc gió mạnh bốc lên, thổi vào guồng gió kia, guồng gió kia động; guồng gió kia đã động, nước kia cũng động; nước kia đã động, cõi đất này động. Hai là, các vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tu về thần-thông, mới được thành-tựu, các vị muốn tự thí-nghiệm, nên cõi đất này động. Ba là, khi Bồ-tát (Bodhissattva) ở nơi cung trời Đâu-Xuất (Tusita), sắp giáng-thần vào mẫu-thai, nên cõi đất này động. Bốn là, khi Bồ-tát mới sinh từ nơi hông bên hữu ra, nên cõi đất này động. Năm là, khi Bồ-tát bỏ cung vua xuất-gia, học đạo, thành Nhất-thiết-chủng-trí[8], nên cõi đất này động. Sáu là, khi Như-Lai thành đạo, bắt đầu vì Nhân, Thiên chuyển pháp-luân[9], nên cõi đất này động. Bảy là, khi Như-Lai xả tuổi thọ thế-gian, dùng sức thần-thông trụ lại nơi thân-mệnh, nên cõi đất này động. Tám là, khi Như-Lai nhập Niết-Bàn, nên cõi đất này động. Ông A-Nan! Ông nên biết nhân-duyên của cõi đất này động, có tám sự như thế!”

Ông A-Nan! Có tám bộ-chúng: Một là, Sát-ly[10]. Hai là, Bà-la-môn[11]. Ba là, Trưởng-giả[12], Cư-sĩ[13]. Bốn là, Sa-môn[14]. Năm là, Tứ-thiên-vương. Sáu là, Đạo-ly-thiên. Bảy là, Ma-vương. Tám là, Phạm-vương. Tám bộ-chúng ấy Tôi xem căn-khí của họ, người nào muốn được độ, Tôi tùy chỗ hiện-hình vì họ nói pháp, mà người kia cũng không biết là Tôi nói”.

Ông A-Nan! Có tám chỗ thượng-thắng (thắng-xứ): Một là, trong tâm có tướng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng ít đi. Hai là, trong tâm có tướng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng nhiều lên. Ba là, trong tâm không tướng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng ít đi. Bốn là, trong tâm không tướng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng nhiều lên. Năm là, quán hết thấy sắc đều xanh. Sáu là, quán hết thấy sắc đều vàng. Bảy là, quán hết thấy sắc đều đỏ. Tám là, quán hết thấy sắc đều trắng. Đó là phương-pháp thượng-thắng của người tu-hành về Thiên-định![15]

Lại nữa, Ông A-Nan! Có tám pháp giải-thoát: Một là, trong tâm có tưởng về sắc, ngoài cần quán về sắc. Hai là, trong tâm không tưởng về sắc, ngoài quán về sắc bằng cách suy-nghĩ là bất-tịnh. Ba là, tịnh giải-thoát, Bốn là, không-xứ giải-thoát. Năm là, Thức-xứ giải-thoát. Sáu là, Vô-sở-hữu-xứ giải-thoát. Bảy là, Phi-tưởng, phi-phi-tưởng-xứ giải-thoát. Tám là, Diệt-tận-định giải-thoát. Tám pháp giải-thoát này cũng là pháp thượng-thắng của người tu-hành về Thiên-định. Nếu ai đạt tới chỗ cứu-cánh của những pháp này, tức là đối với mọi pháp được tự-tại vô-ngại.[16]

Ông A-Nan! Ông có biết không: Trước kia khi Tôi thành-đạo, độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (Uruvilvàkàsyapa) ở bên sông Ni-liên-thiên, bấy giờ Ma-vương đến chỗ Tôi, thỉnh Tôi rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn! Lạy đáng Thiện-Thệ! Nay đáng Thiện-Thệ nên nhập Niết-Bàn! - Sao vậy? – Những người nên độ, đều được giải thoát cả rồi! Nay chính là lúc đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn!” Ma-vương thỉnh Tôi ba lần như thế, Tôi đáp: “Nay chưa phải lúc Tôi nhập Niết-Bàn! – Sao vậy? – Bốn bộ-chúng của tôi chưa được đầy đủ, những người nên độ, đều chưa đạt tới chỗ cứu-cánh, những đồ-chúng ngoại-đạo, chưa hàng-phục được!” Tôi đáp như thế ba lần, Ma-vương nghe rồi, mang lòng buồn-rầu, trở về Thiên-cung. Do duyên xưa kia, nay Ma-vương lại và lại thỉnh Tôi: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn! Lạy đáng Thiện-Thệ! Nay đáng Thiện-Thệ nên nhập Niết-Bàn! - Sao vậy? - Trước kia khi ở bên bờ sông Ni-liên-thiên, con khuyến-thỉnh đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, nhưng lúc ấy đức Thế-Tôn thấy con khuyến-thỉnh như thế, Ngài đáp: “Nay bốn bộ-chúng của Tôi là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chưa được đầy đủ, lại chưa hàng-phục được các ngoại-đạo, thế nên Tôi chưa nhập Niết-Bàn. Lạy đức Thế-Tôn! Nay bốn bộ-chúng của đức Thế-Tôn đã đầy đủ, đã hàng-phục được các ngoại-đạo và những sự đáng làm đều đã làm xong, vậy nay Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn!” Ma-vương thỉnh Tôi đến ba lần như thế, Tôi đáp: “Trước kia bên bờ sông Ni-liên-thiên, Tôi đã hứa với ông bốn bộ-chúng của Tôi chưa được đầy đủ, cho tới nay, nay đầy đủ rồi, sau đây ba tháng Tôi sẽ nhập Niết-Bàn. Ma-vương nghe Tôi nói lời ấy rồi, vui mừng hơn-hở, trở về Thiên-cung. Nơi đây Ta nhận lời thỉnh của Ma-vương rồi, Tôi liền xả tuổi thọ thế-gian, tạm trụ nơi thân-mệnh ba tháng, vì nhân-duyên ấy, nên cõi đất này chấn-động!”

Bấy giờ ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy rồi, tâm ông buồn-rầu quá, khắp mình ửng huyết, khóc-lóc thướt-mướt, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn thương xót chúng con, ở lại cõi thọ chừng một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi-ích cho chư Thiên và nhân-dân trong thế-gian!”

Ông A-Nan thỉnh đức Thế-Tôn đến ba lần như thế. Lúc đó, đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Bây giờ không phải lúc ông thỉnh Như-Lai lưu lại thế-gian nữa! - Sao vậy? - Tôi đã hứa với Ma-vương, sau đây ba tháng Tôi nhập Niết-Bàn, nay ông làm sao thỉnh Tôi lưu lại thế-gian được? Ông A-Nan! Ông thị-giả Tôi từ trước tới nay, ông đã từng nghe thấy Tôi nói hai lời bao giờ chưa? - Ông A-Nan bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Con chưa từng nghe thấy đấng Thiên-Nhân-Sư nói hai lời bao giờ! Trước kia con chỉ từng nghe thấy đức Thế-Tôn, vì bốn bộ-chúng nói pháp rằng: “Người được bốn phép Thần-túc, có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống chi Như-Lai là bậc có vô-lượng sức thần-thông tự-tại, nay lại không thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp, liền xả tuổi thọ thế-gian, tạm trụ thân-mệnh ba tháng, vậy kính xin đức Thế-Tôn thương xót chúng con, ở lại cõi thọ chừng một kiếp hay non một kiếp!”

Đức Thế-Tôn đáp lời ông A-Nan: “Nay Tôi sờ dĩ xả tuổi thọ, chính là do ông! Sao vậy? Ban nãy, tại nơi đây, Tôi hướng vào ông mà nói: “Người được bốn phép Thần-túc còn có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống là Như-Lai nay có sức thần-thông lớn-lao, há lại không thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp? Tôi ân-cần nói như thế đến ba lần, để mở ra cái cửa cho ông khuyến-thỉnh Thế-Tôn lưu lại thế-gian, mà ông cứ im-lặng, từng không có lời thỉnh Tôi ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, vì thế, nay Tôi chỉ tạm trụ thân mệnh ba tháng, sao nay ông mới thỉnh Tôi trụ lại thế-gian?”

Ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy, biết hẳn là đức Phật quyết nhập Niết-Bàn, không sao khuyến-thỉnh được, tâm sinh đau-khổ, buồn-bã, áo-nã, khóc-lóc thướt-mướt, không thể hãm được.

Đức Thế-Tôn thấy ông A-Nan sinh khổ-não quá như thế, Ngài dùng phạm-âm an-ủi: “Ông A-Nan! Nay ông đừng nên sinh tâm lo buồn như thế! Ông nên biết: Các pháp hữu-vi đều như thế cả; hết thấy sự hội-hợp, đều phải biệt-ly!”

Liên đó, đức Thế-Tôn nói bài kệ rằng:

Hết thầy pháp hữu-vi,
Đều quay về vô-thường.
Sự ân-ái hòa-hợp,
Tắt về nơi biệt-ly.
Hành-tướng sự vật thế,
Không nên sinh lo buồn!

Bấy giờ, ông A-Nan sa lệ bạch rằng: “Đấng Thiên-Nhân-Sư bậc vô-thượng đại-tôn, không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn, nay con làm sao mà không lo buồn được!” Bạch rồi ông liền bứt đầu, lớn tiếng xưng lên rằng: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi, không bao lâu nữa chúng-sinh, mắt người cha lành!”

Đức Thế-Tôn lại bảo ông A-Nan: “Nay ông không nên sinh tâm lo buồn, dù Tôi có ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, nhưng hội-hợp rồi cũng phải ly-diệt; tính và tướng của pháp hữu-vi như thế, ông chớ nên đối với việc Tôi nhập Niết-Bàn mà riêng chịu sự đau-khổ! Giờ Tôi muốn trở về Trùng-Các giảng-đường, ông cầm giúp cái ngọa-cụ về!” Liên đó, đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan trở về Trùng-Các giảng-đường.

TOÁT-YẾU

Ông A-Nan đang ngồi Thiền, bỗng dưng thấy đất rung-động. Ông tỉnh dậy sợ-hãi và tự nghĩ việc động đất này tất nhiên phải có duyên-cớ?

Ông về hỏi Phật, vì duyên-cớ gì mà có sự động đất như vậy? Đức Phật dạy: “Động đất có tám nhân-duyên: 1/ Cõi đất này nhờ nước, gió gìn-giữ lẫn nhau, Khi gió chuyển thì nước động, nước động thì đất động. 2/ Khi tứ-chúng tu thành, muốn thí-nghiệm thần-thông. 3. Khi Bồ-tát giáng-thần vào mẫu-thai. 4/ Khi Bồ-tát giáng-sinh. 5/ Khi Bồ-tát xuất-gia, học đạo thành Nhất-thiết-chủng-trí. 6/ Khi Như-Lai thành-đạo, bắt đầu chuyển pháp-luân. 7/ Khi Như-Lai xả thọ. 8/ Khi Như-Lai nhập Niết-Bàn.”

Tiếp đó, Ngài lại bảo ông A-Nan là trong Phật-pháp có tám bộ-chúng; tu Thiền-định có tám thắng-xứ, 8 pháp giải-thoát. Và, Ngài nói rõ nhân-duyên Ma-vương thỉnh Ngài nhập Niết-Bàn cho ông nghe.

Ông A-Nan ra đình-lễ, thỉnh Phật lưu lại thế-gian. Đức Phật không nhận lời, Ngài nói: “Tôi đã hứa với Ma-vương rồi. Tôi không nói hai lời. Và, sao trước kia Tôi đã nhắc, ông không thỉnh, bây giờ không phải thời nữa!”

Ông A-Nan buồn!

Đức Phật bảo: “Ông đừng lo buồn nữa, sự-vật đều thế! Các pháp hữu-vi, đều thuộc về vô-thường, ân-ái hội-hợp quyết phải biệt-ly!”

III. NHÓM HỌP ĐẠI-CHÚNG

Đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Nay ông đi bảo tất cả các vị Tỳ-Khưu nơi Trùng-Các giảng-đường, trong khu rừng rộng này, đều về cả Đại-tập-đường!”

Ông A-Nan vâng lời đức Phật dạy, liền đi bảo khắp các vị Tỳ-Khưu rằng: “Đức Thế-Tôn bảo các vị về cả Đại-tập-đường!”

Các vị Tỳ-Khưu tập họp đông đủ, ông A-Nan bạch Phật: “Lạy đức Thế-Tôn! Các vị Tỳ-Khưu đều về họp đông đủ, kính xin đức Như-Lai biết cho giờ định họp ấy”!

Khi ấy, đức Như-Lai từ Trùng-Các giảng-đường đến Đại-Tập-đường, Ngài trải tòa ngồi và bảo các vị Tỳ-Khưu: “Xưa kia Tôi vì các vị nói ra mọi pháp, các vị luôn luôn suy-nghĩ và tu-tập những pháp ấy đừng lãng quên! Các vị tu phạm-hạnh cho thanh-tịnh, gìn-giữ giới cấm, làm phúc-lợi cho chư Thiên, nhân-dân thế-gian. Các vị Tỳ-Khưu! Xưa kia Tôi vì các vị nói những pháp gì, các vị nên suy-nghĩ những pháp ấy, chớ sinh biếng-nhác. Tôi nói ba mươi bảy đạo-phẩm pháp như: bốn niệm xứ, bốn chính cần, bốn như-ý-túc, năm căn, năm lực, bảy giác-chi và tám thánh-đạo-phận[17], các vị nên tu-tập, suy-nghĩ tinh-cần những pháp ấy có thể làm cho các vị đến nơi giải-thoát!

Lại nữa, các vị Tỳ-Khưu! Hết thấy các pháp đều thuộc vô-thường, thân-mệnh nguy-ngập, cũng như chớp-giật, các vị không nên sinh ra buông-lung! Các vị nên biết: Như-Lai không bao lâu, chỉ sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết-Bàn!”

Bấy giờ, đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Tôi muốn bỏ thân này,
Tám thân già suy-yếu.
Nay xả tuổi thọ rồi,
Tạm nương mệnh ba tháng!
Những người nên hóa-độ,
Hết thầy đã xong xuôi;
Thế nên không bao lâu,
Tôi sẽ nhập Niết-Bàn.
Những pháp Tôi nói xưa,
Pháp ấy thầy các vị;
Các vị kính-trọng, giữ,
Tu-tập đừng bỏ quên!
Các vị cần tinh-tiến,
Như Tôi sống khác gì?
Sinh-tử nguy-ngập quá,
Thân-mệnh đều vô-thường!
Thường mong đường giải-thoát,
Đừng tạo hạnh buông-lung!
Niệm chính, quán thanh-tịnh,
Giữ trọn giới cấm răn.
Định-ý, suy-nghĩ thẳng,
Ngoại-cảnh, nén giữ tình.
Nếu ai làm được thế,
Là hộ-trì chính-pháp.
Tự đến nơi giải-thoát,
Lợi-ích cả Nhân, Thiên.

Sau khi các vị Tỳ-Khưu nghe những lời ấy của đức Phật, tâm các vị rất đau khổ, khóc-lóc thướt-mướt, khắp mình ửng huyết, mê buồn áo-não, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn, ở lại cõi thọ, đừng nhập Niết-Bàn, đem lại lợi-ích cho chúng-sinh, làm tăng-trưởng Nhân, Thiên. Kính xin đức Thế-Tôn, ở lại cõi thọ, đừng nhập Niết-Bàn, mở tỏ con mắt trí-tuệ cho chúng-sinh. Hết thầy chúng-sinh sa-đọa trong nơi đen tối, kính xin đức Như-Lai vì họ soi sáng cho họ. Hết thầy chúng-sinh chìm-đắm trong bể lớn sinh-tử, kính xin đức Như-Lai vì họ làm thuyền bè vớt họ!”

Bạch xong, các vị Tỳ-Khưu lại khoa tay, bứt đầu, đấm ngực, kêu to: “Than ôi, khổ lắm! Đức Như-Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn, hết thầy chúng-sinh quy-y vào đâu!”

Đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Hết thấy mọi pháp đều thuộc vô-thường, ân-ái hội-hợp, đều phải biệt-ly, các vị không nên thỉnh Tôi lưu lại thế-gian nữa! Sao vậy? - Nay không phải là lúc các vị khuyến-thỉnh Tôi! Trước đây Tôi vì các vị nói những pháp-yếu, các vị nên vâng giữ trọn vẹn, thời như Tôi còn ở đời không khác!”

Ngày đã tối, đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan trở về Trùng-Các giảng-đường.

TOÁT-YẾU

Đức Phật bảo ông A-Nan đi thỉnh tất cả các vị Tỳ-Khưu về họp tại Đại-tập-đường.

Về đông đủ, đức Phật ra họp.

Ngài khuyên các vị Tỳ-Khưu cần giữ giới-hạnh thanh-tịnh, làm phúc-lợi cho Nhân, Thiên; ba mươi bảy đạo-phẩm Ngài đã dạy, cần nên tu-tập, suy-nghĩ tinh-cần sẽ đến được nơi giải-thoát; sự-vật vô-thường, thân-mệnh nguy-ngập nhanh-chóng, không nên buông-lung.

Và, sau cùng Ngài bảo cho các vị Tỳ-khưu biết rằng sau ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Niết-Bàn.

Các vị Tỳ-Khưu khóc-lóc, thỉnh đức Phật lưu lại thế-gian, Ngài nói: “Sự-vật đều vô thường, ân-ái phải ly-biệt, các vị không nên thỉnh Tôi nữa, những pháp Tôi nói trước, các vị nên vâng giữ trọn-vẹn, thời như Tôi còn ở đời không khác!”

Xong rồi, Ngài trở về Trùng-Các giảng-đường và sẽ tiếp tục du-hành vào ngày mai.

IV. ĐỨC PHẬT GẶP PHÁI LY-XA

Sáng mai đức Thế-Tôn mặc áo, mang bát, cùng ông A-Nan vào thành khát-thực. Khát-thực rồi, Ngài lại trở về Trùng-Các giảng-đường. Ăn cơm xong, Ngài súc miệng, rửa thực-dụng, rồi Ngài cùng các vị Tỳ-Khưu đến thôn Càn-đồ.

Đường đến thôn này phải qua thành Tỳ-Da-Ly. Khi qua thành này Ngài ngoảnh lại, trông hướng lên thành, cười. Ông A-Nan thấy thế, liền cúi đầu đảnh lễ xuống chân Phật, hỏi đức Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Đấng Vô-Thượng Đại-Tôn cười chắc có nhân-duyên, vậy kính xin đức Thế-Tôn chỉ-giáo cho con được biết!”

Đức Phật đáp: “Ông A-Nan! Sở dĩ Tôi hướng lên thành cười, chính vì nay là lần cuối cùng, Tôi trông thấy thành này vậy!”

Đương lúc Như-Lai thốt lời nói ấy, trong hư-không, không có mây, tự-nhiên mưa. Ông A-Nan thấy thế, lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Rất lạ-lùng, hư-không trong-sạch, không có chút khí thấp che phủ nào, bỗng nhiên mưa xuống trận mưa nhiều hạt như thế?”

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông A-Nan! Ông có biết việc ấy sao không, đấy là chư Thiên trên hư-không, nghe thấy Tôi nói nay là lần cuối cùng Tôi trông thấy thành Tỳ-Da-Ly này, tâm chư Thiên áo-não quá, thương-cảm khóc-lóc. Đấy là nước mắt của chư Thiên, không phải là nước mưa đâu!”

Ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khưu, nghe đức Phật nói lời ấy rồi, tâm lại buồn-rầu, buồn-bã ngất xuống đất, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Ngày nay Thiên, Nhân đau-khổ quá chừng, Thế-Tôn làm sao muốn ủy-xả cả, mà nhập Niết-Bàn được!”

Đức Như-Lai liền dùng phạm-âm an-ủi các vị: “Các vị! Các vị không nên sinh tâm lo-buồn, sầu-khổ nữa!”

Các vị Tỳ-Khưu bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay lần cuối cùng đức Thế-Tôn trông thành Tỳ-Da-Ly này, không bao lâu nữa, đức Thế-tôn sẽ nhập Niết-Bàn, chúng con làm sao không lo-buồn, đau-khổ được!”

Dần-dà như thế, người người bảo nhau, tiếng lan đến cả những người dòng Ly-Xa (Licchavi)[18]. Dòng Ly-xa này, nghe thấy lời nói ấy rồi, mang lòng buồn-rầu, khắp mình ửng huyết, khoa tay, bứt đầu, đấm ngực, kêu to: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian sắp mất rồi; chúng-sinh ngày nay không còn nơi quy-y nữa!”

Rồi, họ lại bảo lẫn nhau: “Nay chúng ta nên đến nơi Phật, khuyên-thỉnh Ngài ở lại thành Tỳ-Da-Ly và ở lại cõi thọ một kiếp hay non một

kiếp, đem lại lợi-ích cho chư Thiên, nhân-dân thế-gian”. Nói rồi, họ liền chỉnh-nghiêm xe-cộ, đến ngay nơi Phật.

Ra ngoài cửa thành, họ trông thấy đức Như-Lai ở đằng xa, lại thấy ông A-Nan, cùng các vị Tỳ-Khưu, khóc-lóc thướt-mướt, buồn-bã, áo-não, các người dòng Ly-xa lại càng cảm-động, thương-xót. Họ liền đến nơi Phật ở, đầu mặt lễ xuống chân Phật bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn, sắp nhập Niết-Bàn, hết thấy chúng-sinh sẽ mất con mắt trí-tuệ; chúng-sinh đương ở trong nơi đen-tối, làm sao thấy được những chỗ nên làm. Kính xin đức Thế-Tôn ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp hãy nhập Niết-Bàn!”

Họ thỉnh đức Thế-Tôn đến ba lần như thế, đức Phật đáp: “Hết thấy pháp hữu-vi[19] đều thuộc về vô-thường; dù Tôi có ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, rồi cũng quay về vô-thường!”

Khi ấy đức Như-Lai liền nói bài kệ:

Núi Tu-Di cao lớn,
Sau cũng phải tiêu-mòn.
Biển cả tuy rộng, sâu,
Rồi cũng phải khô cạn.
Nhật, nguyệt dù trong sáng,
Mấy nổi lặn phương Tây.
Cõi đất tuy kiên-cố,
Mang-gánh hết thấy vật;
Kiếp tận lửa nghiệp cháy,
Cũng lại về vô-thường.
Sự ân-ái hội-hợp,
Tắt về nơi biệt-ly.
Như-Lai đời quá-khứ,
Thân kim-cương bất-hoại;
Cũng bị vô-thường chuyển,
Nay Ta há khác sao?
Chư Phật pháp như thế,
Các vị không nên thỉnh;
Đừng riêng đối với Tôi,
Mà sinh ra lo, buồn!

Khi đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài bảo các người dòng Ly-xa rằng: “Các vị nên lắng lại cái tình khóc-lóc, nghe kỹ lời Như-Lai nói buổi sau cùng!”

Những người dòng Ly-xa kia bạch rằng: “Quý hóa thay, lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn nói cho, chúng con mong muốn được nghe”.

Bấy giờ đức Như-Lai trải tọa-cụ, ngồi kết gia-phu, các vị Tỳ-Khưu, cùng những người dòng Ly-xa kia, tự gượng nén nhịn, ngồi về một bên. Đức Thế-Tôn bảo những người dòng Ly-xa kia rằng: “Các vị nên biết có bảy phương-pháp, ngày càng tiến thêm: Một là, vui-vẻ hòa-đồng, không trái ngược nhau. Hai là, cùng giác-ngộ nhau và giảng bàn nghiệp thiện. Ba là, giữ-gìn giới cấm cùng giữ lễ-nghi. Bốn là, cung kính cha mẹ và các bậc tôn-trưởng khác. Năm là, thân-thích hòa-mục, thừa-thuận lẫn nhau. Sáu là, tháp miếu trong nước, sửa-sang cúng-dàng. Bảy là, vâng giữ Phật-pháp, thân kính Tỳ-Khưu và Tỳ-Khưu-ni; yêu mến giúp đỡ các Ưu-bà-tắc cùng Ưu-bà-di. Nếu ai chịu làm bảy pháp như thế, uy-đức người ấy, ngày càng tiến thêm, đất nước hưng-thịnh, nhân-dân vui-vẻ. Từ nay cho đến lúc hết đời, các vị nên vâng giữ bảy pháp ấy, không nên biếng nhác!”

Những người dòng Ly-xa kia bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Trong bảy pháp ấy, nếu chúng con chỉ tu-hành được một pháp, còn làm cho uy-đức chúng con tiến thêm, huống là chúng con tu-hành trọn- vẹn được cả bảy pháp! Quý hóa thay, lạy đức Thế-Tôn! Nay chúng con được phúc-lợi này, trọn đời chúng con xin vâng giữ, không dám nhãng quên!”

Đức Phật bảo các vị Tỳ-Khưu: “Từ nay trở đi, các vị cũng nên tu-tập bảy pháp sau đây: Một là, vui-vẻ hòa-hài, như nước với sữa. Hai là, thường cùng tập-họp giảng bàn kinh pháp. Ba là, giữ-gìn giới cấm, không sinh tư-tưởng vi-phạm. Bốn là, cung-kính thầy cùng các bậc Thượng-tọa. Năm là, lo-liệu xếp-đặt và kính-mến các vị Tỳ-Khưu tinh-tu nơi A-lan-nhã. Sáu là, khuyến-hóa đàn-việt, sửa-sang Tam-Bảo cùng những nơi an-nghỉ trong trụ-xứ. Bảy là siêng-chăm tinh-tiến giữ-gìn Phật-pháp. Các vị nên biết, nếu Tỳ-Khưu nào, làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tiến thêm!”

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp, các vị nên tu: Một là, không nên như hàng tại-gia kinh-doanh sinh-nghiệp. Hai là, không bàn nhảm, nói đùa. Ba là, không ham ngủ-nghỉ, bỏ sự tinh-cần. Bốn là, không bàn những việc thế-gian vô-ích. Năm là, tránh xa bạn ác, thân-gần bạn lành. Sáu là, thường nghĩ chính-niệm, không sinh tà-tưởng. Bảy là, nếu trong Phật-pháp, có chỗ chứng được, lại cầu tiến hơn. Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức trí-tuệ ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Có bảy pháp nữa các vị nên làm: Một là, đối với Phật, Pháp, Tăng, sinh lòng tin kiên-cố. Hai là, biết thẹn. Ba là, biết hổ. Bốn là, tâm thường ham nghe nhiều. Năm là, tâm không xúc-nổi. Sáu là, ham nghe nghĩa kinh. Bảy là, ham tu trí-tuệ. Nếu các vị tu được bảy pháp ấy, công-đức trí-tuệ ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp “giác-ý”[20], các vị nên làm: Một là, trạch-pháp (chọn pháp). Hai là, tinh-tiến. Ba là, hỷ (vui vẻ). Bốn là, khinh-an (an-vui nhẹ-nhàng). Năm là, niệm (nhớ nghĩ). Sáu là, định (thiền-định). Bảy là, xả (rũ bỏ). Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp: Một là, quán vô-thường. Hai là, quán vô-ngã. Ba là, quán bất-tịnh. Bốn là, quán khổ. Năm là, không ham thế-gian. Sáu là, không mê ngũ-dục[21]. Bảy là, siêng tu đạo tịch-diệt (Niết-Bàn). Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp, các vị nên làm: Một là, thân thường làm lành (từ). Hai là, miệng thường làm lành. Ba là, ý thường làm lành. Bốn là, nếu có đàn-việt, bố-thí mọi vật, phân-phát bình-đẳng, không nên thiên-vị. Năm là, pháp mầu sâu-xa, ham nói không chán. Sáu là, không đem sách vở thế-gian dạy người. Bảy là, thấy người không đồng học, không sinh tâm ghen-ghét. Nếu các vị tu được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp, các vị nên làm: Một là, phân-biệt rành-rẽ chín bộ pháp[22]. Hai là, giải rõ nghĩa ấy. Ba là, hành-đạo, tụng-tập, đều phải hợp thời. Bốn là, đi, đứng, ngồi, nằm đúng trong nghi-tắc. Năm là, thuyết-pháp cho người phải lượng sức mình. Sáu là, nếu Bà-la-môn, Sát-ly, Trưởng-giả, Cư-sĩ, muốn lại nghe pháp,

nên so lường khéo, nói theo căn-cơ. Bấy là, chia rành ngu, trí. Nếu các vị làm được bẩy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng, thời có thể gìn-giữ được chính-pháp của Tôi!”

Bấy giờ, vợ những người dòng Ly-xa nghe thấy đức Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn và đây là lần cuối cùng Ngài nhìn thành Tỳ-da-ly, tâm họ rất áo-não, thương khóc thướt-mướt, cùng với năm trăm quyến-thuộc, sắm-sửa năm trăm cỗ xe, chở các đồ cúng-dàng. Tất cả mọi xe đều trần-thiết trang-nghiêm: cỗ xe do trâu trắng kéo, thời treo những phan-cái trắng-tinh; cho đến những cỗ xe sắc tím, đen, sắc vàng..., đều theo sắc trâu mà trần-thiết. Các xe trang-nghiêm rồi, họ lần-lượt ra ngoài thành, đi đến chốn Phật.

Khi ấy, đức Thế-Tôn xa xa trông thấy những người kia đương đi lại, Ngài bảo các vị Tỳ-Khưu: Các vị có trông thấy những người vợ của dòng Ly-xa, trước sau rầm-rập, rất là trang-nghiêm, mỹ-lệ đi lại đây không?

Các vị Tỳ-Khưu đáp: “Dạ, chúng con có trông thấy”.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-Khưu: “Đấy là những người dòng Ly-xa, trưởng-giả cùng vợ của họ thuộc thành Tỳ-Da-Ly này, dung-nghi xuất nhập của họ, rất là bóng-loáng, như chư thiên trên cung trời Đao-ly không khác!”

Lúc những người vợ của dòng Ly-xa kia đến nơi Phật rồi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, thương khóc thướt-mướt, không tự hãm được; họ đem các đồ cúng-dàng lên Phật và bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn ở lại cõi thọ, giáo-hóa chúng-sinh. Nếu nay đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, chúng con là kẻ mù tối, mãi mãi không thể khai-ngộ được. Vả lại, chúng con phúc ít, thụ sinh thân nữ-nhân, thường có những sự ngăn-ngại, không được tự-tại, không có duyên luôn luôn được thân-cận đức Thế-Tôn, đức Thế-Tôn lại sắp nhập Niết-Bàn, thiện-căn chúng con ngày càng sút-kém!”

Khi ấy, đức Như-Lai liền đáp rằng: “Từ nay trở đi cho đến hết cõi thọ, các bà nên giữ giới tinh-cần, như người giữ con mắt; ý-niệm ngay-thẳng, đừng sinh tâm xiểm-nịnh, ghen-ghét, như thế tức là thường được thấy Tôi vậy!” Những người vợ của dòng Ly-xa kia, nghe đức Phật nói lời ấy rồi, càng thêm thương-xót, buồn-bã, không tự hãm được, liền ngò lúi về một bên.

Bấy giờ, nàng Am-bà-la (Àm-rà) dung-nhan đoan-chính, đệ nhất thế-giới, nghe đức Phật không bao lâu nữa, sẽ nhập Niết-Bàn, nay là lần cuối cùng, Ngài nhìn thành Tỳ-Da-Ly, nàng mang lòng thương-xót, áo-não, khóc-lóc thướt-mướt, liền cùng năm trăm quyến-thuộc của nàng, trang-nghiêm năm trăm cỗ xe, lần-lượt ra ngoài thành, đi đến nơi Phật.

Lúc đó, đức Thế-Tôn xa xa trông thấy họ đi lại, Ngài bảo các vị Tỳ-Khưu: “Các vị! Nay nàng Am-bà-la lại nơi Ta, hình-dáng nàng ấy, đẹp lạ tuyệt-vời, cả thế-gian này, không ai sánh kịp. Các vị đều nên đoan-tâm, chính-niệm, đừng sinh ý-tưởng say-mê. Là vị Tỳ-Khưu nên quán thân này, có những thứ bất-tịnh: gan, mật, dạ-dày, ruột, tim, phổi, thận, lá-lách, phân, giải, máu, mủ... đầy-dẫy trong ấy những thứ bất-tịnh, lại có đến tám vạn con trùng ở ngay trong ấy và lông, tóc, móng, răng, da mỏng bọc thịt, chín lỗ thường chảy[23]..., không một cái gì có thể vui-thích được. Lại, căn-bản đầu tiên sinh ra thân này, đều làm cho bất-tịnh tuôn chảy. Tuy trang-sức bằng những tơ-lụa sặc-sỡ, xông những hương thơm, nhưng, cũng ví như trong bình báu đựng đồ xú-uế. Và, thân khi chết, chương-phèn, rửa-nát, đốt đốt rời-rã, trong thân có trùng, lại rửa thịt ăn; còn bị hùm beo, chim cú, chim cắt... mổ-rĩa. Người đời ngu si, không biết quán-sát chân-chính, mê-đắm ân-ái, giữ cho đến chết, và ở trong ấy, vọng-sinh tham-dục. Người nào có trí, lại ư muốn thế?”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Tuy đeo đồ anh-lạc[24],
Hương, hoa tụy sữa-sang;
Phân, giải cùng mũi, dãi,
Bất-tịnh đựng đầy trong.
Chúng-sinh mền-tiếc, giữ,
Mê-làm không giác-ngộ;
Cũng như tro phủ lửa,
Người ngu xéo lên trên.
Trí-giả nên xa tránh,
Đừng sinh tâm nhiễm-trước.

Khi ấy nàng Am-bà-la đến trước đức Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, đem các đồ cúng-dàng, cúng-dàng lên Phật, nuốt lệ nghẹn-

ngào, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn ở lại cõi thọ, lưu lại thế-gian, không nhập Niết-Bàn, đem lại lợi-ích cho chư Thiên, nhân-dân thế-gian. Nếu đức Thế-Tôn định nhập Niết-Bàn, hết thầy chúng-sinh, không còn ai dắt-dẫn, như đứa trẻ mất mẹ hiền!”

Lúc đó, đức Thế-Tôn bảo nàng Am-bà-la: “Tính, tướng của hết thầy hành-tướng sự-vật như thế, nay nàng không nên sinh tâm bi-não!”

Đức Thế-Tôn liền thuyết-pháp cho tất cả mọi người lại nơi Phật nghe: “Này các vị! Các vị từ nay trở đi nên giữ-gìn giới cấm, không nên thiếu-sót, vi-phạm. Những người phá-giới, Thiên, long, quỷ-thần đều chán-ghét, tiếng xấu đồn khắp, người không muốn thấy; nếu ở trong chúng, không có uy-đức, các thiện-quỷ-thần lại không thủ-hộ; khi mệnh sắp mất, tâm-thức sợ-hãi và dù có chút thiện-nghiệp, đều không nhớ nghĩ, chết liền theo nghiệp, chịu sự đau-khổ trong địa-ngục, trải nhiều kiếp số, sau mới được ra lại chịu làm thân ngã-quí, súc-sinh. Cứ luân-chuyển, thế, không biết kỳ nào sẽ được giải-thoát. Trái lại, Tỳ-Khưu giữ giới, Thiên, long, quỷ-thần, đều cùng cung-kính, tiếng tốt đồn khắp, cả thế-gian hay; ở trong đại-chúng, uy-đức rõ-thịnh, các thiện-quỷ-thần, thường theo thủ-hộ, khi mệnh sắp mất, chính-niệm phân-minh, chết sinh ngay vào những nơi thanh-tịnh”.

Giữa lúc Như-Lai nói pháp ấy, sáu vạn tám nghìn ức Thiên, Nhân tám bộ xa-lìa trần-cấu[25] được pháp-nhân-tịnh[26]; sáu mươi vị Tỳ-Khưu, lậu-nghiệp hết, ý khai-giải[27], thành bậc A-la-hán[28].

Bấy giờ đức Thế-Tôn bảo những người dòng Ly-xa cùng vợ họ và nàng Am-bà-la rằng: “Ta nay muốn đi đến thôn Càn-đồ, các vị đều nên trở về nơi ở của mình và các vị nên biết: tất cả các hành-tướng (sự-vật) đều là vô-thường, các vị chỉ nên tu-hành theo những pháp Tôi đã nói, các vị đừng nên làm như đứa trẻ khóc-lóc, thương-xót áo-não!”

Nói rồi đức Thế-Tôn liền từ tòa ngòai của mình đứng dậy. Những người dòng Ly-xa cùng vợ họ và nàng Am-bà-la, nghe đức Phật nói lời ấy, đấm ngực, bứt đầu, kêu gào, khóc-lóc, noi đường theo Phật không chịu trở về.

Đức Thế-Tôn thấy tình luyện-mộ sâu-xa như thế, không thể dùng lời nói an-ủi được, Ngài liền dùng sức thần-thông, hóa làm con sông ngập nước, bờ sông sâu-thẳm, sóng rờ nước chảy vun-vút. Khi ấy,

những người dòng Ly-xa cùng vợ họ và nàng Am-bà-la thấy đức Như-Lai, các vị Tỳ-Khưu đã ở bờ sông bên kia, tất cả càng thêm cảm-động, thương xót, buồn-bã, vật-vã lặn ra đất, cùng nói nhỏ với nhau rằng: “Quái lạ, bỗng dưng nơi đây lại có con sông lớn này, mà lại có sóng vỗ ầm-ầm kinh sợ? Hẳn là đức Như-Lai thấy chúng ta đi theo không bỏ, mà hóa làm ra thế, để cho hết đường đi vậy!” Những người dòng Ly-xa kia cùng vợ họ và nàng Am-bà-la, không qua sông được, lòng càng thốn-thức, ngật-ngheo, nheñ-ngào, tuyệt-vọng trở về.

Bấy giờ đức Như-Lai đến thôn Càn-đồ, Ngài ngồi trong khu rừng phía Bắc, bảo các vị Tỳ-Khưu rằng: “Các vị nên biết có bốn pháp: Một là Giới, hai là Định, ba là Tuệ, bốn là Giải-Thoát, nếu ai không nghe biết bốn pháp ấy, người ấy đời đời ở trong bể sinh-tử. Xưa kia Tôi nếu không nghe biết bốn pháp ấy, Tôi không thể chứng được đạo-quả Vô-thượng Chính-đẳng, Chính-giác được!”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Giới, Định, Tuệ, Giải-thoát,
Nếu Ta không nghe lâu;
Không thể chóng chứng được,
Đạo vô-thượng chính-chân.
Các vị nên tinh-tiến,
Tu-tập bốn pháp ấy;
Dứt được khổ sinh-tử,
Ruộng phúc nhất Thiên, Nhân.

Đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại vì các Tỳ-Khưu phân-biệt và nói rộng nghĩa của bốn pháp ấy. Trong lúc đức Như-Lai nói những pháp ấy, một nghìn hai trăm vị Tỳ-Khưu, tức thời đối với mọi pháp, lậu-nghiệp hết, ý khai-giải, thành bậc A-la-hán.

TOÁT-YẾU

Đường đến thôn Càn-đồ, phải qua thành Tỳ-da-ly.

Đức Thế-Tôn đi qua thành này Ngài ngửa mặt lên nhìn và cười – nụ ười hàm-ý vĩnh-biệt của Ngài.

Giữa lúc ấy chư Thiên trên hư-không khóc-lóc, nước mắt chảy xuống như mưa. Các vị Tỳ-Khưu lại buồn!

Do đó, các người dòng Ly-xa, thành Tỳ-da-ly nghe biết, kéo nhau đến lễ Phật và thỉnh Phật lưu lại thế-gian, đức Phật dạy: “Sự-vật đều vô-thường: Núi Tu-di, biển rộng lớn, mặt trời, mặt trăng, cõi đất, sự ân-ái, thân kim-cương... đều bị vô-thường chuyển-ly! Thôi, các vị đừng thỉnh Tôi nữa! Các vị hãy lắng tâm nghe Tôi nói về 7 pháp sau đây: 1/ Vui-vẻ, hòa-thuận với nhau. 2/ Giác-ngộ nhau và bàn về nghiệp thiện. 3/ Giữ giới và lễ-nghi. 4/ Cung-kính cha mẹ, các bậc tôn-trưởng. 5/ Thân-thích hòa-mục thừa-thuận lẫn nhau. 6/ Sửa-sang, cúng-dàng tháp-miếu trong nước. 7/ Giữ Phật-pháp, kính Tỳ-Khưu và quý mến thiện-nam, tín-nữ”.

Ngài lại hướng về các vị Tỳ-Khưu, dạy các vị nhiều pháp thiết-thực, cần thực-hành[29].

Sau đó, vợ những người dòng Ly-xa đến lễ Phật và cũng thỉnh đức Phật lưu lại thế-gian. Đức Phật không nhận lời và khuyên: “Nên giữ giới tinh-cần và ý-niệm ngay thẳng, không nên xiểm-nịnh, ghen-ghét, tức như Tôi ở đời vậy!”

Đến lượt nàng Am-bà-la.

Nàng là một người có sắc đẹp tuyệt-vời. Phòng sự khởi tâm của chúng, trước khi nàng đến, đức Phật đã cho đại-chúng biết về phép quán bất-tịnh.

Nàng đến, lễ Phật, thỉnh Phật và đức Phật cũng dạy như các vị đến trước.

Một lần nữa, Ngài khuyên chung tất cả nên giữ giới thanh-tịnh, không nên thiếu-phạm. Và, Ngài nói về sự lợi, hại của người giữ giới và phạm giới.

Sau cùng, Ngài từ-biệt ra đi đến thôn Càn-đồ.

Vì sự quá quyến-luyến của mọi người quyết theo Ngài không trở về, Ngài phải hóa làm con sông ngăn-cách hai bên, mới đi được.

Đến thôn Càn-đồ, Ngài dạy các vị Tỳ-Khưu về 4 pháp: Giới, Định, Tuệ và Giải-thoát.

V. 4 ĐẾ VÀ 4 QUYẾT-THIỆT

Sau đó, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu, đều từ tòa ngai của mình đứng dậy, đi đến thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù, cho đến thành Thiện-già. Đến thành kia, Ngài cùng các vị Tỳ-Khưu đi quanh trước sau, rồi ngồi tại một nơi. Đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Có bốn Thánh-đế, các vị nên chăm quán-sát: Một là Khổ-đế. Hai là Tập-đế. Ba là, Diệt-đế. Bốn là, Đạo-đế.

Các vị Tỳ-Khưu! KHỔ-ĐẾ tức là tám-khổ: Một là, khổ về sinh, hai là, khổ về già, ba là, khổ về bệnh, bốn là, khổ về chết, năm là, khổ về mong cầu không được, sáu là, khổ về sự oán-ghét phải hội-ngộ, bảy là, khổ về tình ân-ái phải biệt-ly, tám là, khổ về năm ám[30] rờ-thịnh. Các vị nên biết: tám thứ khổ ấy cùng pháp hữu-lậu[31] bức-bách, nên thực là khổ.

TẬP-ĐẾ: Vô-minh tham-ái làm nhân căn-bản cho tám khổ kia, nên biết Tập-đế này thực là nhân của khổ.

DIỆT-ĐẾ: Vô-minh tham-ái diệt, ngắt đứt nhân khổ, nên biết Diệt-đế này thực là diệt.

ĐẠO-ĐẾ: Tức là bát-chính-đạo (tám con đường chính): Một là, chính-kiến (hiểu biết, tư-tưởng chân-chính), hai là, chính tư-duy (suy-nghĩ chân-chính), ba là, chính-ngữ (nói năng chân-chính), bốn là, chính-nghiệp (hành-động chân-chính) năm là, chính-mệnh (nghề sống chân-chính), sáu là, chính tinh-tiến, bảy là, chính-niệm (nhớ nghĩ chân-chính), tám là chính-định. Tám pháp ấy, thực là con đường của Thánh-nhân. Nếu ai tinh-siêng quán được bốn Thánh-đế ấy, nhất-định chóng xa được bể sinh-tử, đến nơi giải-thoát.

Các vị Tỳ-Khưu! Trong bốn Thánh-đế ấy, nếu ai đã đạt tới chỗ cứu-cánh, cũng nên cố gắng giải-thuyết cho người khác. Sau khi Tôi diệt-độ, các vị cũng nên siêng năng suy-nghĩ, tu-tập.”

Giữa lúc đức Như-Lai nói pháp này, năm trăm vị Tỳ-Khưu, lậu-nghiệp hết, ý khai-giải, thành bậc A-La-Hán; bốn vạn chư Thiên trên hư-không, do nơi pháp này, xa lìa trần-cầu, được pháp-nhân-tịnh.

Đức Thế-Tôn lại bảo các vị Tỳ-Khưu: “Có bốn pháp quyết-định về sự nói: (quyết-thuyết): Một là, nếu có vị Tỳ-Khưu, ham thuyết-pháp, nói là: “tôi thân theo Phật, nghe Phật nói pháp như thế, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy và tôi thụ-trì, đọc tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng các vị nên theo chỗ nghe được ấy, tự suy-nghĩ, rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận (pháp-tướng) có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy các vị nên thụ-trì, khen ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi. Các vị nên biết: pháp ấy không phải Tôi nói.”

Hai là, nếu có vị Tỳ-Khưu ham thuyết-pháp nói là: “tôi ở chỗ kia... nghe các vị Tỳ-Khưu-Tăng được pháp như thế, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy. Và tôi thụ-trì, đọc-tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng, các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy-nghĩ rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ-trì, khen-ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi. Các vị nên biết: pháp ấy không phải Tôi nói cũng không phải các vị Tỳ-Khưu kia nói”.

Ba là, nếu có vị Tỳ-Khưu, ham thuyết-pháp, nói là: “tôi theo nơi Tăng-già-lam[32] kia, nơi A-lan-nhã[33] kia, có nhiều vị Tỳ-Khưu thượng-tọa, đều là các vị nghe nhiều, học giỏi, thông-minh, trí-tuệ, nói ra pháp ấy, tôi được nghe, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy và tôi thụ-trì, đọc tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng, các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy-nghĩ rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ-trì, khen-ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi. Các vị nên biết: pháp ấy không phải Tôi nói.”

Bốn là, nếu có vị Tỳ-Khưu ham thuyết-pháp, nói là: “tôi theo nơi Tăng-già-lam kia, nơi A-lan-nhã kia, có một vị Tỳ-Khưu thượng-tọa, trí-tuệ, nghe nhiều, nói ra pháp ấy, tôi được nghe, tôi hiểu rành-rẽ nghĩa của pháp ấy và tôi thụ-trì, đọc tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy-nghĩ rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ-trì, khen-ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì,

cũng không nên khen-ngợi! Các vị nên biết pháp ấy không phải Tôi nói.”

Các vị nên phân-biệt rõ bốn pháp quyết-định về sự nói ấy, lại cũng dùng pháp ấy phân-biệt thuyết-pháp, trao-truyền cho người khác.

Dù Tôi còn ở đời hay Tôi nhập Niết-Bàn, đối-trá hay chân-thực, các vị dùng pháp ấy, biết rõ!”

Khi ấy, các vị Tỳ-Khưu bạch Phật rằng: “Quý hóa thay, lay đức Thế-Tôn! Từ nay về sau, chúng con xin phân-biệt lời Phật nói và lời ma nói!”

TOÁT-YẾU

Qua thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu đến thành Thiện-Già. Tại đây, Ngài dạy các vị Tỳ-Khưu nên chăm quán-sát về Tứ-thánh-đế: Khổ-đế, Tập-đế, Diệt-đế và Đạo-đế.

Ngài lại dạy các vị về bốn pháp quyết-định của sự nói: Bốn pháp ấy là:

1/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là thân đi theo Phật, nghe được pháp ấy, hiểu nghĩa và thụ-trì đọc tụng pháp ấy rất thông-lợi, thời các vị nên đem chỗ nghe được ấy, suy-nghĩ xem pháp ấy có đúng với kinh, luật, luận hay không. Nếu đúng các vị nên thụ-trì, khen-ngợi. Bằng không đúng thì thôi, vì pháp ấy không phải Tôi nói.

2/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là ở nơi các vị Tỳ-Khưu-Tăng kia được nghe pháp ấy v.v... cũng cần nên suy-nghĩ như trên.

3/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là ở nơi Tăng-già-lam, A-lan-nhã kia, có nhiều vị Tỳ-Khưu thượng-tọa giỏi, nói ra pháp ấy và vị ấy được nghe v.v... cũng cần nên suy-nghĩ như trên.

4/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là ở nơi kia có một vị Tỳ-Khưu thượng-tọa giỏi, nói ra pháp ấy và vị ấy được nghe v.v... cũng cần nên suy-nghĩ như trên.

Ngài dạy tiếp: “Các vị nên phân-biệt rõ 4 pháp quyết-định về sự nói ấy và cũng dùng 4 pháp ấy phân-biệt thuyết-pháp, trao-truyền cho người khác. Dù Tôi ở đời hay nhập Niết-Bàn, đối-trá hay chân-thực, các vị dùng pháp ấy biết rõ!”

VI. PHÁT-BA-DỤC-ĐẾ CÚNG TRAI

Bấy giờ, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu đều từ tòa ngòai của mình, đứng dậy, đi đến thôn Cưu-bà. Đến thôn kia, Ngài cùng các vị Tỳ-Khưu, đi quanh trước sau, rồi ngồi xuống dưới một gốc cây.

Khi ấy, những người Bà-la-môn, Trưởng-giả, Cư-sĩ trong thôn kia, nghe thấy đức Phật đã đến thôn mình, đều cùng nhau đổ xô đến chón Phật. Đến nơi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi ngồi lui về một bên, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu tới thôn chúng con, chúng con riêng nhận có ý-thú khác!”

Đức Như-Lai liền đáp: “Sau đây ba tháng Tôi sẽ nhập Niết-Bàn, nên từ thành Tỳ-Da-Ly, đi khắp thôn-ấp làn-lượT Tôi đến thôn này!”

Mọi người nghe đức Phật nói lời ấy, thương khóc áo-não, buồn-bã lẫn ra đất, khoa tay, bứt đầu, đấm ngực kêu to: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi, chúng con không bao lâu nữa, mất nơi quy-hướng, dẫn-đạo!”

Kêu rồi họ sụt-sùi bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn, ở lại cõi thọ trong một kiếp hay non một kiếp.”

Đức Thế-Tôn đáp: “Các vị không nên sinh tâm buồn-rầu như thế! Sao vậy. – Tính, tướng của pháp hữu-vi như thế. Các vị nên bỏ tính lo buồn đi, tĩnh-tâm nghe Tôi thuyết-pháp lần cuối cùng!”

Lúc đó, những người kia, tự gượng nín nhịn, cúi đầu lặng nghe. Khi ấy, trong tòa ngòai kia, có một người Bà-la-môn, tên là Phát-ba-dục-đế, là người thông-minh, trí-tuệ, nghe nhiều, nhớ kỹ, đức Như-Lai liền bảo người ấy rằng: “Các vị nên biết: người tại-gia có bốn pháp, phải nên tu-tập: Một là, cung-kính cha mẹ, hết lòng hiếu-dưỡng. Hai là, thường đem pháp lành, dạy bảo vợ con. Ba là, thương, nhớ tôi đòi, biết những thức họ có hay không. Bốn là, gần-gũi thiện-tri-thức,

xa tránh người ác. Nếu các ông thường làm được bốn pháp ấy, đời nay được người kính mến, đời sau thường sinh vào chốn thiện.

Lại nữa, ông Phát-ba-dục-đế! Người tại-gia có bốn pháp vui: Một là, không nợ tiền của người khác, thời không có sắc mặt hổ-thẹn. Hai là, người rất giàu có, tự tiếc không dám dùng gì, ngay đến cha mẹ, vợ con, thân-thích quyến-thuộc, đều không chu-cấp và không cúng-dàng các bậc Sa-môn, Bà-la-môn. Ba là, người rất giàu có, thân mặc áo đẹp, miệng ăn mùi ngon; biết cúng-dàng cha mẹ, thân-thích quyến-thuộc đều chu-cấp và phụng-sự các bậc Sa-môn, Bà-la-môn. Bốn là, người được ba nghiệp: thân, khẩu, ý, không làm ác; thông-minh trí-tuệ, ưa thích nghe nhiều.

Các ông nên biết: người tại-gia tuy có pháp vui ấy, nhưng, người không mang nợ người khác cùng người chỉ có tâm sên tham, thời pháp ấy gọi là pháp vui tối hạ; người hay làm việc bố-thí, là pháp vui của bậc trung, còn người mà nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý, không tạo ác, thông-minh, trí-tuệ, ưa thích nghe nhiều, thời pháp ấy là pháp vui hơn hết (thượng thắng)".

Đức Như-Lai liền nói kệ:

Không nợ cùng sên tham,
Gọi là vui tối hạ,
Có của đem bố-thí,
Ấy là vui bậc trung.
Ba nghiệp luôn trong sạch,
Trí-tuệ, thích nghe nhiều;
Đó là vui hơn hết,
Người trí-tuệ chăm làm.
Các vị từ ngày nay,
Cho đến hết cõi thọ;
Già trẻ dạy lẫn nhau,
Làm pháp trung, thượng ấy.[34]

Bấy giờ, bọn ông Phát-ba-dục-đế bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ nay chúng con xin đem pháp trung và pháp thượng (hơn hết), mở tỏ và dìu-dắt lẫn nhau!”

Khi ấy, bọn ông Phát-ba-dục-đế, năm trăm người liền ở trước Phật, thụ tam quy-y[35] và ngũ giới[36]. Bọn ông Phát-ba-dục-đế kia lại

bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn cùng chư Tỳ-Khưu-Tăng, ngày mai hoan-hỷ nhận sự cúng-dàng của chúng con.” Đức Như-Lai mặc nhiên ưng-thuận.

Bọn ông Phát-ba-dục-đế biết đức Phật ưng-thuận rồi, liền từ tòa ngời của mình đứng dậy, cùng chúng-nhân lại chiêm lễ ở đây, đều lễ Phật lui về.

Về đến nhà mình, suốt đêm họ đi sắm-sửa các thức ăn uống thơm-tho, ngon-lành. Đến ngày mai, khi sắp đến giờ ăn, họ sai người tín thành tới bạch Phật: “Kính xin Đức Thế-Tôn, biết thì giờ thụ-trai, việc trai-soạn đã xong!”

Khi ấy, đức Như-Lai cùng các vị Tỳ-Khưu-Tăng, vây quanh trước sau Phật, đi tới nhà bọn ông Phát-ba-dục-đế. Đến nơi, lần-lượt ngồi xuống. Ông Phát-ba-dục-đế, thấy đức Phật và chúng Tăng, đều an-tọa rồi, ông đi lấy nước, tự tay châm-chuốc[37] các thức ăn uống. Còn năm trăm người Bà-la-môn, Trưởng-giả, cư-sĩ, đều đem những cỗ cơm ngon tới nhà ấy, cùng cúng-dàng lên Phật.

Giữa bữa ăn, trong các vị Tỳ-Khưu, có vị không khéo giữ uy-nghi nơi thân-tướng, các người Bà-la-môn, Trưởng-giả, Cư-sĩ trông thấy vị ấy như thế, trong tâm không được vui-vẻ.

Đức Thế-Tôn biết tâm chúng-nhân như thế, Ngài liền phổ-cáo rằng: “Các ông nên biết: chính-pháp của Như-Lai sâu rộng như bể, không thể sánh-lường được. Trong bể lớn, có những chúng-sinh thân-thể rất to, dài đến một vạn sáu nghìn do-tuần, hoặc có chúng-sinh thân dài tám nghìn do-tuần, thân dài bốn nghìn do-tuần, thân dài một nghìn do-tuần, thân dài một tấc, nửa tấc, cho đến những thân cực-vi. Bể pháp của Như-Lai cũng thế, trong ấy hoặc có vị được quả A-la-hán, đủ ba phép minh[38] cùng sáu phép thần-thông[39] là vị có uy-đức lớn, đem lại phúc-lợi cho Nhân-Thiên và trong ấy lại cũng có vị được quả A-Na-Hàm[40], Tư-Đà-Hàm[41], Tu-Đà-Hoàn[42], nghĩa là, trong ấy cũng có các vị được tứ quả - tứ hướng[43]; cho đến cũng có những người phàm-phu chưa được pháp-lợi gì. Thế nên, các vị không nên đối với trong bể pháp, sinh tâm nghi-ngại!”

Lúc đó đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Hết thủy mọi dòng sông,
Đều chảy về biển cả.
Cúng cơm Phật và Tăng,
Phúc về mình cũng vậy!

Đức Như-Lai nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại vì mọi người, nói hết thủy mọi pháp. Ở trong pháp ấy, bọn ông Phất-ba-dục-đế năm trăm người, xa lìa trần-khổ, được pháp-nhãn-tịnh.

TOÁT-YẾU

Đến thôn Cư-Bà đức Phật cùng các vị Tỳ-Khưu đến ngồi dưới gốc cây.

Những người Bà-la-môn, Trưởng-giả, Cư-sĩ trong số ấy có cả ông Phất-ba-dục-đế trong thôn nghe biết, kéo nhau đến lễ Phật, được biết đức Phật sắp nhập Niết-Bàn. Họ kêu khóc, thỉnh Phật lưu lại thế-gian, nhưng Phật không nhận lời và đều được Ngài an-ủi như bao lần trước.

Tới đây, Ngài dạy: “Người tại-gia có 4 pháp cần nên tu-tập:

- 1/ Cung-kính và hiếu-dưỡng cha mẹ.
- 2/ Đem pháp lành dạy vợ con.
- 3/ Thương mến và giúp đỡ tôi-tớ.
- 4/ Gần bạn lành, tránh bạn ác.

Ngài lại dạy: “Người tại-gia có 4 pháp vui:

- 1/ Không nợ ai.
- 2/ Giàu có nhưng bền sèn với cả mình, cha mẹ, thân-thích v.v...
- 3/ Cự-phú biết ăn mặc, cung-dưỡng cha mẹ, thân-thích, phụng-sự các vị tu-hành.
- 4/ Thân, khẩu, ý, không làm ác, thông-minh, trí-tuệ, nghe nhiều.

Bốn hạng người này, 2 hạng đầu là pháp vui tối hạ, hạng thứ 3 là bậc trung, còn hạng thứ 4 là bậc thượng. Vậy, từ nay các vị nên làm theo bậc trung và bậc thượng kia!”

Mọi người nghe Phật nói pháp đều hoan-hỷ, xin thụ Tam-quy, ngũ-giới và xin thỉnh Phật cùng chúng Tăng ngày mai tới nhà nhận sự cúng-dàng của họ.

Trong bữa ăn, có vị không nghiêm-chỉnh uy-nghi, họ trông thấy, tâm họ không được vui vẻ. Đức Phật cảm thấy thế, Ngài dạy: “Trong bể lớn có nhiều loại chúng-sinh, to, nhỏ khác nhau, trong bể Pháp của Tôi cũng vậy, có các vị được Tứ-quả và cũng có những người phàm-phu chưa được pháp-lợi gì. Các vị không nên ngờ-vực. Và, biết rằng cúng-dàng Phật, chúng Tăng, phúc ấy mình sẽ được, như nước mọi sông, đều chảy về bể cả!”

Nghe đức Phật nói, mọi người xa lìa được trần-cầu và được pháp-nhãn-tịnh.

VII. ÔNG THUẦN-ĐÀ THỈNH PHẬT

Sau đó, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu-Tăng từ tòa ngai của mình đứng dậy, lại tiến về phía trước, đến thành Ba-ba. Khi ấy, bọn ông Phất-ba-dục-đế năm trăm người, thương xót kêu-khóc, kính-tiền đức Như-Lai lên đường, họ bồi-hồi đoái nhìn mộ-kính, đến khi không trông thấy nữa, họ mới trở về.

Khi đức Thế-Tôn đến thành Ba-ba rồi, trong thành kia, có người con của một thợ khéo, tên là Thuần-Đà (Cunda). Nhà ông Thuần-Đà có một khu vườn, rất tĩnh-mịch, đức Như-Lai liền cùng các vị Tỳ-Khưu vây-quanh trước sau, đi đến vườn kia.

Ông Thuần-Đà nghe biết đức Phật cùng chúng Tăng đến vườn nhà mình, vui mừng hớn hở, không tự hãm được, ông cùng những người đồng loại, đều đến nơi Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi đứng lùi một bên, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Chúng con không biết đức Thế-Tôn, có duyên gì tới đây, hoặc có ý-thú gì khác?”

Đức Thế-Tôn đáp: “Nay Tôi sở-dĩ đến đây, là vì không bao lâu nữa Tôi sẽ nhập Niết-Bàn, Tôi muốn tương kiến lần cuối cùng!”

Bấy giờ, ông Thuần-Đà cùng những người đồng loại của ông, nghe đức Phật nói lời ấy, tâm não-thương quá, buồn-bã lăn ra đất, ngất đi

giờ lâu mới tỉnh, khẽ bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế-Tôn! Nay Ngài bỏ chúng-sinh, không đem lòng từ, niệm đến họ nữa hay sao mà Ngài muốn nhập Niết-Bàn? Kính xin Ngài hãy ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp!” Tức thời, ông lại bứt đầu, đâm ngực, kêu to: “Than ôi, khổ lắm thay! Con mắt của thế-gian mất rồi, hết thấy chúng-sinh từ nay về sau chìm-đắm trong bể sinh-tử, không có kỳ nào ra khỏi được! Sao vậy? Đáng Vô-Thượng Đạo-Sư nhập Niết-Bàn rồi!”

Đức Thế-Tôn bảo ông Thuần-Đà: “Nay ông không nên sinh tâm lo buồn, hết thấy mọi hành-tướng của các pháp đều như thế, đều bị vô-thường đổi dời; ân-ái hội-hợp, quyết có lúc ly-biệt, nên nay ông đừng sinh tâm lo-buồn nữa!”

Ông Thuần-Đà liền bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay chúng con cũng biết mọi hành-tướng là vô-thường, ân-ái hội-hợp đều phải biệt-ly nhưng, đáng Vô-Thượng-Tôn sẽ nhập Niết-Bàn, làm sao chúng con không thương-xót, áo-nảo được!”

Khi ấy, đức Thế-Tôn vì ông Thuần-Đà nói hết thấy pháp. Ông Thuần-Đà nghe rồi, tâm lo buồn hơi bớt, liền từ tòa ngòai của mình đứng dậy, thân chỉnh uy-nghi, chỉnh áo vai hữu, chỉnh lễ xuống chân Phật, bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Ngày mai kính xin đức Thế-Tôn, nhận sự cúng-dàng đạm-bạc của chúng con!” Đức Thế-Tôn mặc nhiên ưng-thuận.

Lúc đó, ông Thuần-Đà biết đức Phật đã ưng-thuận, ông liền lễ xuống chân Phật, lui về.

Ông Thuần-Đà về nhà, suốt đêm sắm-sửa nhiều thức ăn uống ngon lành. Ngày mai, khi sắp đến giờ ăn, ông sai người tín-thành tới bạch Phật: “Kính xin đức Thế-Tôn biết thì giờ thụ-trai, việc trai-soạn đã xong!”

Khi ấy, đức Như-Lai cùng các vị Tỳ-Khưu vây-quanh trước sau Ngài, đến nhà ông Thuần-Đà. Đến nơi, lần-lượt ngòai xuống. Ông Thuần-Đà thấy đức Phật ngòai rồi, ông liền đi lấy nước, tự tay châm-chước các đồ tinh-soạn xuống bát. Đức Thế-Tôn cùng chúng Tăng ăn xong, rửa bát, về chỗ ngòai cũ. Ông Thuần-Đà cũng ngòai. Đức Thế-Tôn bảo ông Thuần-Đà: “Nay ông đã làm được việc phúc hiếm có. Cúng-dàng cơm Phật và các vị Tỳ-Khưu-Tăng lần cuối cùng, quả-báo ấy, không bao giờ hết được. Mọi phúc của hết thấy chúng-sinh gieo-trồng,

không có gì có thể so-sánh được với phúc cúng-dàng của ông, ông nên tự sinh ra tâm vui mừng. Nay lần cuối cùng ta nhận lời thỉnh của ông xong, Ta không nhận lời thỉnh cúng cơm của ai nữa!”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:
Ông nay đã dựng nên,
Một công-đức hiếm có;
Cuối cùng được cúng cơm,
Phật cùng Tỳ-Khưu-Tăng.
Công-đức ngày thêm lên,
Mãi mãi không cùng-kiệt.
Nay ông nên tự mình,
Sinh tâm rất vui mừng;
Hết thấy phúc người tạo,
Không sánh kịp phúc ông!

TOÁT-YẾU

Đến thành Ba-ba, đức Phật cùng chúng Tăng đến nghỉ tại khu vườn của nhà ông Thuần-Đà.

Ông Thuần-Đà cùng những người đồng-loại nghe biết, đến lễ Phật và thỉnh-vấn việc Ngài tới đây. Ngài dạy: “Tôi sắp nhập Niết-Bàn, nên Tôi muốn tới đây tương-kiến”.

Ông Thuần-Đà cùng mọi người nghe thấy thế buồn-rầu, kêu-khóc thỉnh Phật lưu lại thế-gian, thời Ngài đều an-ủi như bao người trước.

Tiếp đó, ông thỉnh Phật cùng chúng Tăng ngày mai hoan-hỷ tới nhà ông dùng cơm. Đức Phật im-lặng.

Sau bữa cơm, đức Phật bảo ông Thuần-Đà: Nay ông đã làm được việc phúc hiếm có là cúng-dàng Phật, chúng Tăng lần cuối cùng. Phúc-báo ấy không bao giờ hết được. Mọi phúc-báo của chúng-sinh, không thể so-sánh được với phúc-báo của ông. Ông nên khởi tâm vui mừng. Đây là lần cuối cùng Ta nhận lời thỉnh của ông thôi!”

VIII. PHẬT ĐỘ ÔNG PHÁT-CA-SA

Khi đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài liền bảo ông A-Nan: “Nay Tôi thấy đau mình, muốn chóng đến thành Cưu-thi-na!”

Bấy giờ, ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khưu và ông Thuần-Đà, nghe đức Phật nói lời ấy, sinh đau khổ quá, kêu-khóc thướt-mướt, không tự hãm được.

Ngay lúc đó, đức Thế-Tôn từ tòa ngai của mình đứng dậy, cùng các vị Tỳ-Khưu vây-quanh trước sau, đi về thành kia. Ông Thuần-Đà cùng quần-thuộc cũng đi theo đức Như-Lai.

Nửa đường đức Thế-Tôn ngồi nghỉ dưới một gốc cây, Ngài bảo ông A-Nan: “Nay Tôi đau bụng quá!”. Ngài dựa vào ông A-Nan mà đi. Đi cách chỗ kia chưa được mấy, Ngài thổ-huyết lại trở lại dưới gốc cây cũ, Ngài bảo ông A-Nan: “Ông cầm cái áo Tăng-già-lê[44], gấp bốn trải xuống đất, Tôi muốn ngồi nghỉ đây, chứ không thể tiến lên được nữa!” Ông A-Nan vâng lời đức Phật dạy, làm y như thế.

Đức Thế-Tôn ngồi nghỉ dưới gốc cây và bảo ông A-Nan: “Nay Tôi khát nước, ông đến sông Ca-khuất-ta, kín ít nước sạch về cho Tôi uống!”.

Ông A-Nan bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế-Tôn! Vừa nãy có những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe qua sông ấy, sợ nước sông đục, không thể uống được!”

Ông A-Nan bạch như thế đến ba lần. Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông cứ đi đi!” Ông A-Nan cầm bát đi, đến trên bờ sông, thấy nước sông lắng trong, tâm rất sợ hãi, rón cả mình-mẩy, chân lông, ông tự nghĩ rằng: “Vừa rồi ta thấy những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe qua sông này, ý hẳn còn đục, ngờ đâu lại trong, thành ra ta trái-nghịch lời sai khiến của Như-Lai!”.

Nghĩ rồi ông kín nước đem về dâng cúng Phật và nói lên rằng: “Lạ lắm, lạy đức Thế-Tôn! Vừa rồi con thấy những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe, trước sau qua sông, đáng lẽ trong vòng mười ngày, nước còn chưa trong, thế mà nhờ thần-lực của đức Thế-Tôn trong chót-lát đã trong mát rồi!”

Đức Thế-Tôn liền bưng nước uống.

Bấy giờ, có một người con của Mãn-la tiên-nhân, tên là Phất-Ca-Sa, là đệ-tử của Ca-lan tiên-nhân. Ông này từ thành Cưu-Thi-Na, đến thành Ba-ba, giữa đường tình-cờ thấy đức Như-Lai ngồi nghỉ dưới gốc cây. Ông liền chấp tay vấn-tán, rồi ngồi lui về một bên bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế-Tôn! Pháp xuất-gia, sự-nghiệp tọa-thiền là tối đệ-nhất, vì nó điều phục tình-căn, làm cho tâm không rối-loạn, chuyên-tinh tịch-tĩnh, không kinh sợ gì. Sao vậy? – Vì, tôi ghi nhớ: xưa kia tôi theo thầy tôi là Ca-lan tiên-nhân, đi trên đường-trường. Khi đã mỏi-mệt, chúng tôi ngồi nghỉ dưới gốc cây bên đường. Thầy tôi liền tọa-thiền tư-duy. Giữa lúc đó, có những người lái-buôn chở năm mươi cỗ xe qua trước, mà thầy tôi vẫn ngồi im-lặng, thân không lay động. Và, cứ như thế khá lâu, thầy tôi mới từ thiền-định tỉnh dậy. Tôi liền bạch với thầy tôi rằng: “Bạch thầy lúc thầy ngồi thiền tại đây, có những người lái-buôn cùng năm mươi cỗ xe qua trước, tiếng kêu như sấm, không biết thầy có nghe thấy không?” Thầy tôi đáp: “Ta không thấy gì cả.” Tôi lại hỏi: “Vậy thầy có nghe thấy tiếng xe đi không?” Thầy tôi cũng đáp là không nghe thấy. Tôi bạch: “Bạch thầy, nay trên áo thầy sờ-dĩ có những bụi bám như-nhớt, là do những xe kia đi qua, gây nên thế!” Khi ấy, tôi cho là rất lạ lùng và biết rằng: pháp tọa-thiền thực đáng kính-trọng, vì nó khéo điều-nhiếp được tình-căn, không làm rối loạn!”.

Đức Thế-Tôn đáp ông Phất-ca-sa rằng: “Sự ông vừa nói, không phải lạ-lùng. Sao vậy? Nếu có người không phải ngủ-say, cũng không phải nhập Diệt-tận-định[45], tâm đoan-chính, ngồi Thiền, lúc đó có năm trăm cỗ xe đi qua, người ấy vẫn không biết, không nghe thấy gì, như thế mới là lạ-lùng chứ!

Lại nữa, ông Phất-ca-sa! Đây cũng chưa phải là rất lạ. Nếu có người chính-niệm tọa-thiền, gặp lúc trời sấm-sét ầm ầm, sáng lóe, bấy giờ có hai anh em người đi cày, nghe tiếng kinh sợ ấy, tức thời chết tươi và bốn con trâu gàn đày cũng chết ngay, mà người ngồi thiền kia không biết, không nghe thấy gì, thế được gọi là lạ-lùng chăng? Ông Phất-ca-sa thưa: Lạy đức Thế-Tôn! Năm trăm cỗ xe qua trước không biết, không nghe, đã là lạ-lùng, phương chi lại sấm-sét, sáng lóe, ầm ầm động đất không biết, không nghe, thời là rất hiếm có!”

Đức Thế-Tôn bảo ông Phát-ca-sa: “Xưa kia ta chính tâm ngồi thiền, suy-nghĩ dưới một gốc cây ở thôn A-xa-ma. Lúc đó, có những người lái-buôn cùng năm trăm cỗ xe qua trước chỗ ta ngồi, ta suy-nghĩ trong thiền-định không biết, không nghe thấy gì. Những người lái-buôn kia, đi qua giờ lâu, Tôi mới xuất-định. Họ vừa đi vừa ngoảnh lại trông. Lúc họ xa trông thấy Tôi đứng dậy, họ ùa chạy lại, thấy cát bụi bám nhơ-nhớp trên áo Tôi, họ liền phủ đi và hỏi rằng: “Vừa rồi, chúng tôi cùng năm trăm cỗ xe đi qua đây, đức Thế-Tôn có trông thấy không? Tôi đáp: “Tôi không trông thấy!” Họ lại hỏi: “Đức Thế-Tôn nhắm mắt nên không trông thấy, nhưng, chắc là nghe thấy tiếng?” Tôi đáp: “Tôi cũng không nghe thấy tiếng!” Họ lại hỏi: “Vậy đức Thế-Tôn ngủ say hay là nhập Diệt-tận-định?” – Tôi đáp: “Tôi không ngủ say cũng không phải nhập Diệt-tận-định, Tôi chỉ ở trong thiền suy-nghĩ, nên không nghe, không thấy gì!” Họ nghe lời nói ấy của Tôi, họ cho là rất lạ-lùng, khen chưa từng có bao giờ và nói rằng: “Sức tọa-thiền được như thế đấy!” Tôi liền vì họ, nói cho họ nghe mọi pháp và những người lái-buôn kia, do nơi mọi pháp ấy, đều xa lìa trần-cấu, được pháp-nhãn-tịnh.

Lại nữa, ông Phát-ca-sa! Ngày trước Tôi ngồi một mình trong khoảnh ruộng bên thôn kia, lặng-lẽ suy-nghĩ thiền, chốc-lát tự-nhiên sấm-sét vang-giật, gió mưa chấn-động cả trời đất. Khi ấy có hai anh em người cày ruộng, chợt nghe thấy những tiếng ấy, đều cùng sợ mà chết; lại có bốn con trâu cũng đều chết tươi. bấy giờ, người trong thôn kia, nghe tin có hai người đi cày, nghe tiếng sét sợ chết, hoặc cha mẹ, vợ con, bạn-bè, họ-hàng hợp cùng những người trong thôn đi theo, khóc-lóc lại xem; lúc đó, Tôi mới ở trong thiền-định tỉnh dậy, thấy mặt đất đầy nước bùn, lại có nhiều người, tụ-tập gào khóc. Có một người đi lại, Tôi liền hỏi: “Sao lại có nhiều người tụ-tập lại đây và khóc-lóc như vậy?” - Người kia đáp: “Vừa rồi đức Thế-Tôn không nghe biết tiếng sấm, sét ư?” Có hai anh em nhà kia trong thôn con, cày ruộng tại nơi đây, hai người đồng thời bị sét đánh chết và cả bốn con trâu cũng đều bị chết, sao mà đức Thế-Tôn không hiểu biết gì? Hay là, vừa rồi đức Như-Lai ngủ say, hoặc là Ngài nhập Diệt-tận-định ư? – Tôi đáp: “Không, vừa rồi Tôi không ngủ say cũng không nhập Diệt-tận-định, Tôi chính-tâm, im-lặng ngồi thiền, nên Tôi không nghe thấy đó?” Người kia nghe đức Phật nói lời ấy, cho là rất lạ-lùng, khen chưa từng có bao giờ. Tâm họ tự-niệm: “Tọa-thiền có năng-lực như thế!” Tôi liền vì họ, nói cho họ nghe mọi pháp. Họ nghe pháp rồi, do trong những pháp ấy, họ xa-lìa trần-cấu, được pháp-nhãn-tịnh.

Bấy giờ, ông Phất-ca-sa, nghe đức Phật nói lời ấy, sinh tâm hiềm có, bạch đức Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Trước đây khi tôi thấy thầy tôi ngồi thiền, năm mươi cỗ xe đi qua, không nghe, không biết gì, tôi cho là lạ-lùng; nay đức Như-Lai nói hai việc trên đây, gấp trăm, nghìn, vạn lần, không gì có thể so-sánh được với năng-lực Thiền-định không thể nghĩ, bàn được của Như-Lai!” Bạch rồi, ông theo Phật thụ Tam-quy-y. Đức Như-Lai lại vì ông nói cho nghe mọi pháp nhiệm-mầu. Ông nghe pháp rồi, tâm-ý khai-ngộ, xa lìa trần-cấu, được pháp-nhãn-tịnh.

Ông ấy liền bảo người đi hầu: “Người đi cầm hai tấm vải tốt màu vàng ròng của ta, đem lại đây cho ta, ta muốn dâng cúng Phật!” Người hầu vâng lời, lấy vải đem đến; ông Phất-ca-sa tay cầm tấm vải, quỳ thẳng trước Phật, bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay con đem tấm vải này dâng lên Thế-Tôn, kính mong Thế-Tôn thương con, nhận cho con!”

Đức Thế-Tôn đáp lời ông Phất-ca-sa: “Tôi nay vì lòng chân-thành của ông, nhận cho ông một tấm, còn một tấm ông nên đem cúng ông A-Nan! Sao vậy? – Vì, ông A-Nan đêm ngày hầu cận bên Tôi, vả lại, ngày nay ông trông nom sự đau yếu của Tôi, nếu có thí-chủ, bố-thí cho người đau yếu cùng người trông nom người đau yếu ấy, thế gọi là đầy đủ sự bố-thí lớn-lao (mãn-túc đại-thí).”

Ông Phất-ca-sa nghe đức Phật nói lời ấy, vui mừng hớn-hở, liền để một tấm vải dưới chân Phật và cầm một tấm tới chỗ ông A-Nan, quỳ thẳng, bạch rằng: “Nay tôi đem tấm vải này cúng Tôn-giả, kính mong Tôn-giả nhận cho!” Ông A-Nan đáp: “Quý hóa thay, quý hóa thay! Nay ông tin lời đáng Thiên-Nhân-Sự, tôi mong ông được an-lạc mãi-mãi, tôi xin nhận vật bố-thí của ông!”

Sau đó ông Phất-ca-sa, trở về nơi đức Phật, đức Phật lại vì ông ấy, nói cho nghe mọi pháp. Ông ấy nghe pháp rồi, chứng được quả A-na-hàm. Khi ấy, ông Phất-ca-sa lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay con muốn xuất-gia trong Phật-pháp.” Đức Phật liền gọi: “Thiện-lai Tỳ-Khưu!”[46] Lúc đó râu tóc tự sạch trụi, áo ca-sa[47] mặc vào mình, thành Sa-môn, chứng quả A-la-hán.

TOÁT-YẾU

Sau lúc phó-trai tại nhà ông Thuần-Đà, đức Phật thấy người đau, Ngài liền cùng ông A-Nan, các vị Tỳ-Khưu và quyến-thuộc ông Thuần-Đà đi về thành Cưu-thi-na.

Nửa đường Ngài đau bụng, thổ huyết, đành nghỉ lại dưới một gốc cây.

Ngài khát nước. Ông A-Nan đến sông Ca-khuất-ta kín nước về Ngài uống.

Tình-cờ, con của Mãn-la tiên-nhân, tên là Phất-ca-sa, đệ-tử của Ca-lan tiên-nhân, đi từ thành Cưu-thi-na đến thành Ba-ba, gặp Ngài tại đây.

Sau khi vấn-tấn đức Phật, ông tán-dương sự-nghiệp tọa-thiền là tối đệ-nhất, điều-phục được tình-căn, tâm không rối-loạn, không kinh sợ. Ông nói lại sự nghiệp ấy của thầy ông: một hôm ngồi thiền dưới gốc cây bên đường, năm mươi cỗ xe đi qua không biết.

Đức Phật bảo: Như thế chưa thấy gì làm lạ. Ngày xưa Tôi ngồi thiền dưới một gốc cây tại thôn A-xa-ma, năm trăm cỗ xe của người lái buôn đi qua, Tôi không nghe thấy gì. Hơn thế nữa, một hôm cũng ở thôn kia, Tôi ngồi thiền, trời mưa, sét đánh chết 2 người đi cày và 4 con trâu, mà Tôi cũng không nghe thấy chi!

Ông Phất-ca-sa nghe đức Phật nói thế, ông rất thán-phục và xin thụ Tam-quy.

Tiếp đó, ông dâng cúng Phật một tấm vải vàng tốt và đem cúng ông A-Nan một tấm, theo lời Phật chỉ-giáo.

Và, tới đây ông xin xuất-gia theo Phật-pháp, thành bậc Sa-môn, chứng quả A-la-hán.

IX. BÁO ĐIỀM NHẬP-DIỆT

Bấy giờ, từ điện-môn đức Như-Lai, phóng ra nhiều hào-quang: xanh, vàng, đỏ, trắng, pha-lê, sắc hồng. Ông A-Nan liền đỉnh lễ xuống chân

Phật, quỳ thẳng, chắp tay, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Không biết có nhân-duyên gì, mà đức Thế-Tôn hiện ra thụy-tướng ấy?”

Đức Phật đáp: Ông A-Nan! Ông nên biết có hai thời Tôi phóng ra những hào-quang sáng lớn: Một là, khi Tôi sắp thành Phật ở dưới gốc cây Bồ-Đề, phóng ra hào-quang sáng lớn. Hai là, khi Tôi sắp nhập Niết-Bàn, phóng ra hào-quang sáng lớn.”

Ông A-Nan! Ông có biết không: Tôi thành Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác, thuộc về ban đêm, khi gần sáng, thời khi tôi nhập Niết-Bàn cũng như thế! Ông nay nên biết: gần sáng đêm hôm nay, tôi sẽ nhập Niết-Bàn, khoảng hàng Sa-la song-thụ bên bờ sông Ni-liên, nơi Lực-sĩ sinh-địa[48], thuộc thành Cựu-thi-na!”

Đức Phật nói lời ấy rồi, các vị Tỳ-Khưu, chư Thiên trên hư-không, thương xót, kêu khóc, không tự hãm được.

Khi ấy, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu, đến sông Ca-khuát-ta. Đến đây, đức Thế-Tôn liền xuống sông tắm rửa. Tắm rửa xong. Ngài lại cùng các vị Tỳ-Khưu-Tăng, ngồi bên bờ sông.

Lúc đó, ông Thuần-Đà, tự trách tâm mình rằng: “Đức Thế-Tôn vì thụ bữa cơm cúng-dàng của ta, sinh ra đau bụng, mà sắp nhập Niết-Bàn chẳng?”

Đức Thế-Tôn biết tâm ông Thuần-Đà nghĩ thế, Ngài liền bảo ông A-Nan: “Này ông A-Nan! Ông nay nên biết: hết thấy chúng-sinh, chớ nên trách mình rằng đức Như-Lai vì thụ bữa cơm cúng-dàng của ta, đến nỗi bị bệnh trong thân, mà nhập Niết-Bàn. Sao vậy? - Đức Như-Lai ra đời, có hai hạng người được phúc hơn hết: Một là, khi Như-Lai sắp thành Vô-Thượng Chính-Đẳng, Chính-Giác, đem món ăn lại dâng cúng. Hai là, khi Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn, cúng-dàng bữa cơm sau cùng. Hai hạng người cúng-dàng ấy, phúc đều bằng nhau không khác và được quả-báo rất nhiều, không kể xiết được. Hai hạng người cúng-dàng như thế, kể khó gặp được cũng như hoa Ưu-đàm[49], bao thời, bao thời, mới có một lần!”

Đức Thế-Tôn liền bảo ông Thuần-Đà: “Ông Thuần-Đà! Tâm ý ông hiện nay chính có niệm ấy. Ông không nên tự sinh tâm hối-trách như thế. Ông đã được sự quý-báu vô-thượng khó được như thế, ông nên tự sinh ra tấm lòng vui mừng, may-mắn. Ông nên biết: Trong trăm,

ngàn, muôn kiếp, khó được nghe thấy danh-hiệu Phật. Tuy có khi được nghe danh-hiệu Phật, nhưng, trông thấy được Phật lại khó. Tuy có khi trông thấy được Phật, nhưng, cúng-dàng được cũng khó. Tuy có khi được cúng-dàng, nhưng, được dự vào hai hạng cúng-dàng như trên, cũng lại rất khó. Ông nay đã được phúc-quả ấy, không bao lâu nữa, ông sẽ được biện-tài, trí-tuệ, sắc-lực và thọ-mệnh.”

Ông Thuần-Đà nghe đức Phật nói lời ấy, tâm sinh vui mừng không tự hãm được, bạch Phật rằng: “Sung-sướng thay, lạ đức Thế-Tôn! Nay con đã được lợi-ích lớn-lao như thế!”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

“Người bố-thí được phúc,
Người từ-tâm không oán;
Người làm thiện khỏi ác,
Người ly-dục[50] không nã.
Nếu làm hạnh như thế,
Không lâu, chứng Niết-Bàn.”

Đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài bảo ông Thuần-Đà: “Ông Thuần-Đà! Nay ông nên đem việc phúc-báo trong sự cúng-dàng lần cuối cùng này, nói khắp cho mọi người nghe, làm cho những người được nghe ấy, được sự an-lạc mãi-mãi!”

TOÁT-YẾU

Sau khi độ ông Phất-ca-sa rồi, từ điện-môn, đức Thế-Tôn phóng ra hào-quang nhiều màu.

Ông A-Nan không hiểu, đĩnh lễ hỏi Phật về nhân-duyên ấy, đức Phật dạy: “Có 2 thời-kỳ Tôi phóng hào-quang lớn là khi Tôi sắp thành-đạo dưới gốc Bồ-Đề và khi Tôi sắp nhập Niết-Bàn. Trước khi Tôi thành-đạo vào lúc gần sáng của ban đêm, thời nay Tôi nhập Niết-Bàn, cũng thế! Gần sáng đêm hôm nay Tôi sẽ nhập Niết-Bàn dưới hàng cây Sa-la song-thụ, bên bờ sông Ni-liên-thiên, nơi Lục-sĩ sinh-địa, thuộc thành Cưu-thi-na!”

Các vị Tỳ-Khưu cùng chư thiên trên hư-không đều buồn-rầu khóc-lóc!

Liền đó, đức Phật cùng chúng Tăng đi đến sông Ca-khuất-ta. Đến đây Ngài xuống sông tắm. Tắm xong, Ngài cùng tất cả ngồi nghỉ bên bờ sông.

Khi ấy ông Thuần-Đà tự-trách là do ông cúng cơm mà đức Phật đau, nhập-diệt. Ngài cảm thấy như thế, Ngài liền bảo ông A-Nan: “Chúng-sinh đừng ai có tâm-niệm rằng vì mình cúng cơm, mà Phật nhập-diệt. Vì, đức Như-Lai ra đời, ai cúng bữa cơm khi sắp thành-đạo và bữa cơm khi sắp nhập-diệt, được phúc-báo hơn cả.”

“Ông Thuần-Đà! Ông không nên nghĩ như vậy! Trong trăm, nghìn, muôn kiếp dễ nghe được hiệu Phật, dễ thấy được Phật, dễ cúng-dàng được Phật và dễ được dự vào hai buổi cúng-dàng như trên? Ông nên tự vui mừng, đã được phúc-báo ấy, không bao lâu ông sẽ được biện-tài, trí-tuệ, sắc-lực và thọ-mệnh. Nhân nào, quả ấy!”

“Vậy ông nên phổ-cáo cho mọi người biết về sự phúc-báo trong việc cúng-dàng lần cuối cùng này, để cho người nghe cùng được sự an-lạc.”

X. PHẬT TỚI SA-LA SONG-THỤ

Bấy giờ, đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Nay Tôi muốn tiến đến khoảng hàng cây Sa-la[51] song-thụ bên bờ sông Ni-liên, nơi Lực-sĩ sinh-địa, thuộc thành Cư-thi-na!”

Ông A-Nan bạch Phật: “Dạ, lạy Thế-Tôn! Con xin vâng.”

Khi ấy đức Như-Lai cùng các vị Tỳ-Khưu, vây quanh trước sau, tiến lên đường. Qua sông Ni-liên, đức Thế-Tôn cùng đại-chúng dừng lại ngoài rừng Sa-la, nơi Lực-sĩ sinh-địa thuộc thành Cư-thi-na. Ngài bảo ông A-Nan: “Ông đi vào trong rừng Sa-la, thấy nơi nào có hàng cây song-thụ, riêng một chỗ ấy, ông quét rửa ở dưới cho sạch-sẽ và ông đặt cái giường kết bằng dây tại đấy, nhưng để đầu quay về hướng Bắc. Nay thân-thể Tôi mỗi-một quá rồi!”

Ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khưu nghe đức Phật nói lời ấy, càng thêm thương-xót, buồn-bã! Ông A-Nan sa lệ, vâng lời Phật dạy mà đi. Đến chỗ hàng cây kia, ông quét rửa, xếp đặt, các việc đều như pháp, rồi

ông trở về bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Con quét rửa, xếp đặt, xong cả rồi!”

Bấy giờ, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu vào trong rừng Sa-la, đến dưới chỗ hàng cây song-thụ. Đến nơi, Ngài đặt hông bên hữu xuống giường, nằm xếp chân như kiêu con Sư-tử nằm ngủ. Ngài đoan-tâm, chính-niệm.

Khi ấy, hàng cây Sa-la song-thụ bỗng rụng nở hoa, rơi xuống mình đức Như-Lai. Đức Thế-Tôn liền hỏi ông A-Nan: “Ông có thấy cây Sa-la kia nở hoa trái mùa để cúng-dàng Tôi không?” Ông A-Nan đáp: “Dạ, lạy đức Thế-Tôn! Con có trông thấy.” Lúc đó, chư Thiên, long-thần tám bộ, trong hư-không, rải những hoa quý như các hoa: Man-đà-la, Ma-ha man-đà-la, Man-thù-sa, Ma-ha man-thù-sa[52] lên trên đức Phật; lại rải những hương Ngưu-đầu Chiên-đàn; tấu những kỹ-nhạc cõi Thiên và ca-hát, tán-thán.

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông có thấy chư Thiên tám bộ trong hư-không cúng-dàng Tôi không?” – Ông A-Nan bạch Phật: “Dạ, lạy đức Thế-Tôn! Con có trông thấy”.

Đức Thế-Tôn lại bảo ông A-Nan: “Muốn cúng-dàng Tôi, để báo ân, bất-tất phải dùng đến hương-hoa, kỹ-nhạc cõi trời. Giữ giới cấm thanh-tịnh, đọc tụng kinh sách, suy-nghĩ nghĩa thâm-diệu của các pháp, thế là cúng-dàng Tôi vậy!”

Khi ấy, có một vị Tỳ-Khưu tên là Ưu-ba-ma-na (Upamàna) ngày xưa khi đức Như-Lai chưa đem ông A-Nan vào làm thị-giả, vị Tỳ-Khưu ấy thường giữ việc trông nom đức Như-Lai, nay ông Ưu-ba-ma-na, thấy đức Như-Lai nằm dưới hàng cây Sa-la song-thụ, tâm ông rất khổ-não, ông liền đứng trước đức Phật, để được chiêm-ngưỡng đức Phật lần cuối cùng. Đức Thế-Tôn liền bảo ông rằng: “Ông Ưu-ba-ma-na! Hôm nay ông không nên đứng lấp trước mặt Tôi!” Ông Ưu-ba-ma-na liền đứng lui về một bên.

Ông A-Nan thấy thế, tâm ông sinh niệm ngờ-vực: “Lạ thực, ta hầu Phật từ xưa tới nay trải đã bao năm, ta chưa từng thấy đức Phật nói ra lời như thế, sao ngày nay đức Như-Lai lại không cho đứng trước mặt; hay là, nay đức Phật Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn, không cho ai đứng trước mặt buồn-rầu, khóc-lóc? Nghĩ rồi, ông A-Nan đỉnh lễ xuống chân Phật, quỳ thẳng, chấp tay bạch: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ

trước tới nay con hầu Phật, thường thường con đứng trước mặt đức Thế-Tôn con chưa từng nghe thấy đức Thế-Tôn bảo con đứng lùi ra, nay sao đức Thế-Tôn lại bảo ông Ưu-ba-ma-na đứng tránh trước mặt?”

Đức Phật dạy: “Ông A-Nan! Đồ-chúng của chư Thiên, long-thần tám bộ[53], nghe Tôi nằm nghiêng về hông bên hữu dưới hàng cây Sa-la song-thụ này, họ tranh nhau lại trông ngắm Tôi, từ trong hư-không, dòn đến mặt đất, bốn mặt đầy ních đến ba mươi hai do-tuần; Tỳ-Khưu Ưu-ba-ma-na này, đứng lấp trước mặt Tôi, Thiên, long tám bộ sinh tâm không vui, nghĩ rằng nay đức Như-Lai ở dưới hàng cây Sa-la song-thụ này, không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn, chúng ta muốn được trông ngắm đức Như-Lai lần cuối cùng này, mà vị Tỳ-Khưu kia lại đứng che lấp trước mặt Phật!” Vì nhân-duyên ấy nên tôi bảo ông ấy đứng lùi về một bên.”

Ông A-nan có biết không, nay trong tám bộ đây, hoặc có người thương khóc, không tự hãm được, hoặc có người áo-não, mê-muộn sắp ngất đi, hoặc có người buồn quá, lấy tay nhổ tóc trên đầu mình, hoặc có người xé đứt những đồ trang-nghiêm nơi thân mình và đều đồng thanh xướng rằng: “Nay đức Như-Lai nhập Niết-Bàn, sao nhanh quá vậy thay! Đức Như-Lai ra đời, khó gặp gỡ được, như hoa Ưu-đàm bao thời, bao thời mới hiện, mà nay không bao lâu nữa, Ngài sẽ nhập Niết-Bàn. Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi từ nay trở đi, chúng ta lấy ai là nơi quy-y, dẫn-đạo!” Chư Thiên nơi Ly-dục[54] cũng đều than rằng: “Than ôi, thế-gian rất là vô-thường, không có cái gì có thụ-sinh, mà không hướng về nơi tiêu-diệt!” Cũng chư Thiên kia, họ cùng bảo nhau: “Ngày trước đức Thế-Tôn hoặc nơi thành Tỳ-da-ly (Vaisàli) hoặc ở nơi thành Vương-xá (Rājagṛha) hoặc ở trong nước Xá-vệ (Śrāvastī) cùng ở những nơi khác, khi an-cư xong, các vị Tỳ-Khưu, từ bốn phương về vấn-tán đức Thế-Tôn, nhân thế, chúng ta ở bên đường được trông thấy các vị Tỳ-Khưu, lễ-bái, cúng-dàng, nghe thụ kinh-pháp, được nhiều phúc-lợi; nay đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn rồi, các vị Tỳ-Khưu, khi an-cư xong, không về vấn-tán như trước nữa, các vị du-hành khắp nơi, chúng ta không được ở bên đường trông thấy các vị Tỳ-Khưu, lễ bái, cúng-dàng, nghe thụ kinh-pháp, từ nay chúng ta vĩnh-viễn mất những phúc-lợi ấy.”

Bấy giờ, đức Như-Lai bảo ông A-Nan: “Nếu Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, sau khi Tôi diệt-độ, phát tâm, đến bốn nơi của Tôi khi trước, sẽ được nhiều công-đức không thể tính kể được và nơi sẽ sinh của họ sau này, thường ở trong cõi Nhân, Thiên, hưởng thụ quả-báo an-vui, không khi nào cùng-tận. Bốn nơi ấy là những nơi nào? - Một là, nơi khi Như-Lai làm bồ-Tát, giáng-sinh tại vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini) nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu). Hai là, nơi Tôi bắt đầu ngồi dưới gốc cây Bồ-Đề (Bodhidruma) thành Vô-thượng chính-đẳng chính-giác, tại nước Ma-kiệt-đề (Magadha). Ba là, nơi chuyển-pháp-luân (thuyết-pháp) đầu tiên, trong vườn Lộc-giã (Mrgadava) (nơi các Tiên-nhân ở trước), nước Ba-la-nại (Vàranasi Benares). Bốn là, nơi Tôi nhập Niết-Bàn, khoảng hai hàng cây, trong rừng Sa-la (Sàlavana) bên bờ sông Ni-liên (Nairanjana) nơi Lục-sĩ sinh-địa, nước Cưu-thi-na (Kusinagara). Đó là bốn nơi! Nếu Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, cùng những đồ-chúng ngoại-đạo khác, phát-tâm muốn đến những nơi kia lễ-bái, đều thu được công-đức, như đã nói ở trên.”

Ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy, ông liền bạch Phật: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ nay, con xin tuyên-cáo khắp cả cho bốn bộ-chúng biết bốn nơi ấy và nếu ai đi đến lễ-bái, được công-đức như thế.”

Khi ấy, ông A-Nan lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nếu các người Ưu-bà-di có thiện-tâm, giữ trọn giới-hạnh, ham nghe kinh-pháp, muốn yết-kiến vị Tỳ-Khưu, từ nay chúng con nên xử thế nào? Đức Phật dạy: “Từ nay các ông đừng nên tương kiến!” Ông A-Nan bạch: “Nếu bỗng nhiên hội-ngộ, nên xử ra sao?” Đức Phật dạy: “Đừng cùng nói chuyện”. Ông A-nan bạch: “Nếu không nói chuyện, nhưng, họ có lời thỉnh cầu, muốn nghe kinh-pháp nên làm thế nào?” Đức Phật dạy: “Nên vì họ, thuyết-pháp cho họ nghe, nhưng, các ông nên giữ-gìn khéo-léo thân, khẩu, ý của các ông!” Ông A-Nan bạch: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ nay chúng con xin vâng làm như thế.”

TOÁT-YẾU

Bấy giờ, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu tiến lên đường.

Đến rừng Sa-la, Ngài cùng đại-chúng dừng lại, sai ông A-Nan vào sửa-sang khoảng hàng cây Sa-la song-thụ.

Sửa-sang xong, Ngài cùng tất cả vào trong rừng. Đến nơi kia Ngài đặt hông bên hữu xuống cái giường kết bằng dây, đầu hướng Bắc, chân xếp lên như kiểu con sư-tử nằm ngủ. Ngài đoan-tâm, chính-niệm.

Khi ấy, Thiên long tám bộ trên hư-không rải hoa, rắc hương, tấu Thiên-nhạc, ca hát tán-thán.

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Muốn cúng-dàng Tôi để báo-ân, bắt tất phải dùng đến hương-hoa, kỹ-nhạc cõi trời. Giữ giới cấm thanh-tịnh, đọc tụng kinh sách, suy-nghĩ nghĩa thâm-diệu của các pháp, thế là cúng-dàng Tôi vậy!”

Đồ-chúng của Thiên, long tám bộ đến quá đông. Ai ai cũng than-tiếc, khóc-lóc và cũng muốn được trông thấy chân-dung đức Phật lần cuối cùng. Cảm thấy thế, ngài bảo ông Ưu-ba-ma-na Tỳ-Khưu đang đứng trước mặt Ngài, đứng lui về một bên.

Muốn chúng-sinh đời sau hưởng-thụ quả-báo an-vui, đức Phật còn dạy nên đi chiêm-lễ, cúng-dàng 4 nơi di-tích của Ngài là nơi giáng-sinh, nơi thành-đạo, nơi chuyển-pháp-luân và nơi nhập Niết-Bàn.

Tới đây ông A-Nan hỏi Phật về xử-sự đối với hàng Ưu-bà-di thiện-tâm, giữ giới, ham muốn nghe kinh, nên như thế nào? Đức Phật dạy: “Nên thuyết-pháp cho họ nghe, nhưng, mình cũng nên giữ gìn 3 nghiệp cho khéo-léo!”

Ông A-Nan xin vâng làm như thế.

[1] Kinh Đại Bát-Niết-Bàn là cuốn kinh số 7 trong Đại-Tạng kinh.

Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinirvāna): Tàu dịch là “Đại nhập-diệt tức”; “Đại-diệt-độ”; “Đại-viên-tịch nhập”... “Đại” là lời khen đức “tịch-diệt”, có tính cách sâu, rộng lớn; “Diệt” là diệt phiền-não nơi thân tâm; “Tức” là yên nghỉ, “Độ” là vượt qua bể sinh-tử, “Viên-tịch” là công-đức viên-mãn, tịch-diệt phiền-não và “Nhập” có nghĩa là hướng về nơi tịch-diệt. Tóm lại, là đức-trí đầy đủ, phiền-não dứt sạch, chứng nhập nơi yên-tịnh sáng-suốt cao-sâu, rộng lớn.

Kinh này gồm 3 quyển: Thượng, trung, hạ. Nhận thấy ý văn trong kinh liên-tục, nên khi dịch chúng tôi không theo sự phân chia thành từng quyển như cũ. Song, đến cuối mỗi quyển cũ chúng tôi có ghi nơi chú-thích để lưu lại dấu xưa. Và, muốn cho dễ nhận-định và ký-ức, chúng tôi ghi thêm đề-mục và toát-yếu từng đoạn trong kinh. (lời dịch-giả)

[2] Gia-phu: Ngồi xếp bằng, hai bàn chân để chéo lên hai vế .

[3] Bốn phép thần-túc: Còn gọi là 4 như-ý-túc: Dục, niệm, tinh-tiến và tuệ.

[4] Ma-Vương: Vị chúa trong loài Thiên-ma, tức vị Thiên-chúa ở cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên, là cõi trời thứ 6 thuộc Dục-giới. Ma-vương kia thường đốc-xuất quỳn-thuộc hướng về nhân-gian, làm chướng-ngại đạo Phật, nên còn gọi là Ba-tuần. Nhưng, Đại-thừa là cho đó là vị Bồ-tát, dùng đại phương-tiện, hiện Ma-vương để giáo-hóa chúng-sinh.

[5] Thiện-Thệ: (Tu-già-đà: Sugata): Một hiệu trong 10 hiệu của Phật và có nghĩa là đi tốt. Ý nói: Dùng nhất thiết trí làm xe, đi trên đường bát-chính, rảo tới nơi Niết-Bàn, nên gọi là “Thiện-Thệ”.

[6] Hữu: Tức là hữu-lậu-nghiệp. Ý nói: Chúng-sinh bị sinh-tử luân hồi, đều do những hành-vi tạo-tác bất thiện huân-tập và hấp-dẫn. Đức Thế-Tôn cũng có thân ở trong sinh-tử nhưng, vì độ sinh mà có và Ngài đã đạt tới chỗ vô-lậu rồi. Nay tạm thân giả-tạm do tứ-đại hợp-thành này Ngài muốn trả về bản-hữu của nó.

[7] Đây là phần chọn lựa những ý yếu-ước trong chính-văn, hầu giúp quý Phật-tử dễ hiểu, dễ nhớ, khi xem xong từng đoạn. Vì là, những toát-yếu, nếu Phật-tử nào muốn tụng, xin tụng chính-văn, mà dành phần này lại. (Lời dịch-giả).

[8] Nhất-thiết chủng-trí: Tức là Phật-trí, có nghĩa là trí-tuệ biết suốt hết thầy pháp.

[9] Chuyển-pháp-luân (quay bánh xe pháp): Giáo pháp của Phật gọi là “pháp-luân” (bánh xe pháp); truyền nói giáo-pháp ấy gọi là “chuyển” (quay). Nghĩa là giáo-pháp của Phật, quay vòng khắp

chúng-sinh-giới, phá tan những phiền-não. Và, “chuyển” đây còn có nghĩa là chuyển pháp tự tâm mình, chuyển-di sang tâm người khác.

[10] Sát-ly (Ksatriya): Giai-cấp vua chúa. Gia-cấp thứ 2 trong 4 giai-cấp của Ấn-Độ.

[11] Bà-la-môn (Brāhmaṇa): Giai-cấp tu-sĩ của Ấn-Độ-giáo, Tàu dịch là “Tịnh-hạnh”; “Tịnh-chí”, “Tĩnh-chí”. Giai-cấp thứ nhất, trong 4 giai-cấp của Ấn-Độ.

[12] Trưởng-giả: Tiếng Phạm gọi là “Nghị-lực-hạ-bát-đề” (Drha-pati). Tiếng gọi thông thường chỉ cho người nhiều của, đủ đức. Bộ Pháp-Hoa Huyền-Tán quyển 10 nói: “Trưởng-giả là người tâm bình, tính thẳng, nói thực, làm chăm, tuổi nhiều, của lắm”.

[13] Cư-sĩ: Tiếng Phạm gọi là Ca-la-việt (Kulapati): Là người có của ở nhà không ra làm việc đời; là người ẩn-dật ở nơi nhà mình không ra làm quan; hay là người tại-gia có chí-hướng về đạo Phật. Bộ Pháp-Hoa Huyền-Tán quyển 10 nói: “Giữ đạo tự điền-đạm, chứa đức ít muốn, gọi là Cư-sĩ”.

[14] Sa-môn (Sramaṇa): Xưa dịch là “Tức-tâm, Tĩnh-chí, Bản-đạo v.v...” Nay dịch là “Công-lao, Cần-tức”, đều có nghĩa là vị tu-hành siêng-năng tu-tập, ngăn dứt phiền-não nơi tâm, làm yên-lặng, trong sạch thần-chí, có công cần-cù khó-nhọc tiến tu về đạo giải-thoát (đạo Phật).

[15] Đây là nói về y-cứ của 8 thiên-định phát-khởi ra thắng-tri (hiểu biết cao), thắng-kiến (thấy biết cao) để xả tâm tham-ái. Đại-y: 1/ Đạo nơi mình chưa tăng-trưởng, thời cần chú trọng quán-tưởng ngay nơi thân tâm mình đã, chưa cần quán-tưởng đến hình-sắc ngoài thân tâm mình, hoặc chỉ ít thôi. Tỷ-dụ: mình đang quán-tưởng thân mình là bất-tịnh chưa được thấu đáo, bền chắc, thời chưa nên (hay chỉ ít thôi) đi xem thấy người chết khác, có khi sinh sợ-hãi, thoái-chuyển. 2/ Đạo tiệm tiến, quán nơi mình và quán nơi người nhiều vẫn không hại. 3/ Đạo đạt dần tới chỗ thắng-diệu, dù quán hình sắc ngoài, nhưng trong tâm không vương chút hình-sắc nào. 4/ Tiến thêm hơn nữa, dù quán hình-sắc ngoài nhiều, trong tâm vẫn không vương chút hình-sắc nào. Bốn quán trên đây là lẫn lộn cả tịnh và bất-tịnh. Còn tứ quán thứ 5, 6, 7, 8 là đạo đã đạt tới chỗ thắng-diệu thực sự, không còn có sự chấp-trước vào pháp-tướng nữa, mà chuyển-biến tự-tại.

[16] Đây là 8 pháp quán giúp người tu Thiền-định được giải-thoát. Đại-ý: 1/ Trong tâm mình có lòng tham-tướng về sắc, muốn trừ nó cho được giải-thoát, nên đi xem cái thân thối-tha, chương phèngh của người chết v.v... 2/ Muốn thêm kiên-cố trong sự giải-thoát, dù trong tâm không khởi tướng tham sắc, vẫn cứ đi xem thân chết kia v.v... 3/ Quán sắc-tướng thanh-tịnh, trừ-tướng bất tịnh. Ba quán trên, quán thứ nhất y vào Sơ-thiền-định phát-khởi và duyên vào sắc của Dục-giới; quán thứ 2 y vào Nhị-thiền-định phát-khởi và duyên vào sắc của Sơ-thiền; quán thứ 3 y vào Tứ-thiền phát-khởi và duyên vào sắc của Dục-giới, nhưng cho là sắc bất-tịnh. Còn quán giải-thoát thứ 4, 5, 6, 7 y vào 4 định của cõi Vô-sắc phát-khởi và ở ngay chỗ đắc định quán về khổ, không, vô-thường, vô-ngã, sinh tâm chán ghét mà bỏ, nên gọi là giải-thoát. Quán giải-thoát thứ 8, diệt thụ, tướng, y vào Tứ-thiền bỏ hết thấy sở-duyên trong Phi-phi-tướng nên gọi là giải-thoát.

[17] Ba mươi bảy đạo phẩm: a/ 4 niệm xứ: Quán thân bất-tịnh, quán thụ là khổ, quán tâm vô-thường và quán pháp vô-ngã. b/ 4 chính cần: Ác đã sinh làm cho chóng dứt. Ác chưa sinh làm cho không sinh được. Thiện chưa sinh làm cho chóng sinh. Thiện đã sinh làm cho tăng-trưởng. c/ 4 thần-túc: Dục, niệm, tiến và tuệ. d/ Năm căn: Tín, tinh-tiến, niệm, định và tuệ. e/ Năm lực: Cũng là 5 căn, nhưng, đây đứng về mặt đối-trị mà nói. f/ 7 giác-chi: trạch-pháp, tinh-tiến, hỷ, khinh-an, niệm, định và hành-xả. g/ 8 thánh đạo: chính-kiến, chính-tư-duy, chính-ngữ, chính-nghiệp, chính-mệnh, chính-tinh-tiến, chính-niệm và chính-định.

[18] Ly-xa (Licchavi): Tên dòng vua, quan của thành Tỳ-da-ly.

[19] Pháp hữu-vi: Sự-vật do nhân-duyên tạo-tác.

[20] Giác-ý: Ý-niệm giác-ngộ. Tức 7 giác-chi.

[21] Ngũ-dục: Năm thứ ham-muốn: của-cải, sắc-đẹp, danh-vọng, ăn-uống, ngủ-ngủ. Hoặc là sắc, thanh, hương, vị, xúc: 5 trần-cảnh.

[22] Cửu bộ pháp (tức Cửu bộ kinh): Chín bộ kinh: Trong kinh có chia làm 12 phận-giáo: 1/ Tu-đa-la (Sutra: khế-kinh: văn xuôi). 2/ Kỳ-dạ (Geya: trùng-tụng: bài kệ nói lại nghĩa của văn xuôi). Già-đà (Gàthà: phúng-tụng: bài kệ 4 câu đứng riêng, không liền với văn xuôi). 3/ Ni-đà-na (Nidàna: nhân-duyên). Y-đề-mục-đa (Itivrtaka: Bản-sự: nói những việc đời trước). 6/ Xà-đa-già (Jàtaka: Bản-sinh: Phật tự nói

nhân-duyên mình đời trước). 7/ A-phù-đạt-ma (Adbhuta-dharma: Vị-tăng-hữu: làm những sự hiếm có). 8/ A-ba-đà-na (Avadāna: thí-dụ). 9/ Ưu-bà-đề-xá (Upadesa: luận-nghĩa). 10/ Ưu-đà-na (Udana: tự-thuyết: tự Phật nói, không đợi ai hỏi). 11/ Tỳ-phật-luợc (Vaipulya: phương-quảng: Văn nói về chân-lý phương-chính, quảng-đại; tức là đại-thừa-giáo). 12/ Hòa-già-la (Vyākaraṇa: thụ-ký). Tuy vậy, có chỗ Tiểu-thừa bỏ: Phương-quảng, thụ-ký và tự-thuyết đi còn 9 phần, gọi là cửu-bộ pháp (hay cửu-bộ kinh). Và Đại-thừa có chỗ bỏ: Nhân-duyên, thí-dụ và luận-nghĩa, thành cũng còn 9 bộ-phận.

[23] Chín lỗ thường chảy: Trong thân người có chín lỗ hồng thường chảy những thứ như-nhóp là: 2 mắt, 2 lỗ mũi, mồm và nơi đại, tiểu-tiên.

[24] Anh-lạc: Tiếng Phạm gọi là Chĩ-do-la (Keyūra): Chuỗi dây-chuyền làm bằng ngọc để đeo vào cổ, vào mình.

[25] Trần-câu: Chỉ cho phiền-não, nhưng nay thường chỉ vào 88 kết-sử của kiến-hoặc.

[26] Pháp-nhãn-tịnh: Nghĩa là thấy chân-lý bằng cách rõ ràng.

[27] Lậu-nghiệp hết, ý khai-giải: Bậc tam-thừa dùng Thánh-trí dứt hết phiền-não do ý căn tạo ra, ý được mở tỏ và giải-thoát.

[28] A-la-hán: (Arahat): Quả vị thứ tư trong 4 quả của bậc Thanh-văn, A-la-hán, Tàu dịch là “Bất-sinh” (cũng có chỗ gọi là Vô-Sinh). Nghĩa là quả-báo trong một đời diệt hết, được vào Niết-bàn mãi mãi, không phải tái-sinh trong 3 cõi nữa.

[29] Xem phần chính-văn.

[30] Năm ấm: Sắc, thụ, tưởng, hành, thức.

[31] Pháp hữu-lậu: “Lậu” (dò-rỉ) tên riêng chỉ cho phiền-não. Sự-vật có hàm-tàng sự phiền-não gọi là hữu-lậu. Hết thấy sự thể trong thế-gian đều là pháp hữu-lậu.

[32] Tăng-già-lam (Samghàrama): Tàu dịch là “chúng-viên” cái vườn hay rừng chúng-tăng ở. Nay ta thường cho là chùa.

[33] A-lan-nhã (Àrinya): Tên gọi chung cho các tự-viện, là nơi ở của các vị Tỳ-Khưu. Nhưng, đúng ra A-lan-nhã là nơi xa-vắng, yên-tĩnh, nên Tàu dịch là “Nhàn-tịch”.

[34] Đến đây là hết quyển thượng.

[35] Tam quy-y: Quy-y Tam-Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

[36] Ngũ giới: Năm điều răn: Không sát-sinh, không trộm-cấp, không tà-dâm, không nói dối và không uống rượu.

[37] Châm-chước: Hầu-hạ, bưng-rót, gấp bỏ, san-sẻ thức ăn uống.

[38] Ba phép minh: 1/ Túc-mệnh. 2/ Thiên-nhãn. 3/ Lậu-tận.

[39] 6 phép thần-thông: Thần-thông có nghĩa là phép có tác-dụng tự-tại vô-ngại. 6 phép ấy là: 1/ Thần-túc-thông (Rddhividhi-jnàna). 2/ Thiên-nhãn-thông (Divya-caksus). 3/ Thiên-nhĩ-thông (Divya-sirotra). 4/ Tha-tâm-thông (Paracit-jnàna). 5/ Túc-mệnh-thông (Purvanivàsànusmrti-jnàna). 6/ Lậu-tận-thông (As-ravaksaya-jnàna).

[40] A-na-hàm (Angàmi): Quả vị thứ 3 trong 4 quả của Thanh-Văn. A-na-hàm Tàu dịch là Bất-lai hay Bất-hoàn. Nghĩa là vị tu-hành đã diệt hết hoặc-nghiệp cõi Dục không phải trở lại lần nữa. Và, sau chỉ phải sinh lên cõi Sắc, cõi Vô-Sắc mà thôi.

[41] Tư-đà-hàm (Sakrdàgàmi): Quả vị thứ 2 trong 4 quả của Thanh-Văn. Tư-đà-hàm Tàu dịch là “Nhất-lai”. Nghĩa là vị tu-hành, đoạn cửu-địa tư-hoặc, được 6 phẩm trước, còn 3 phẩm sau, còn phải thụ-sinh trong Dục-giới một lần nữa, nên gọi là “Nhất-lai”.

[42] Tu-đà-hoàn (Srotapanna-phala): Quả thứ 1 trong 4 quả của bậc Thanh-Văn. Tàu dịch là “Nhập-lưu, Nghịch-lưu, Dự-lưu”. Điều có nghĩa là vị tu-hành đã đi ngược dòng sinh-tử, phàm-phu mà đã được dự vào dòng Thánh-Đạo.

[43] Tứ-quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Tứ-hướng: Tu-đà-hoàn-hướng, Tư-đà-hàm-hướng, A-na-hàm-hướng, A-la-hán-hướng. Hướng có nghĩa là hướng tới, đi đến.

[44] Tăng-già-lê (Samghàti): Tên một áo trong 3 áo của Tỳ-Khưu. Áo này Tàu dịch là “trùng” hay là “hợp”. Vì áo này xé vải ra thành những miếng vụn xong rồi may đụp lên. Áo này có nhiều thứ hoặc 9 điều, 11 điều, 13 điều, mỗi điều hai mảnh dài, 1 mảnh ngắn; 15, 17, 19 điều, mỗi điều 3 mảnh dài, 1 mảnh ngắn; 21, 23, 25 điều, mỗi điều 4 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

[45] Diệt-tận-định (Nirodhasamàpatti): Cũng gọi là Diệt-thụ-tướng-định là 1 trong 2 Vô-tâm-định. Là môn thiền-định diệt hết tâm, tâm-sở, 6 thức, làm cho không phát-khởi được nữa.

[46] Thiện-lai Tỳ-Khưu: Đây nói, khi thời Phật tại thế, người thiện-tâm xuất-gia, do nguyện-lực của đương-nhân cùng sức uy-thần của Phật, Phật hướng vào người xuất-gia, gọi: “Thiện-lai Tỳ-Khưu” (vị Tỳ-Khưu do thiện-nguyện tới), tức thì thành vị Sa-môn; hình tướng như tóc trụ, áo nhuộm, tự đầy đủ..., thân thành cụ-túc-giới.

[47] Ca-sa (Kasàya): Có nghĩa là áo nhuộm hoại-sắc, không để chính-sắc. Là áo của các vị Tỳ-Khưu. Áo này có 3 bậc: 5 điều, 7 điều và 9 điều...

[48] Lục-sĩ sinh-địa: Nơi sinh-trưởng của phái Lục-sĩ, thành Cựu-thi-na.

[49] Hoa Ưu-đàm: Ưu-đàm gọi đủ là Ưu-đàm-ba-la (Udumbara), Tàu dịch là “Linh-thụ” (điềm linh- thiêng); “Thụ-ứng” (Ứng vào điềm tốt). Theo Pháp-Hoa văn-cú nói thời hoa này 3.000 năm một lần hiện, khi hoa ấy hiện ra thời có kim-luân-vương ra đời.

[50] Ly-dục: Xa-lìa dục-vọng.

[51] Sa-la (Sàla): Tàu dịch là “Kiên-cổ” (vững-bền). Theo Tuệ-uyển-sư nói thì đức Phật nhập-diệt ở khoảng giữa 4 cây Sa-la, nhưng mỗi cây này một gốc mọc thành 2 cây, nên gọi là Sa-la song-thụ.

[52] Trên đây là các hoa cõi Trời: Hoa Man-đà-la (Mandarava) Tàu dịch là hoa “Tiểu-bạch-đoàn”; hoa Ma-ha man-đà-la (Maha Mandarava) Tàu dịch là hoa “Đại-bạch-đoàn”; hoa Mạn-thù-sa (Manjùsaka) Tàu dịch là hoa “Tiểu-xích-đoàn”; hoa Ma-ha mạn-thù-sa (Maha Manjùsaka) Tàu dịch là hoa “Đại-xích-đoàn”.

[53] Tám bộ: 1/ Thiên (Deva): Các vị trên các cõi Trời. 2/ Long (Nàga): Loài Rồng. 3/ Dạ-soa (Yaksa): Hoặc gọi là Dược-soa là loài quỷ-thần bay trên hư-không. 4/ Càn-thát-bà (Gadharva): Tàu dịch là “Hương-ấm”, nhạc-thần nơi Đế-thích-thiên. 5/ A-tu-la (Asura): Có chỗ gọi là A-tu-luân, Tàu dịch là “Phi-thiên”, cũng thuộc loài quỷ-thần. 6/ Ca-lâu-la (Garuda): Chim Kim-sí. 7/ khẩn-na-la (Kimnara): Ca-thần: Nhạc-thần nơi Đế-thích-thiên. 8/ Ma-hầu-la-già (Mahoga): Đại-mãng-thần.

[54] Chư Thiên nơi Ly-dục: Chỉ cho các vị trời nơi Sắc-giới trở lên.

XI. KHI PHẬT NHẬP DIỆT

Sau đó, ông A-Nan lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Sau khi Như-Lai nhập Niết-Bàn, phương-pháp cúng-dàng nên làm thế nào?”

Đức Phật dạy: “Nay ông không nên lo quẩn vào việc ấy, ông chỉ tự suy-nghĩ là sau khi Tôi diệt-độ đi, phải hộ-trì chính-pháp, đem những điều trước đây nghe được, luôn luôn nói cho người khác nghe. Sao vậy? – Vì, chư Thiên tự họ sẽ cúng-dàng cho thân Tôi. Và lại, những người Bà-la-môn cùng các vua, trưởng-giả, cư-sĩ, cũng tự họ sẽ cúng-dàng cho thân Tôi!”

Ông A-Nan bạch Phật: “Lạy đức Thế-Tôn! Tuy, Nhân, Thiên tự khởi tâm cúng-dàng, nhưng, con không biết y vào pháp nào?”

Đức Phật dạy: “Ông A-Nan! Cúng-dàng thân Tôi, y theo pháp đối với Chuyển-luân-thánh-vương.”

Ông A-Nan lại hỏi: “Lạy đức Thế-Tôn! Cúng-dàng như Chuyển-luân-thánh-vương, pháp ấy thế nào?”

Đức Phật dạy: “Ông A-Nan! Phương-pháp cúng-dàng Chuyển-luân-thánh-vương [1], là dùng bông mới, sạch cùng lấy những tấm vải nhỏ mịn, hợp lại quẩn vào thân Tôi. Cứ như thế, quẩn đi, quẩn lại, đến đủ một nghìn lần, rồi đặt vào trong áo quan vàng. Lại làm áo quan bạc bên ngoài, để áo quan vàng vào trong; làm áo quan đồng bên ngoài, để áo quan bạc vào trong; rồi làm áo quan sắt bên ngoài, để áo quan đồng vào trong. Sau, lấy nhiều dầu thơm bao-rửa, cùng đem những hương, hoa thoa-bít và rải đầy trong áo quan, nhiên hậu đậy nắp

xuống. làm một cái xe tang, rất to lớn, cao, rộng, dát châu-báu, hiên, mui, bao-lơn, đều trang-nghiêm bằng những thứ tốt đẹp. Xong rồi đặt áo quan lên trên xe.

Lại nữa, nơi làm hỏa-đàn ở trong thành, phải quét rửa bốn bên rất trong sạch, lấy những gỗ Chiên-đàn [2] tốt cùng những thứ hương thơm, xếp lên thành một đống gỗ lớn. Trên đống gỗ ấy, trải căng những tấm vải lụa dày đẹp, lại mắc tấm mùng đẹp, lớn, che bên trên. Sau đó, xe tang mới chuyển đến nơi hỏa-đàn. Nơi đây, đốt hương, rải hoa, cúng-dàng kỹ-nhạc, nhiều đống gỗ hương kia, vòng-quanh bảy vòng, nhiên-hậu đem áo quan để trên đống củi hương ấy và lấy dầu thơm rưới vẩy vào đó. Còn phương-pháp đốt lửa, thời đốt từ dưới cháy lên. Khi hỏa-đàn xong rồi, thu nhật Xá-ly [3] bỏ vào trong bát vàng. Và ngay nơi ấy, xây-dựng bảo tháp, ngọn tháp cao vót trang-nghiêm, treo phan-cái bằng lụa; các người trong nhân-gian, ngày ngày thường nên đốt hương, tán hoa, mọi thứ cúng-dàng.”

Ông A-Nan! Ông nên biết: Phương-pháp cúng-dàng Chuyển-luân-thánh-vương, việc ấy như thế! Việc hỏa-táng thân Tôi, cũng như phương-pháp cúng-dàng Chuyển-luân-thánh-vương kia vậy. Nhưng, xây tháp Tôi, có khác với tháp của Chuyển-luân-thánh-vương. Tháp Tôi, ngọn tháp cao vót, trang-nghiêm, nên treo chín cái tán. Và, nếu có chúng-sinh nào, treo phan-cái thêu, đốt hương, tán hoa cùng thấp đèn đuốc, lễ-bái, tán-thán tháp Tôi, người ấy được phúc-lợi mãi mãi; đời sau, không lâu người khác cũng lại xây tháp lớn cúng-dàng thân họ.

Ông A-Nan! Ông nên biết: Hết thảy chúng-sinh đều không có tháp, chỉ có bốn hạng người được xây tháp mà thôi: Một là, vị được mười hiệu: Như-Lai, Ứng-Cúng, Chính-Biến-Tri, Minh-Hành-Túc, Thiên-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự Trượng-Phụ, Thiên-Nhân-Sư, Phật, Thế-Tôn [4], thương xót chúng-sinh và có thể vì thế-gian, làm ruộng phúc tốt hơn hết, thời nên xây tháp. Hai là, vị Bích-Chi-Phật, suy-nghĩ mọi pháp, tự giác-ngộ đạo, cũng có thể đem lại phúc-lợi cho nhân-dân thế-gian, thời nên xây tháp. Ba là, vị A-La-Hán, theo chỗ nghe pháp mà suy-nghĩ để dứt sạch lậu-nghiệp (phiền-não) cũng có thể đem lại phúc-lợi cho nhân-dân thế-gian, thời nên xây tháp. Bốn là Chuyển-luân-thánh-vương, xưa trông nhiều phúc, có uy-đức lớn, cai-trị tứ thiên-hạ [5], bảy báu [6] đầy đủ, tự làm

mười điều thiện [7] lại khuyên nhân-dân trong tứ thiên-hạ cũng làm mười điều thiện, thời nên xây tháp.

Ông A-Nan! Ông nên biết: Nếu có chúng-sinh nào, đem mọi đồ cúng-dàng, để cúng-dàng những tháp ấy, họ vẫn được phúc, song, phúc của họ được, theo thứ bậc có sai khác.”

TOÁT-YẾU

Ông A-Nan bạch Phật về phương-pháp cúng-dàng Ngài, khi Ngài nhập Niết-Bàn nên như thế nào, thì Ngài gạt đi và bảo: “Việc ấy ông không nên lo, đã có chư Thiên cùng những người khác liệu-định, ông chỉ nghĩ sau này phải hộ-trì chính-pháp, đem điều được nghe trước đây, nói cho người khác nghe mà thôi!”

Nhưng, ông A-Nan cố bạch, đức Phật bảo: “Cúng-dàng Tôi y như pháp cúng-dàng Chuyển-luân-thánh-vương. Nghĩa là, khi Tôi nhập Niết-Bàn rồi, lấy vải tốt quấn thân Tôi một nghìn lần, đặt vào trong áo quan vàng, bên ngoài bọc thêm áo quan bạc, áo quan đồng và ngoài cùng là áo quan sắt. Rửa dầu thơm, rải hoa, rắc hương, rồi đặt nắp áo quan lại. Đồng thời, sửa cỗ xe báu, trang-sức đẹp-đẽ, đặt áo quan lên trên, chuyển tới nơi hỏa-đàn. Nơi hỏa-đàn phải quét rửa sạch-sẽ, lấy những gỗ hương xếp thành đồng lớn. Trên đồng gỗ ấy trải tấm lụa đẹp, có mùng che trên. Và, đốt hương, rải hoa, cúng-dàng kỹ-nhạc, đi nhiều 7 vòng, sau mới đặt áo quan lên trên đồng gỗ ấy, lấy dầu thơm rưới vẩy 4 bên và châm lửa đốt từ dưới cháy lên. Cháy xong thu xá-lý xây tháp cúng-dàng”.

Ông A-Nan! Ông nên biết: “Chúng-sinh không có tháp, chỉ có Phật, Bích-Chi-Phật, A-La-Hán và Chuyển-luân-thánh-vương, là 4 bậc đem lại phúc-lợi cho nhân-dân thế-gian, có tháp mà thôi. Ai cúng-dàng những tháp ấy, đều được phúc nhưng, phúc ấy có khác nhau!”

XII. CÔNG-HẠNH ÔNG A-NAN

Ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy, tâm sinh áo-não, thương-xót kêu khóc, lẩn ra sau Phật, cách Phật không xa mấy, ông nói nhỏ rằng: “Nay ta còn là người trong Học-địa [8] chưa biết được ý-vị sâu-xa trong mọi pháp, mà đáng Thiên-Nhân-Sư, một sớm bỏ ta nhập

Niết-Bàn, thời nào ta sẽ lên được đường giải-thoát!” Nói rồi, ông giơ tay vịn một cành cây; rồi ông đấm ngực, bứt đầu, áo-nã, buồn-bã ngất đi.

Khi ấy, đức thế-tôn hỏi một vị Tỳ-Khưu khác: “Giờ này ông A-Nan ở chỗ nào?”

Vị Tỳ-Khưu kia đáp: “Lạy đức Thế-Tôn! Ông A-Nan hiện nay ở dưới một gốc cây, sau đức Như-Lai, ông đang kêu khóc, áo-nã lấm!”

Đức Phật bảo vị Tỳ-Khưu kia: “Ông đến chỗ ông A-Nan, bảo ông ấy rằng: “Nay đáng Thiên-Nhân-Sư muốn gặp ông!”

Vị Tỳ-Khưu kia đến chỗ ông A-Nan và nói rõ ý của Như-Lai cho ông A-Nan nghe. Ông A-Nan nghe rồi, liền trở về nơi Phật. Đến nơi, đầu mặt ông đĩnh lễ xuống chân Phật, rồi đứng dựa về một bên.

Đức Thế-Tôn hỏi ông A-Nan: “Ngày gần đây Tôi đã nói cho ông nghe: “Hết thấy mọi hành-tướng, đều thuộc về vô-thường; sự ân-ái hội-hợp, tất về nơi biệt-ly”, thế mà, sao nay ông còn cứ buồn-rầu, áo-nã vậy!”

Lại nữa, ông A-Nan! “Từ trước tới nay, ông theo hầu Tôi, trông nom công việc trước, sau, khi tiến, khi chỉ, khi đi, khi lại, cùng thông-tiếp với tân-khách, đều hợp nghi-tiết; Tôi lại thấy thân, khẩu, ý ông đều thanh-tịnh, không chút vết nhơ nào, ông được phúc-lợi không thể tính kể được!”

Đức Thế-Tôn ngoảnh lại bảo các vị Tỳ-Khưu: “Chính ông A-Nan không nên có sự buồn-rầu, áo-nã ấy! Sao vậy? – Vì, không bao lâu nữa, ông sẽ được đến nơi giải-thoát. Các vị Tỳ-Khưu nên biết: chư Phật trong đời quá-khứ, đều có thị-giả, như ông A-Nan ngày nay; chư Phật đời sau cũng thế. Các vị Tỳ-Khưu nên biết: Nay ông A-Nan đây, trí-tuệ thâm-diệu, thông-minh, căn-khí linh-lợi; từ trước tới nay Tôi nói ra pháp-tạng gì, ông A-Nan đều ghi nhớ không quên.

Lại nữa, các vị Tỳ-Khưu! Ông A-Nan biết rõ thời-tiết, khi tiến, khi chỉ: Nếu có người khách nào, muốn vào yết-kiến tôi, ông A-Nan liền suy-tính trước từng giờ: Đức Thế-Tôn hoặc giờ nọ tiếp các vị Tỳ-Khưu, giờ nọ tiếp các vị Tỳ-Khưu-Ni, giờ nọ tiếp các vị Ưu-bà-tắc, giờ nọ tiếp các Ưu-bà-di, giờ nọ tiếp các vị Bà-la-môn, giờ nọ tiếp các vị

dòng Sát-ly, giờ nọ tiếp các vị Trưởng-giả, Cư-sĩ, giờ nọ tiếp các vị ngoại-đạo. Tất cả những vị như trên, nếu trông thấy Tôi, cùng nghe Tôi thuyết-pháp, đều được nhiều công-đức, phúc-lợi. Sao vậy? Vì, đều do ông A-Nan thông-tiến vào yết-kiến Tôi, nên họ được thiện-căn thành-thục ấy.”

Lại nữa, các vị Tỳ-Khưu! Chuyển-luân-thánh-vương có bốn pháp lạ-lùng hiềm có: Một là, nếu người Bà-la-môn đến chỗ Chuyển-luân-thánh-vương, trông thấy dung-nhan nhà vua đoan-chính, uy-đức nhà vua cao-hiển, tâm họ sinh hoan-hỷ; sau khi nghe tiếng nói của nhà vua, âm-từ trong-suốt, họ cũng sinh tâm hoan-hỷ, cho đến lúc thấy nhà vua, im-lặng không nói họ cũng ôm-áp sự sung-sướng, hớn-hở và khi họ cùng nhà vua từ-biệt, về nơi ở cũ, họ vẫn còn nhớ lại mến-tiếc, bước bước ngậm-ngùi, buồn-bực, như người đói khát không được no-đủ. Hai là, các người dòng Sát-ly nhỏ. Ba là, các người dòng Tỳ-xá [9]. Bốn là, các người dòng Thủ-đà-la [10] cũng đều như thế. Đó là bốn sự lạ-lùng của Chuyển-luân-thánh-vương. Các vị nên biết: Ông A-Nan cũng có bốn sự lạ-lùng: “Một là, nếu các vị Tỳ-Khưu từ phương xa lại, muốn vào thăm hỏi Tôi, sau trông thấy ông A-Nan, đều sinh tâm hoan-hỷ, nghe ông thuyết-pháp cùng khi thấy ông im-lặng, cũng vui-vẻ, đến khi từ-biệt lui ra, tình thâm-thiết mến-đức ông, không có khi nào quên-được. Hai là, các vị Tỳ-Khưu-Ni. Ba là, các vị Ưu-bà-tắc. Bốn là, các vị Ưu-bà-di, cũng đều như thế. Các vị nên biết: Ông A-Nan có bốn sự lạ-lùng ấy!”

Bấy giờ, đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Nay ông không nên tự sinh tâm khổ-não, mà nói rằng: “Đấng Thiên-Nhân-Sư sắp nhập Niết-Bàn, nay thấy không còn có kỳ nào được giải-thoát nữa!” Sao vậy? – “Phàm hết thảy pháp-tạng Tôi nói, sau khi Tôi diệt-độ, suy-nghĩ, vâng theo gìn-giữ, siêng làm tinh-tiến, không lâu tự mình sẽ được giải-thoát!”

TOÁT-YẾU

Sau khi nghe đức Phật nói về phương-pháp cúng-dàng khi Ngài nhập-diệt, ông A-Nan buồn-rầu, kêu khóc than thân là còn đang tu-học, nay mất Thầy, biết bao giờ lên được đường giải-thoát.

Đức Phật cho gọi ông vào và bảo: “Tôi đã từng nói cho ông biết: sự-vật đều vô-thường, ân-ái phải biệt-ly, thế mà sao ông cứ tự buồn-rầu mãi vậy?”

“Tôi biết thân, khẩu, ý ông thanh-tịnh, trông coi việc thị-giả, giao-tiếp tân-khách hợp-nghi, ông được phúc-lợi nhiều!”

Ngài lại ngoảnh lại bảo các vị Tỳ-Khưu: “Chính ông A-Nan nên vui lên, không bao lâu nữa ông sẽ được giải-thoát. Ông A-Nan là người trí-tuệ thông-minh, linh-lợi... Tôi nói gì ông ghi nhớ không quên. Đối với tân-khách, ông khéo biết ứng-cơ hợp thời. Ông lại còn có đức là các vị Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đi ở xa về thăm hỏi Tôi, họ trông thấy ông, nghe ông thuyết-pháp hay ông im-lặng, họ đều vui-vẻ; khi từ-biệt họ vẫn nhớ-mến ông mãi mãi!”

Vậy, ông A-Nan! Ông đừng khổ-não, lo-buồn, suy-nghĩ là không có Thầy, không được giải-thoát nữa. Ông chỉ nên nghĩ: “Phàm hết thầy pháp-tạng Tôi nói, sau khi Tôi diệt-độ, suy-nghĩ, vâng theo gìn-giữ, siêng làm tinh-tiến, không lâu tự mình sẽ được giải-thoát!”

XIII. NHÂN XƯA CỦA THÀNH CƯU-THI-NA

Ông A-Nan được phạm-âm của Như-Lai an-ủi, sự lo buồn của ông giảm bớt, ông liền bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Tâm ý con hiện nay như hơi tỉnh-ngộ, con muốn có chút việc thỉnh-cầu, kính xin đức Thế-Tôn thương-xót, hoan-hỷ!”

Đức Phật liền đáp: “Ông muốn thỉnh-cầu việc gì, cứ việc nói!”

Ông A-Nan bạch: “Lạy đức Thế-Tôn! Thành Cưu-thi-na này so với những nước lớn khác, thì nó rất là nhỏ hẹp, biên-địa, nhân dân không được đông-đức, kính xin đức Thế-Tôn đi đến những nước lớn khác như: Vương-xá-thành, Tỳ-da-ly-thành, Xá-vệ-quốc-thành, Ba-la-nại-thành, A-du-xà-thành, Chiêm-ba-thành, Câu-diễm-di-thành, Đứcs-oa-thi-la-thành...; các thành ấy vừa ở chính giữa, nhân dân đông-đức, quốc-độ giàu có, vui-vẻ, có nhiều người tín-tâm, trí-tuệ thông-minh, kính xin đức Thế-Tôn đến những thành kia mà nhập Niết-Bàn, đem lại lợi-ích rộng-lớn cho những chúng-sinh, ở trong các nơi ấy.”

Đức Thế-Tôn liền đáp lời ông A-Nan: “Nay ông không nên nói lời thỉnh-cầu Tôi là thành Cưu-thi-na này nhỏ hẹp, biên-địa. Ông nên nghe kỹ, nay Tôi sẽ vì ông, nói cho ông rõ!”

Ông A-Nan! Thuở quá-khứ lâu-xa, nơi thành Cưu-thi-na này có vị Chuyển-luân-thánh-vương, tên là Đại-Thiện-Kiến. Nhà vua có đầy-đủ bảy thứ châu-báu. Nhà vua có một nghìn người con, có sức-lực đẹp được những oán-địch, nhưng đều đem chính-pháp giáo-hóa nhân-dân.

Thành này khi ấy gọi là thành Cưu-thi-bà-đế. Thành này, cửa Đông, cửa Tây cách nhau mười hai do-tuần [11], cửa Nam, cửa Bắc cách nhau tám do-tuần. Bốn mặt thành này, chung quanh đều bảy trùng. Trùng thứ nhất bên trong, xây thuần bằng vàng ròng. Trùng thứ hai, xây thuần bằng bạc. Trùng thứ ba, xây thuần bằng lưu-ly. Trùng thứ tư, xây thuần bằng pha-lê. Trùng thứ năm, xây thuần bằng xà-cừ. Trùng thứ sáu, xây thuần bằng mã-nã. Trùng thứ bảy, xây lẫn tất cả mọi thứ châu-báu.

Lầu, mái nhà thành này, đều làm bảy tầng; cửa song, cửa sổ, bao-lơn đều điều-khắc, trang-sức bằng báu cả; lại treo nhiều cái linh (chuông nhỏ) báu, những mạng lưới ở trên. Và, khoảng mỗi tầng cách nhau chừng hai dặm. [12]

Bốn cửa thành ấy, mỗi cửa đều chín trùng và đều trang-sức nghiêm-chỉnh, sáng ngời vui mắt.

Ngoài bảy trùng thành, đều có những hào nước. Nước của những hào ấy lắng trong, đủ tám công-đức [13] và bờ hào đều xây bằng bảy báu. Trên và trong những hào ấy, có các loại chim bay, liệng, nhảy, múa, kêu, đậu, như chim loan, chim phụng, chim khổng-tước, vịt nước, chim nhạn, chim uyên-ương... Trong những hào nước ấy có các thứ hoa, như hoa Cưu-mâu-đầu, hoa Uất-ba-la, hoa Phân-đà-ly cùng những hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và màu sặc-sỡ. Trên bờ hào ấy, có bảy hàng cây báu, mỗi hàng đều có những thứ châu-báu khác nhau; gió hiu-hiu, thổi từ-từ vào những cành cây kia, nhánh lá chạm nhau, tiếng vang lên như thiên-nhạc.

Nhân-dân trong thành, hết thấy đều đầy-đủ sự yên-ổn, giàu có, vui vẻ đến chỗ cực-thịnh; ngũ-dục đầy-đủ như cõi trời Đao-ly.

Đường xá trong thành đều treo những hạt minh-châu; nhân-dân đi hay nghỉ, không phân ngày đêm. Trong thành này thường thường có mười thứ tiếng: Một là, tiếng voi, hai là tiếng ngựa, ba là tiếng xe, bốn là, tiếng trống, năm là, tiếng loa, sáu là, tiếng đàn cầm, đàn sắt..., bảy là, tiếng hát, tám là, tiếng chuông, tiếng khánh hợp đại-hội, chín là, tiếng khen-ngợi người tri-giới, mười là, tiếng thuyết-pháp bàn-bạc với nhau.

Vua Đại-Thiện-Kiến, có mọi uy-đức, đoan-chính đệ-nhất, mọi người trông thấy, ai cũng kính-mến; sống lâu, vui-vẻ, thân không có chút tật gì. Tính vua nhân-từ, nghĩ thương hết thảy, như cha lành thương yêu con mình, hết thảy nhân-dân, thân-kính nhà vua cũng như cha mình.

Ông A-Nan! Vua Đại-Thiện-Kiến, đặc-biệt có một thời, nhà vua muốn ra nơi viên-lâm du-quan, chơi-bời. Nhà vua cho chỉnh-nghiêm bốn loại binh [14], mỗi loại là tám vạn bốn nghìn. Lại, những phu-nhân, thể-nữ hậu-cung cũng chỉnh-nghiêm tám vạn bốn nghìn cỗ xe, muốn theo du-khán. Lúc đó, nhà vua lại sắc cho những dòng Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ..., theo vua xuất-du.

Chỉnh-nghiêm xe ngựa xong, quan chủ-binh vào tâu vua: “Bốn loại binh đã chỉnh-bị, xin vua liệu thì giờ xuất-du!” Nhà vua liền lên xe bạch-tượng, cùng Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ, đại-thần, quỳn-thuộc và dùng bốn loại binh vây quanh trước sau.

Khi ra đi, để đến lâm-viên kia, voi đi nhanh như gió lướt, các quan, Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ cùng can vua: “Đại-vương ở mãi trong thâm-cung, nhân-dân bên ngoài, không có duyên được trông thấy Đại-vương, nay Đại-vương đến viên-lâm du-quan, nhân-dân đông-đáo, chật cả bên đường, hết thảy đều trông ngóng muốn thấy Đại-vương; vì sự việc ấy, xin Đại-vương sắc cho người coi xe, không nên đi nhanh!” Nhà vua nghe lời nói ấy, liền sắc cho người coi xe, nên đi từ từ. Do đi từ từ, nhân-dân bên đường, mặc ý chiêm-ngưỡng, như con thấy cha.

Bấy giờ vua Đại-Thiện-Kiến thấy các đường, ngõ, nơi nào cũng bằng-phẳng, lại có những hàng cây thất-bảo, che rợp, sáng ngời, nhưng, không thấy có một ao nước nào, nhà vua liền sắc cho một viên quan, giáp bên các đường, đào ao thất-bảo và mỗi cái ao cách nhau bằng một trăm cái cung. Lại sai trồng thêm nhiều thứ hoa quý.

Trong mỗi một ao, phải cắt người hầu-hạ, có ai lại tắm, đem hương hoa cúng cho họ, cùng cho thức ăn, uống, mặc ý dùng đủ; cung-cấp như thế, không ngớt ngày đêm. Lại sắc cho viên quan kia, từ nay về sau, nhân-dân từ bốn phương xa lại, có ai lại cầu xin tùy họ dùng gì, cung-cấp cho họ.

Đến viên-lâm rồi, nhà vua cùng Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ cùng các đại-thần du-quan, chơi-bời cho đến chiều tối, thấy ánh-sáng của châu-báu rực-rỡ, như ban ngày không khác. Khi không trông thấy bóng mặt trời, mới biết là đã về đêm, bấy giờ nhà vua cùng các Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ và các thần-dân, chơi-bời xong rồi, mới trở về cung-thành.

Ngày khác, các Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ cùng các đại-thần, đem mọi thứ châu-báu quý-giá, lại dâng vua, nhà vua bảo rằng: “Ngày mới rồi, tôi du-quan chốn viên-lâm, tôi có sắc cho viên quan nọ: từ nay trở đi, có ai lại xin, tùy ý họ, cung-cấp cho họ; đây việc bố-thí của tôi như thế, nay các khanh, sao lại còn đem những châu-báu đến dâng tôi?”

Bấy giờ, tâm nhà vua tự nghĩ: “Những người này sở dĩ đem châu-báu đến dâng ta đều là duyên-cớ làm cho trong nước cùng giàu-sang. Sự việc như thế, chắc do dân nghèo mà họ đem lại?”

Nhà vua liền sắc cho viên quan coi kho, đem những trân-bảo cung các đồ tư-sinh, để nơi ngã tư đường, rung chuông, đánh trống, xướng lệnh cho bốn phương xa biết rằng vua Đại-Thiện-Kiến, nay mở kho-báu để bố-thí, nếu ai cần dùng, tùy ý lại lấy và nhà vua thường làm việc bố-thí rộng-rãi như thế, không ngớt ngày đêm.

Các Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ cùng các đại-thần trong nước, khi ấy tâu với vua rằng: “Tâu Đại-vương! Cung-điện của Đại-vương thường ở đây, rất chật-hẹp; khi chúng tôi lại vấn-tấn Đại-vương, không thể dung cả được những người theo hầu chúng tôi, kính xin Đại-vương nên mở mang cho rộng-rãi hơn!”

Nhà vua nghe lời nói ấy, im-lặng nhận lời và tâm tự-niệm rằng: “Nay ta nên mở rộng trụ-xứ này!” Bấy giờ, vua Đế-Thích biết rõ tâm-niệm của nhà vua, liền gọi một vị Thiên-tử tên là Tỳ-thủ-kiến-ma, là người tài-nghệ rất khéo, không việc gì là không làm được, mà bảo rằng: “Nay cõi Diêm-phù-đề (Jambudvipa) có vị Chuyển-luân-thánh-vương tên là Đại-Thiện-Kiến, muốn mở-mang cung-thành, ông có thể hiện

xuống làm người thợ trông nom giúp cho vị ấy, làm cho nơi ấy về sự điều-khắc, trang-sức được trang-nghiêm, mỹ-lệ như nơi ta không khác?” Vị Thiên-tử vâng sắc-chỉ của vua Đế-Thích hiện xuống nhân-gian như người tráng-sĩ co ruỗi cánh tay trong chốc-lát đã đến cõi Diêm-phù-đề và đứng ngay trước nhà vua.

Lúc đó, nhà vua trông thấy hình-dáng vị Thiên-tử kia phong-tư đoan-chính biết hẳn là không phải người phàm, nhà vua liền hỏi rằng: “Ngài là vị Thần-đức nào, bỗng dựng lại đây?” - Vị Thiên-tử kia đáp: Đại-vương nên biết, tôi là đại-thần của vua Đế-Thích, tên là Tỳ-thủ-kiến-ma, là người thợ rất khéo. Tâm Đại-vương muốn mở rộng cung-điện, nên vua Đế-Thích sai tôi xuống đây, làm người thợ trông nom giúp nhà vua. Nhà vua nghe lời nói ấy, trong lòng rất vui mừng.

Vị Thiên-tử kia bắt đầu xây-dựng mở-mang cung-thành. Bốn cửa thành, mỗi cửa mở rộng ra, cách nhau hai mươi bốn do-tuần. Lại xây cung-điện nhà vua. Điện này cao, sâu, dài, rộng mỗi chiều đều tám do-tuần và đều bằng thất-bảo, trang-nghiêm, mỹ-lệ, như cung vua Đế-Thích. Trong điện ấy, gồm có tám vạn bốn nghìn căn, cách nhau. Và đều có giường, mùng, ngọc-cụ bằng thất-bảo.

Sau lại xây điện thuyết-pháp cho nhà vua. Điện này cao, sâu, dài, rộng cũng tám do-tuần và cũng trang-nghiêm bằng thất-bảo như trước. Bốn mặt của điện này, đều có cây thất-bảo cùng lấy những cây hoa quý, trồng thành hàng, bóng che rợp và sáng rực.

Lại đào những ao báu. Nước trong ao báu ấy trong-sạch, đủ tám công-đức.

Còn chỗ chính giữa của điện ấy, đặt tòa Sư-tử rất cao rộng, trang-nghiêm bằng thất-bảo, lấy mùng báu che đi và để rủ xuống những cái diềm bằng thất-bảo. Và, vì những khách xa bốn phương lại nghe pháp, nên lại xây tòa Tứ-bảo: Vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê; mà số-lượng ngòì trong tòa ấy có đến tám vạn bốn nghìn người.

Khi vị Tỳ-thủ-kiến-ma vì vua Đại-Thiện-Kiến tạo-tác cung-thành xong rồi, vị ấy từ-biệt nhà vua, bỗng dựng không thấy hiện nữa, trở về thiên-thượng.

Đại-Thiện-Kiến-Vương, thấy cung-thành đều đã xây cất, sửa-sang xong, liền sắc cho viên quan trực-thuộc, đánh trống, xướng lệnh cho

khắp nhân-dân trong quốc-giới biết: Sau đây bảy ngày, nhà vua sẽ vì hết thầy mọi người, nói nhiều pháp-lợi; nếu ai muốn nghe pháp, đều tập-họp tại Thuyết-pháp-điện.

Bảy giờ, Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ, đại-thần, nhân-dân, nghe xướng lệnh ấy, đúng ngày, đều tập-họp tại Thuyết-pháp-điện.

Lúc đó, nhà vua lên Thuyết-pháp-điện, ngồi lên tòa sư-tử và hết thầy mọi người đến nghe, cũng đều ngồi vào tòa Tứ-bảo. Đại-Thiện-Kiến-Vương, trước tiên vì mọi người nói về pháp thập-thiện, sau lại khai-tuyên nhiều pháp-môn khác. Cứ thế, cho đến một vạn hai nghìn năm, chúng sinh trong nước ấy, ai từng nghe pháp của vua Đại-Thiện-Kiến, khi mệnh-chung được sinh lên cõi trời, không phải sa-đọa vào địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh.

Ông A-Nan! Vua Đại-Thiện-Kiến thường làm việc lợi-ích chúng-sinh như thế đấy!

Ông A-Nan! Khi vua Đại-Thiện-Kiến ở trong tĩnh-thất, tâm vua tự-niệm: “Thuở quá-khứ ta có hành-nghiệp gì, tu thiện-căn gì, sinh ra đời được sự tôn-quý, có uy-đức lớn, sắc-lực, thọ-mệnh, người ta không sánh bằng được? Chính do trong thuở quá-khứ, ta tu nhiều về bố-thí, nhẫn-nhục, từ-bi, nên nay được quả-báo ấy! Vậy nay ta nên tu-tiến hơn nữa.” Nhà vua liền suy-nghĩ rằng: “Thời-gian không bao lâu nữa ta sẽ chứng được Sơ-thiền, cho đến được Đệ-Tứ-thiền và lại tu-tập tứ vô-lượng-tâm (từ, bi, hỷ, xả) nữa!

Ông A-Nan! Không những riêng mình, vua Đại-Thiện-Kiến lại dạy phu-nhân cùng các thể-nữ tu về Tứ-thiền [15].

Bảy giờ, nơi Tuyết-sơn có tám vạn bốn nghìn con voi trắng, hằng ngày đến sắp hàng trước điện nhà vua. Nhà vua tâm-niệm: “Các con voi trắng này thường lại chỗ ta, phải đi trên các con đường, hẳn là dẫm đạp lên chúng-sinh!” Nghĩ thế, nhà vua liền sắc cho viên quan chủ về việc binh, từ nay về sau, không cần những con voi này, hằng ngày đến chỗ tôi nữa; chừng một nghìn năm sẽ đến một lần, song, chỉ cho bốn vạn hai nghìn con là đủ, bắt-tắt phải đủ cả tám vạn bốn nghìn con.

Khi ấy, ngọc-nữ của nhà vua tên là Thiện-Hiền cùng với các phu-nhân, thể-nữ tám vạn bốn nghìn người, ngồi thiền, suy-nghĩ ở trong

tĩnh-thất đã bốn vạn năm, cùng bảo nhau rằng: “Chúng ta ngồi thiền, suy-nghĩ tại nơi đây đã bốn vạn năm, không trông thấy Đại-vương, nay chúng ta nên tới nơi lễ-bái vấn-tấn!” Nói lời ấy rồi, mọi người cùng theo nhau đến chốn nhà vua.

Lúc đó, cung-nhân hiện ở nơi vua, vào tâu: “Nay Thiện-Hiền cùng tám vạn bốn nghìn nữ-nhân lại thăm hỏi Đại-vương!”

Nhà vua nghe rồi, liền đi lên Thuyết-pháp-điện, ngồi lên tòa sư-tử.

Giây lát, Thiện-Hiền cùng mọi người đến, nhà vua gọi vào trước điện. Thiện-Hiền cùng mọi người theo nhau tiến lên đến chỗ vua ngồi, đầu mặt lễ xuống chân vua. Lễ xong, lần-lượt ngồi và tâu rằng: “Chị em chúng con cùng ngồi thiền, suy-nghĩ ở trong tĩnh-thất đã bốn vạn năm, lâu không được yết-kiến Đại-vương, nay chúng con lại đây là để thăm-hỏi sức khỏe Đại-vương và có chút việc muốn nói, kính xin Đại-vương thuận cho!”

Nhà vua đáp” “Quý hóa! Các vị muốn nói chi tùy ý”.

Thiện-Hiền liền tâu nhà vua rằng: “Bốn phương thiên-hạ đây: Nam Diêm-phù-đề (Jumbudvipa), Tây Cồ-da-ni (Apara-godaniya), Bắc Uất-đơn-việt (Uttara-kura), Đông Phát-bà-đề (Purva-vidaha) nhân-dân rất đông-đảo, giàu-sang, vui-vẻ, yên-ổn, đều thực-hành thập-thiện, là do sức đức-hóa của Đại-vương. Cõi Diêm-phù-đề, như thành Cựu-thi-bà-đế này, con số ấy còn có đến tám vạn bốn nghìn thành. Các thành ấy, Quốc-vương, thần-dân, cùng Bà-la-môn, đều lại nơi đây, muốn được yết-kiến Đại-vương. Nhưng, Đại-vương ngồi thiền, trải qua nhiều năm, mọi người lại triệu-yết, đều không được thấy, ví như con hiếu không thấy được cha lành. Vả lại, trong tứ thiên-hạ, rất lâu không thấy Đại-vương du-lịch chi cả, kính xin Đại-vương khéo dùng thời-ngi, võ-về, tiếp-dắt nhân-dân. Chúng con nữ-nhân yếu-ớt, đối với nước không ích gì lắm, nên thích-ý ngồi thiền lâu lâu, chứ như Đại-vương ở nơi tôn-quý, thống-nhiếp trong ngoài, hết thấy nhân-dân, ai cũng tôn-ngưỡng, há lại làm như việc làm của nữ-nhân chúng con! Voi trắng, xe, ngựa, mỗi loại có đến tám vạn bốn nghìn, Đại-vương nên đi du-quan! Ngày trước Đại-vương, thường vì hết thấy chúng-sinh, nói mọi pháp-lợi, trao-truyền thập-thiện, nhưng, thời-gian gần đây, Đại-vương ngồi thiền, việc ấy bỏ mất!”

Khi Thiên-Hiền đem những việc ấy can vua, vua Đại-Thiện-Kiến nghe lời nói ấy, đáp rằng: “Trước sau nàng thường đem việc thiện khuyên can ta, nhưng, nay ta nghe nàng nói, thấy trái với ý trước!”

Bấy giờ, Thiên-Hiền nghe nhà vua dạy lời ấy, tâm sinh áo-não, sa-lệ nghĩ rằng: “Vừa đây ta sớ-dĩ can nhà vua, chính là sớ-kiến của ta, cho là đắc-trung (hợp trung-đạo), không ngờ lại sinh ra tội-lỗi!”

Nàng liền từ tòa ngai của mình đứng dậy, đĩnh-lễ xuống chân vua và tâu rằng: “Nay con ngu-si không biết chính-lý, đem việc ấy lên khuyên-can lên bậc trên, kính xin Đại-vương, cho được sám-hối!” [16]

Khi ấy, vua Đại-Thiện-Kiến đáp nàng Thiên-Hiền rằng: “Hết thảy mọi hành-tướng, đều là vô-thường, ân-ái hội-hợp cũng phải biệt-ly; bốn thiên-hạ này tuy là đông-đảo, hưng-thịnh, không bao lâu nữa ta cũng sẽ bỏ đi. Xưa kia, tám vạn bốn nghìn năm ta làm đũa anh-nhi, tám vạn bốn nghìn năm ta làm đồng-tử, tám vạn bốn nghìn năm ta làm ngai Thái-Tử chịu phép quán-đỉnh [17], tám vạn bốn nghìn năm lên ngai vua chịu phép quán-đỉnh, sau được thành Chuyển-luân-thánh-vương, cai-trị bốn phương thiên-hạ, đầy đủ thất-bảo, tám vạn bốn nghìn năm thống-lý việc dân, tám vạn bốn nghìn năm vì các nhân-dân giảng-thuyết mọi pháp, tám vạn bốn nghìn năm ngai thiền suy-nghĩ. Từ đấy đến nay là năm mươi tám vạn bốn nghìn năm. Tuy rằng thọ-mệnh như thế là lâu dài, nhưng, hội-hợp rồi cũng đều về chỗ hết. Nay ta đã già, giờ chết sắp đến; các vua thuở xưa, sự tôn-quý và khoái-lạc, cũng như ta không khác, song, cũng bị đổi-dời về nơi vô-thường. Thành Cựu-thi-bà-đế cùng tám vạn bốn nghìn thành lớn khác, có hội-hợp cũng có lúc tan-diệt. Vậy, không nên đối với những thành ấy, riêng sinh yêu-mến, ham-đắm, tăng thêm tâm buồn-lung. Nay ta sớ-dĩ được sự tôn-thắng này, đều do xưa kia ta tích-góp mọi nghiệp thiện. Nay cần trồng nhiều thiện-căn, tạo nhân mai sau, nên ta ngai thiền trải nhiều năm như vậy!”

Lúc đó, Thiên-Hiền cùng mọi người nghe, nghe nhà vua nói lời ấy, tâm rất vui mừng, đĩnh-lễ xuống chân vua và lui về chỗ ở.

Như thế, không lâu nhà vua bị bệnh nặng, tự biết mệnh-tận, tức lập Thái-Tử lên làm vua; tập-hợp các đại-thần cùng Bà-la-môn, trưởng-

giả, cư-sĩ lại, lấy nước bốn bể rưới lên đầu Thái-Tử. Sự việc xong-xuôi, nhà vua liền mất và được sinh lên cõi Phạm-thiên.

Ông A-Nan! Vua Đại-Thiện-Kiến, cai-trị tứ thiên-hạ, mà nơi ở của nhà vua, chỉ ở một thành lớn trong cõi Diêm-phù-đề; tuy có tám vạn bốn nghìn thành, nhưng chỗ ở của nhà vua, chỉ một thành Cựu-thi-bà-đế này thôi. Trong Tuyệt-sơn có tám vạn bốn nghìn con voi trắng quý-báu, nhưng nhà vua cưới bất quá cũng chỉ một con. Tuy có tám vạn bốn nghìn con ngựa tốt nhưng, nhà vua cưới bất quá cũng chỉ một con. Tuy có tám vạn bốn nghìn xe thất-bảo, mà nhà vua thường đi, bất quá cũng chỉ một cỗ. Tuy có tám vạn bốn nghìn phu-nhân, nhà vua thương yêu, chỉ có một người. Tuy trang-sức bảo-điện đến tám vạn bốn nghìn cái, nhưng, nơi ở của nhà vua, bất quá chỉ một nhà. Sự cần dùng của tám thân, no đủ mà thôi! Thế mà nhà vua phải lo công việc cho bốn phương, buộc lòng vào công việc của chúng-sinh, luống mệt tinh-thần, thân không ích gì như thế!”

Ông A-Nan! Vua Đại-Thiện-Kiến, khi ấy, há là người khác ư, chính là thân Tôi vậy!

Xưa kia Tôi được sự tôn-quý ấy và quốc-thành tôi ở tức tại nơi đây. Tôi ở thành này làm Chuyển-luân-vương, thực-hành những việc thành-tựu lợi-ích vô-lượng chúng-sinh, không thể nào tính kể được. Nay chư Thiên tới chật-ních hư-không, đều là những người xưa kia khi Tôi làm vua đem những pháp lành giáo-hóa mà thành. Và, ngày nay tất cả pháp tại thành này, trông thấy tôi nhập Niết-Bàn, sẽ đem lại cho họ được quả Bát-Niết-Bàn.

Ông A-Nan! Sự việc như thế, ông sao có thể nói được là thành Cựu-thi-na này là biên-địa nhỏ hẹp ư? Nay Tôi quyết-định nhập Niết-Bàn tại thành này!”

Đương khi Như-Lai nói về việc ấy, chư Thiên, Nhân số hàng ức ức người, ở trong mọi pháp, xa lìa trần-cấu, được pháp-nhãn-tịnh, tức thời cùng nhau đồng thanh bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Trong kiếp vô-số, vô-lượng vô-biên xưa kia, Thế-Tôn đem mọi pháp lành, làm lợi-ích cho chúng con, nay lại ở nơi này, Ngài lấy sự vui của Bát-Niết-Bàn an-lập cho chúng con!” Bạch rồi, họ liền rải những hoa quý, cùng tấu những âm-nhạc cõi thiên, ca-hát tán-thán, cúng-dàng Như-Lai.

Bấy giờ, Ông A-Nan bạch Phật rằng: “Lạ-lùng thay, lạ đức Thế-Tôn! Thành Cựu-thi-na này, thuở quá-khứ đã có những việc lạ-lùng ấy, nay con không còn sinh tâm thắc-mắc hẹp-hòi nữa!”

TOÁT-YẾU

Sau khi được đức Phật an-ủi, tâm ông A-Nan dần nguôi sự buồn-rầu, ông liền bạch Phật, thỉnh Phật nên về những thành to-lớn khác, nhập Niết-Bàn, nơi Cựu-thi-na này nhỏ hẹp và biên-địa quá!

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông không nên thỉnh Tôi thế! Ông chưa biết sự tốt đẹp của thành này xưa kia, Tôi sẽ nói rõ cho ông hiểu:

Thành này xưa kia gọi là thành Cựu-thi-bà-đế do Chuyển-luân-thánh-vương tên là Đại-Thiện-Kiến ngự-trị.

Thành này cao rộng, cung-điện, nhà, cửa, đường xá, hồ ao, cây cối... đều xây-cát và trang-nghiêm bằng thất-bảo. Nhân-dân thuần-thiện, sống lâu vui-vẻ, sung-sướng..., vì nhà vua hoàn-toàn chỉ đem chính-pháp giáo-hóa cai-trị.

Tuy vậy, theo sự nhu-cầu của thần-dân thường thường lui tới, thời thành này vẫn còn chật. Do đó, một thời nhà vua muốn mở rộng cung-thành, tự-nhiên được Tỳ-thủ-kiến-ma thiên-tử xuống kiến-thiết giúp.

Công việc kiến-thiết xong-xuôi, nhà vua xướng-lệnh, mở cửa Thuyết-pháp-điện thuyết nhiều pháp-lợi, nhiều người nghe pháp chứng-ngộ.

Sau đấy, nhà vua tự nghĩ: “Ta được như vậy, do trước đây ta làm nghiệp thiện, nay ta cần tu-tiến hơn nữa!” Nhà vua tu Thiền và dạy các phu-nhân, thế-nữ cùng tu.

Qua thời-gian khá lâu, ngọc-nữ Thiện-Hiền cùng các phu-nhân khuyên nhà vua nên đi kinh-lý khắp nơi để giáo-hóa nhân-dân. Nhà vua từ chối và nói: “Ta từ khi còn anh-nhi, lúc đồng-tử, lúc làm Thái-Tử, lúc làm vua, sau thành Chuyển-luân-thánh-vương, cai-trị tứ thiên-hạ, lúc giảng pháp cho nhân-dân, lúc ngồi Thiền, tất cả tới nay đã 584.000 năm, kể ra cũng lâu lắm rồi. Song, “sự-vật đều vô-

thường, ân-ái phải biệt-ly.” Vì vậy, ta không yêu-mến, ham-đắm; cần trông nhiều thiện-căn, tạo nhân mai sau mà thôi!”

Như thế, không lâu nhà vua bị bệnh, truyền ngôi cho Thái-Tử rồi mất, sinh lên cỡi Phạm-thiên.

Ông A-Nan! Vua Đại-Thiện-Kiến xưa kia có cung-thành, voi ngựa, xe-cộ, phu-nhân... mỗi ngày đến 84.000, thế mà nhà vua cũng chỉ dùng đến “một” mà thôi. Sự cần-dùng của tấm thân, chỉ no đủ thế mà nhà vua phải lo công việc cho 4 phương, buộc lòng vào công việc chúng-sinh, mệt tinh-thần.

Ông A-Nan! Vua Đại-Thiện-Kiến xưa kia, nay là thân Tôi vậy. Xưa kia Tôi ở nơi đây, làm công việc thành-tựu cho chúng-sinh không thể kể xiết được như vậy, há lại cho rằng nơi đây là nhỏ hẹp, biên-địa ư? Tôi quyết-định nhập Niết-Bàn tại thành này!

XIV. ĐỨC PHẬT VÀ PHÁI LỰC-SĨ

Khi ấy, đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Nay ông nên vào trong thành Cựu-thi-na bảo những người trong phái Lực-sĩ rằng: “Hôm nay vào lúc gần sáng Tôi nhập Niết-Bàn, Tôi muốn mọi người đều lại cùng Tôi tương-kiến; nếu còn điều gì ngờ, mặc ý cho thỉnh-vấn, đừng để khi Tôi nhập Niết-Bàn, không kịp tương-kiến, sau sinh hối-hận!”

Ông A-Nan nghe đức Phật nói rồi, sa lệ áo-não, đĩnh lễ xuống chân Phật, rồi sửa-soạn ra đi.

Ông giữ thân uy-nghi, cùng với một vị Tỳ-Khưu nữa, cùng nhau vào thành.

Lúc đó, những già, trẻ, trai, gái phái Lực-sĩ, trong thành Cựu-thi-na, mới cùng nhau tụ-tập, để tỏ-bày, bàn-bạc về việc đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn và ai ai cũng đều muốn đến nơi Phật.

Đang họp bàn, họ trông thấy ông A-Nan, họ liền hỏi: “Chúng tôi nghe thấy đức Thế-Tôn ở khoảng hàng cây Sa-la song-thụ sắp nhập Niết-Bàn, chính chúng tôi đang bàn nhau muốn đến nơi Phật, vậy nay việc ấy thế nào, xin ông cho biết!”

Ông A-Nan liền đem tất cả những lời Phật dạy, bảo những người trong phái Lực-sĩ. Những người phái Lực-sĩ ấy nghe rồi, thương khóc, áo-não, buồn-bã ngất lặn ra đất, nghẹn-ngào nói nhỏ với nhau rằng: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi, từ nay chúng ta biết quy-y vào đâu, cũng như đứa trẻ mất người cha lành; từ nay trở đi, cõi Nhân, Thiên giảm dần, ba đường ác [18], ngày thêm thịnh!”

Thế rồi, họ bạch ông A-Nan: “Quyển-thuộc chúng tôi nay muốn cùng nhau đến nơi đức Phật!”

Bấy giờ, ông A-Nan, giã-từ mọi người, trở về nơi Phật và bạch Phật rằng: “Con đem lời Thế-Tôn vào thành tuyên-thị cho các người phái Lực-sĩ; các người ấy, ai cũng đều kinh-ngạc, buồn-bã, khóc-lóc, rưng-rức và đều bảo sẽ đến chiêm-phụng Thế-Tôn!”

Sau đó, những người già, trẻ, trai, gái phái Lực-sĩ, hết thầy đi theo nhau, đều sa lệ, kêu khóc, nghẹn-ngào, theo đường tiến lên.

Ông A-Nan trông thấy số người của phái Lực-sĩ rất đông, tâm ông tự nghĩ: “Nếu đám người đông này, cứ mỗi người, mỗi người vào lễ Phật, thời không biết thời nào hết; nay ta nên cho mỗi nhà, mỗi nhà nhất thời lễ Phật thôi!”

Đám người phái Lực-sĩ kia đã đến nơi Phật, ông A-Nan liền phổ-cáo rằng: “Các vị lại đây đồng-đảo, nếu cứ mỗi người, mỗi người vào lễ Phật, thời không biết thời nào hết được, nay xin mỗi nhà, mỗi nhà nhất thời lễ Phật!”

Những người phái Lực-sĩ kia, vâng theo ý ông A-Nan, liền cùng nhau vào lễ Phật, rồi đứng lui về một bên, bạch Phật rằng: “Kính xin Thế-Tôn hãy ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, đừng nhập Niết-Bàn, để đem lại lợi-ích cho hết thầy chư thiên, nhân-dân. Nay các chúng-sinh không có mắt tuệ, kính xin thế-Tôn, vì khai-đạo cho!”

Đức Như-Lai bảo các người Lực-sĩ: “Nay các vị không nên thỉnh Tôi như thế nữa! Sao vậy? - Hết thầy mọi hành-tướng, đều là vô-thường, ân-ái hội-hợp, tất phải quay về chỗ biệt-ly; như thế, dù Tôi có ở đời đủ một kiếp chẳng nữa, thời hội-hợp cũng có lúc sẽ phải tan-diệt. Vậy, những lời thuyết-pháp của Tôi, các vị cần ghi-nhớ, gìn-giữ, tụng niệm đừng quên, thế là không khác gì như Tôi còn ở đời!”

Những người phái Lục-sĩ kia nghe đức Phật nói lời ấy, biết là không được kết-quả, theo lời thỉnh của mình, tâm họ héo-hon, buồn-rầu, thương-khóc áo-não, rồi đứng im-lặng.

TOÁT-YẾU

Đức Phật sai ông A-Nan vào thành Cưu-thi-na tìm phái Lục-sĩ tới, cho đức Phật gặp. Ông A-Nan vâng lời.

Đi đến nơi ông A-Nan thấy họ đang họp đông-đảo. Ông đem lời đức Phật chỉ-giáo nói cho họ nghe. Họ nói: “Chúng tôi được tin đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, họp nhau để đến chôn Phật, lễ Phật.”

Tới chôn Phật, phái Lục-sĩ vào lễ Phật và thỉnh đức Phật lưu lại thế-gian, đem lại lợi-ích cho chúng-sinh.

Đức Phật dạy: “Sự vật đều vô-thường, ân-ái phải biệt-ly, dù Tôi có ở lại nữa cũng đến như vậy. Thôi, những lời thuyết-pháp của Tôi, các vị cần ghi-nhớ, tụng niệm đừng quên, như thế không khác gì như Tôi còn ở đời!”

Phái Lục-sĩ biết không sao thỉnh được, buồn-rầu đứng im.

XV. ÔNG TU-BẠT-ĐÀ-LA QUY PHẬT

Khi ấy, thành Cưu-thi-na có một người ngoại-đạo, một trăm hai mươi tuổi, tên là Tu-bạt-đà-la (Subhadra). Ông này thông-minh đa trí, tụng suốt bốn kinh Phệ-đà [19], hết thầy sách, luận đều thông-đạt cả, nên được hết thầy mọi người tôn-kính.

Ông nghe biết được Như-Lai ở khoảng song-thụ trong rừng Sa-la sắp nhập Niết-Bàn. Tâm ông tự nghĩ: “Các sách, luận của đạo ta nói đức Phật ra đời rất là khó gặp, cũng như hoa Ưu-đàm bao thời mới hiện một lần. Nay Ngài ở trong rừng Sa-la, ta còn có chỗ ngờ, ta thử đến thỉnh-vấn, nếu Sa-môn Cồ-Đàm [20] giải-quyết được sự ngờ-vực của ta, thời thực là người được Nhất-thiết-chủng-trí.

Ông nghĩ thế rồi, liền đi đến nơi Phật.

Còn ở ngoài rừng ông gặp ông A-Nan, ông nói với ông A-Nan rằng: “Trong sách, luận đạo tôi nói đức Phật ra đời rất khó gặp được, ức, nghìn, vạn-kiếp, từng thời, từng thời mới hiện ra, như hoa Ưu-đàm không thể thường thấy được. Đức Phật giáo-hóa tại thế-gian, mà tôi vẫn không được trông thấy. Nay tôi nghe biết Ngài ở trong rừng Sa-la này, sắp nhập Niết-Bàn; tôi có chỗ ngờ, muốn đến thỉnh-vấn Ngài, vậy mong ông vì tôi bạch lên đức Thế-Tôn là nay tôi muốn được yết-kiến Ngài một chút!”

Ông A-Nan nghe lời nói ấy của ông Tu-bạt-đà-la tâm ông tự nghĩ: “Nay đức Thế-Tôn bốn đại [21] không được an-hòa, Ngài tiếp-đổi lâu, là tự mình tăng thêm việc ác, nghĩa là, nếu ta lại cho người ngoại-đạo vào yết-kiến đức Thế-Tôn, tất nhiên phải có ngôn-luận, dung-thể sẽ tổn-kích thêm!” Ông A-Nan liền đáp: “Nay đức Thế-Tôn bốn đại không được an-hòa, nằm nghỉ trong rừng, thân đau cực-khổ, vậy nay xin ông không nên vào yết-kiến đức Như-Lai nữa! Xin ông đừng tới khi đức Thế-Tôn sắp nhập Niết-Bàn, có sự chướng-ngại!”

Ông Tu-bạt-đà-la thỉnh-cầu ông A-Nan đến ba lần như thế, ông A-Nan cũng lại đáp lại ba lần như thế. Bấy giờ đức Thế-Tôn dùng Thiên-nhĩ [22] thanh-tĩnh, nghe thấy tiếng ông Tu-bạt-đà-la thỉnh-cầu ông A-Nan; Ngài lại quán-sát căn-khí của ông ấy, Ngài biết là đã đến thời có thể độ được ông ấy, Ngài liền dùng Phạm-âm bảo ông A-Nan: “Ông đừng làm trở-ngại người đệ-tử tối-hậu của Tôi, ông nên thuận cho ông Tu-bạt-đà-la lại trước Tôi, Tôi muốn được trông thấy ông ấy. Ông ấy là người chất-trực, thông-tuệ, giác-ngộ dễ-dàng. Ông ấy sở-dĩ đến nơi Tôi là muốn được giải-quyết điều ngờ-vực, không phải là cố-ý lại để tranh-luận hơn, kém đâu!”

Lúc đó, ông A-Nan vâng lời Phật dạy mới bảo ông Tu-bạt-đà-la rằng: “Nay đức Thế-Tôn đã dạy tôi, thuận để ông vào gặp Ngài”.

Ông Tu-bạt-đà-la nghe biết đức Phật thuận cho ông vào trước Ngài, vui mừng hớn-hở, không tự hãm được, tâm ông nghĩ rằng: Sa-môn Cồ-Đàm quyết-định là người chúng được Nhất-thiết-chủng-trí!”

Nghĩ rồi, ông liền đi vào nơi Phật ở. Thăm hỏi lẫn nhau rồi, ông ngồi về một bên và bạch Phật rằng: “Thưa Cồ-Đàm Sa-môn! Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Ngài hoan-hỷ thuận cho!”

Đức Phật đáp: “Quý hóa thay, quý hóa thay! Ông Tu-bạt-đà-la, tha-hồ ông muốn hỏi gì, cứ hỏi!”

Ông Tu-bạt-đà-la liền hỏi Phật: “Nay ở thế-gian này, các vị Sa-môn, Bà-la-môn, lục-sư ngoại-đạo như: Phú-lan-na-ca-diếp (Purana Kàsyapa), Mạt-già-ly-câu-sa-lê-tử (Maskàri Gosaliputra), A-kỳ-đà-sí-xá-khâm-bà-la (Ajtakesakambala), Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên (Kakuda Kàtyàyand), Ni-kiền-đà-nhã-đề-tử (Nirgranta Jnatiputra)..., đều tự nói là được Nhất-thiết-trí, cho những học-giả khác là tà-kiến; họ cho hành-động của đạo họ, là đạo giải-thoát, hành-động của đạo khác chỉ là nhân sinh-tử. Phải, trái lẫn-lộn, sao biết được đấng nào là hư, thực; thầy nào được gọi là Sa-môn, thầy nào quyết-định là nhân giải-thoát?”

Đức Như-Lai đáp: “Quý hóa thay, quý hóa thay, ông Tu-bạt-đà-la! Nay ông hỏi Tôi được nghĩa ấy, ông hãy nghe cho kỹ, nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói về vấn-đề ấy.”

Ông Tu-bạt-đà-la! Trong các pháp, nếu pháp nào không có pháp Bát-thánh-đạo, sẽ biết là nơi ấy không có tên một bậc Sa-môn, cho đến tên hai và ba, bốn bậc Sa-môn cũng lại không có [23]. Đã không có Sa-môn, cũng không có giải-thoát; giải-thoát đã không có, thời không phải là được Nhất-thiết-chủng-trí!

Ông Tu-bạt-đà-la! Nếu trong các pháp có Bát-thánh-đạo, nên biết rằng nơi ấy quyết-định có tên của bốn bậc Sa-môn. Có tên bậc Sa-môn thời có giải-thoát; đã có giải-thoát, là được Nhất-thiết-chủng-trí!

Ông Tu-bạt-đà-la! So-sánh các pháp, duy trong pháp Tôi có Bát-thánh-đạo, có tên bốn bậc Sa-môn, là đạo giải-thoát, là Nhất-thiết-chủng-trí. Các ngoại-đạo kia như Phú-lan-na-ca-diếp vân vân, trong chỗ thuyết-pháp của họ, không có Bát-thánh-đạo, không có tên bậc Sa-môn, không phải là giải-thoát và Nhất-thiết-chủng-trí. Nếu họ nói là có, thời biết lời nói ấy quyết là lời nói dối-trá!

Ông Tu-bạt-đà-la! Hết thầy chúng-sinh nghe pháp Tôi nói, tin-thụ, suy-nghĩ, thời biết người ấy tất không nghe không, mà quyết được giải-thoát!

Ông Tu-bạt-đà-la! Khi Tôi còn ở vương-cung chưa đi xuất-gia, hết thầy thế-gian đều bị hàng lục-sư mê-hoặc, chưa thấy có cái thực Sa-môn!

Ông Tu-bạt-đà-la! Năm hai mươi chín tuổi Tôi xuất-gia học đạo, năm ba mươi sáu tuổi [24] Tôi ngồi dưới gốc cây Bồ-Đề, suy-nghĩ về nguyên-đề cứu-cánh của Bát-thánh-đạo, thành vô-thượng chính-đẳng chính-giác, chứng được Nhất-thiết-chủng-trí. Chứng-ngộ rồi, Tôi đi đến vườn Lộc-giã, là nơi trụ-xứ của các tiên-nhân thuở xưa, thuộc nước Ba-la-nại, Tôi vì bợn ông Kiều-Trần-Như năm người [25], quay pháp-luân Tứ-đế, họ nghe được dấu-tích của đạo, khi ấy mới có tên Sa-môn ra đời, đem phúc-lợi cho chúng-sinh!

Ông Tu-bạt-đà-la! Ông nên biết rằng pháp Tôi được giải-thoát, Như-Lai thực là Nhất-thiết-chủng-trí!

Ông Tu-bạt-đà-la nghe đức Như-Lai nói về Bát-thánh-đạo rồi tâm sinh hoan-hỷ, khắp mình sớn lông, khát-ngưỡng muốn được nghe về nghĩa của Bát-thánh-đạo, ông bạch Phật rằng: “Kính xin Thế-Tôn, vì con mà phân-biệt và nói rộng nghĩa của Bát-thánh-đạo cho!”

Đức Thế-Tôn lại vì ông ấy phân-biệt và nói rộng nghĩa của Bát-thánh-đạo.

Ông Tu-bạt-đà-la nghe đức Phật nói nghĩa của Bát-thánh-đạo rồi, tâm-ý ông mở tỏ, bỗng dựng đại-ngộ và ở trong mọi pháp ông xa lìa được trần-cấu, được pháp-nhãn-tịnh, ông liền bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay con muốn xuất-gia trong Phật-pháp, mong đức Thế-Tôn chấp-thuận!”

Đức thế-Tôn liền gọi: “Thiện-Lai Tỳ-Khưu!” Râu tóc ông tự sạch, ca-sa mặc vào mình, tức thành Sa-môn. Đức Thế-Tôn lại nói rộng về Tứ-đế cho ông nghe, ông liền được lậu-tận, thành A-La-Hán.

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Nay ông nên biết rằng Tôi ở nơi đạo-tràng, thành Vô-thượng chính-đẳng chính-giác, lần đầu tiên thuyết-pháp độ cho bợn ông Kiều-Trần-Như năm người, ngày nay trong rừng Sa-la, sắp nhập Niết-Bàn, lần thuyết-pháp cuối cùng này, Tôi độ cho ông Tu-bạt-đà-la. Từ đây, chư Thiên, nhân-dân không ai được nghe Tôi thuyết-pháp mà đắc-độ nữa, nhưng, nếu người có thiện-căn

cũng sẽ được giải-thoát, sau đây đều do đệ-tử của Tôi, dạy bảo lẫn nhau!”

Ông A-Nan! Ông Tu-bạt-đà-la, tuy là ngoại-đạo, mà thiện-căn của ông ấy, hợp thời thành-thục, duy có Như-Lai phân-biệt biết được. Sau khi Tôi nhập Niết-Bàn nếu có người ngoại-đạo, muốn xin xuất-gia trong pháp Tôi, các ông không nên thuận ngay cho họ; trước tiên yêu cầu họ phải tụng-tập kinh sách trong bốn tháng, xem ý-tính của họ là hư hay thực. Nếu thấy hạnh họ chất-trục, nhu-hòa và đối với trong pháp Tôi, thực có ý muốn sâu-xa, sau mới ưng-thuận cho họ xuất-gia. Ông A-Nan! Sở dĩ thế, là vì các ông trí-tuệ ít, không thể phân-biệt được căn-khí chúng-sinh ngay, nên buộc các ông trước phải xem-xét họ đã!

Khi ấy, ông Tu-bạt-đà-la bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Trước đây con muốn xin xuất-gia, đức Thế-Tôn nếu buộc con trước phải ở trong Phật-pháp bốn mươi năm đọc-tụng kinh-sách, sau mới cho con xuất-gia, con cũng chịu được, phương chi là chỉ có bốn tháng!

Đức Thế-Tôn bảo ông Tu-bạt-đà-la: “Đúng như thế, đúng như thế, ông Tu-bạt-đà-la! Tôi xem xét ý ông, đối với trong pháp Tôi ân-cần khát-ngưỡng, nay ông nói ra lời ấy, không phải là hư-thiệt.”

Liên đấy, ông Tu-bạt-đà-la tới trước Phật, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Con không nở trông thấy đấng Thiên-Nhân-Tôn nhập Niết-Bàn, hôm nay con muốn nhập Niết-Bàn trước đức Thế-Tôn!”

Đức Phật dạy: “Quý hóa thay! Được!”

Lúc đó, ông Tu-bạt-đà-la ngay ở trước mặt Phật nhập Hỏa-giới tam-muội, mà nhập Niết-Bàn.

TOÁT-YẾU

Thành Cựu-thi-na có một người tu ngoại-đạo, quán thông kinh-sách, thọ 120 tuổi tên là Tu-bạt-đà-la.

Xem kinh-sách ông biết đức Phật ra đời khó gặp được, nay đức Phật sắp nhập Niết-Bàn và còn có chút điều ngờ-vực, ông liền đi đến chôn Phật.

Đến nơi Sa-la, ông xin ông A-Nan cho vào yết-kiến Phật. Ông A-Nan từ chối, vì đức Phật đau và Ngài sắp nhập-diệt, không nên làm chướng-ngại.

Đức Phật dùng Thiên-nhĩ nghe biết, cùng xét rõ căn-cơ của ông ấy, Ngài bảo ông A-Nan cho vào.

Vào tới nơi, theo nghi-thức thăm hỏi xong, ông Tu-bạt-đà-la hỏi đức Phật: “Những người tu-hành của các đạo thời nay, ai cũng đều cho mình là được Nhất-thiết-trí, còn học-giả khác là tà-kiến; cho đạo mình là giải-thoát, đạo khác là sinh-tử. Phải, trái, hư, thực khó phân, xin Ngài giải-quyết giúp cho!”

Đức Phật đáp: “Đạo nào có Bát-thánh-đạo, có tên bậc Sa-môn, có giải-thoát, là được Nhất-thiết-trí! Trái lại là không được!”

“Khi Tôi còn ở Vương-cung, làm gì có tên thực Sa-môn. Hăm chín tuổi Tôi xuất-gia, băm sáu tuổi Tôi suy-nghĩ Bát-chính-đạo, chứng Nhất-thiết-chủng-trí, và sau đó, Tôi đến Lộc-giã độ cho bọn ông Kiều-Trần-Như 5 người, khi ấy mới có tên Sa-môn ra đời. Ông nên biết: pháp Tôi được giải-thoát, Như-Lai là Nhất-thiết-chủng-trí!”

Ông Tu-bạt-đà-la nghe đức Phật nói pháp ấy rồi, bỗng dưng đại-ngộ. Ông xin Phật xuất-gia, thành bậc Sa-môn.

Đức Phật lại dặn ông A-Nan sau đây có độ cho người ngoại-đạo, cần phải xem-xét trong 4 tháng đã!

Tới đây, ông Tu-bạt-đà-la không nữa trông thấy Phật nhập Niết-Bàn, ông xin Phật, ông vào Hỏa-quang tam-muội, nhập Niết-Bàn trước.

XVI. LỜI PHÓ-CHỨC

Bấy giờ, đức Như-Lai bảo ông A-Nan: “Ông đừng thấy Tôi nhập Niết-Bàn, cho là chính-pháp của Tôi ở đây mất hẳn. - Sao vậy? - Xưa Tôi vì các vị Tỳ-Khưu chế ra giới Ba-la-đề-mộc-soa [26] cùng nói ra nhiều diệu-pháp khác, những giới-pháp ấy tức là Đại-Sư của các vị và cũng như Tôi còn ở đời không khác!”

Ông A-Nan! Sau khi Tôi nhập Niết-Bàn, các vị Tỳ-Khưu đều phải theo thứ-tự, lớn, nhỏ, cung-kính lẫn nhau; không được gọi tên họ, mà đều gọi tên tự; cùng xem-xét lẫn nhau, đừng để trong chúng có sự phạm đại-giới; không nên soi-bói lỗi nhỏ của người. Xa-Nặc (Chandaka) Tỳ-Khưu [27] cần phải phạt nặng!

Ông A-Nan hỏi Phật: “Lạy đức Thế-Tôn! Thế nào là phạt nặng?”

Đức Phật bảo: “Ông A-Nan! Phạt nặng là hết thầy Tỳ-Khưu đừng cùng ông ấy nói chuyện!” Ông A-Nan bạch Phật: “Chúng con xin vâng làm theo lời dạy của Thế-Tôn!”

Khi ấy đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Nay các ông nếu còn ngờ-vực gì, mặc ý các ông thỉnh-vấn, đừng để sau khi Tôi nhập-diệt, hối-hận rằng Như-Lai gần nhập Niết-Bàn trong rừng Sa-la, lúc đó ta không dám đến hỏi để Như-Lai giải-quyết cho, đến nỗi ngày nay tâm-tinh ta có chỗ trệ-trọc! Tuy nay thân thể Tôi có bệnh, nhưng, còn có thể vì các ông giải-thích những điều ngờ-vực. Nếu các ông muốn vâng giữ chính-pháp, lợi-ích Nhân, Thiên, sau khi Tôi nhập Niết-Bàn, nay các ông nên hỏi nhanh lên, Tôi giải-quyết cho chỗ còn ngờ-vực của các ông!”

Đức Thế-Tôn bảo như thế đến ba lần, các vị Tỳ-Khưu vẫn im-lặng, không có ai xin Ngài quyết-nghi gì cả. Lúc đó, ông A-Nan liền bạch Phật rằng: “Lạy thay, lạy đức Thế-Tôn! Đức Thế-Tôn dạy đến ba lần như thế, mà trong chúng này, không có ai ngờ gì cả!”

Đức Phật dạy: “Đúng như thế, đúng như thế! Ông A-Nan! Nay trong chúng này, có năm trăm vị Tỳ-Khưu chưa đắc-đạo, sau khi Tôi nhập Niết-Bàn, trong đời vị-lai các vị ấy, lậu-nghiệp sẽ được hết và chính ngay ông cũng là người ở trong số ấy!”

Bấy giờ đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Các vị nếu thân, khẩu, ý Tôi bỗng dưng có xúc-phạm gì, các vị nên bảo Tôi!”

Các vị Tỳ-Khưu nghe đức Phật nói lời ấy buồn rầu sa lệ, bạch Phật rằng: “Như-Lai há còn có lỗi nhỏ-nhặt về thân, khẩu, ý?”

Đức Như-Lai liền nói kệ:

Các hành là vô-thường,
Là pháp sinh-diệt;
Diệt sinh-diệt rồi,
Tịch-diệt làm vui. [28]

Đức Như-Lai nói bài kệ ấy rồi, Ngài bảo các vị Tỳ-Khưu: “Các vị nên biết: hết thảy mọi hành-tướng, đều là vô-thường; thân Tôi nay tuy là thể kim-cương, nhưng cũng không khỏi lẽ vô-thường biến-thiên. Trong nẻo sinh-tử, rất đáng sợ-hãi, các vị nên siêng làm hạnh tinh-tiến, cần mau ra khỏi hố lửa sinh-tử này, thể là lời dạy cuối cùng của Tôi!”

“Thời nhập Niết-Bàn của Tôi đã đến!”

Các vị Tỳ-Khưu cùng các Thiên, Nhân khác nghe đức Phật dạy lời ấy, thương-xót, kêu-khóc, buồn-bã ngất lặn ra đất.

Đức Như-Lai liền bảo tất cả mọi người: “Các vị không nên sinh ra sự buồn-rầu ấy, tính-tướng của mọi sự-vật, đều như thế cả!”

TOÁT-YẾU

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Đừng thấy Tôi nhập Niết-Bàn, cho là chính-pháp của Tôi cũng mất hẳn. Xưa kia Tôi chế ra giới-luật, nói diệu-pháp, thời những giới-pháp đó là Thầy của các vị. Sau khi Tôi nhập-diệt, các vị Tỳ-Khưu đều phải theo thứ tự, lớn, nhỏ, cung-kính lẫn nhau; xem-xét lẫn nhau, để tránh sự phạm đại-giới. Nhưng, không nên soi-bói lỗi nhỏ của người!”

Đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Giờ đây các vị còn ngờ-vực gì, cứ hỏi, chớ sau lại phàn-nàn!” Đức Phật hỏi đến ba lần, trong chúng không ai hỏi gì cả.

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-Khưu: “Tôi có lỗi gì về thân, khẩu, ý các vị cho tôi biết!” Các vị Tỳ-Khưu buồn-rầu, sa-lệ bạch: “Đức Thế-Tôn còn có lỗi-làm gì nữa!”

Ngài dạy tiếp: “Các vị nên biết: hết thảy mọi hành-tướng đều là vô-thường, thân Tôi nay tuy là thể kim-cương, nhưng, cũng không khỏi lẽ vô-thường biến-thiên. Trong nẻo sinh-tử đáng sợ-hãi, các vị nên

siêng làm hạnh tinh-tiến, cần mau ra khỏi hố lửa sinh-tử này, thế là lời dạy cuối cùng của Tôi!”

“Thôi, thời nhập Niết-Bàn của Tôi đã đến!”

Các vị Tỳ-Khưu buồn, Ngài dạy: “Các vị không nên buồn-rầu nữa, tính-tướng của mọi sự-vật đều như thế!”

XVII. ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN

Ngay khi ấy đức Như-Lai vào Sơ-thiền; ra Sơ-thiền, vào Nhị-thiền; ra Nhị-thiền, vào Tam-thiền; ra Tam-thiền, vào Tứ-thiền; ra Tứ-thiền, vào Không-xứ; ra Không-xứ, vào Thức-xứ; ra Thức-xứ, vào Vô-sở-hữu-xứ; ra Vô-sở-hữu-xứ, vào Phi-tưởng, phi-phi-tưởng-xứ; ra Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ, vào Diệt-tận-định.

Lúc đó, ông A-Nan, đã thấy đức Như-Lai im-bặt không nói, thân-thể chi-tiết không dao-động, liền sa-lệ nói rằng: “Đức Thế-tôn nay đã nhập Niết-Bàn rồi!”

Bấy giờ ông A-nâu-lâu-đà (Aniruddha) bảo ông A-Nan: “Ngay bây giờ đức Như-Lai chưa nhập Niết-Bàn đâu! Sở-dĩ Ngài im-bặt, thân không dao-động, chính là Ngài nhập Diệt-tận-định!”

Đức Thế-Tôn ra Diệt-tận-định, lại trở vào Phi-tưởng phi-phi-tưởng-xứ và lần-lượt cho đến vào Sơ-thiền. Rồi Ngài lại ra Sơ-thiền, vào Nhị-thiền; ra Nhị-thiền, vào Tam-thiền; ra Tam-thiền, vào Tứ-thiền. Và, ngay nơi ấy Ngài nhập Niết-Bàn.

Khi ấy, ông A-nâu-lâu-đà bảo ông A-Nan: “Đức Thế-Tôn đã ở nơi Tứ-thiền nhập Niết-Bàn rồi!”

Ông A-Nan cùng bốn bộ-chúng, nghe ông A-nâu-lâu-đà nói lời ấy rồi, thương-xót, kêu-khóc, nghẹn-ngào, buồn-bã ngất lặn ra đất. Trong chúng ấy, hoặc có người khoa tay, bứt đầu, đâm ngực gào to, cùng bảo nhau rằng: “Con mắt của thế-gian mất đi, nhất đán sao chóng vậy thay! Từ nay trở đi, hết thấy chúng-sinh, ai là người lãnh-đạo và Nhân, Thiên sẽ giảm đi, đường ác ngày càng thêm!”

Lúc đó, Thiên, Long tám bộ trong hư-không, nước mắt chảy chan-chứa như mưa dào, bảo lẫn nhau rằng: “Từ nay ai là người quy-y của chúng ta; chúng ta cũng như đứa trẻ mất mẹ hiền; ba đường ác, ngày mở rộng thêm, cửa giải-thoát đóng kín nhiều lần! Hết thầy chúng-sinh, trầm-luân bể khổ, cũng như người đau xa-cách lương-y, như người mù mất người dắt-dẫn! Chúng ta xa-cách đấng vô-thượng Pháp-vương, giặc phiền-não xâm-bức hàng ngày!”

Xướng lên lời ấy rồi, họ buồn-bã, áo-não, không tự hãm được.

Bấy giờ, các người phái Lục-sĩ, trong thành Cưu-thi-na, đều là những người khỏe-mạnh, như con Hương-tượng, thế mà khi họ trông thấy đức Như-Lai nhập Niết-Bàn rồi, thân-hình họ tiêu-tụy, như người mới phát bệnh.

Đương lúc đó, cõi đất rung-động, trống trời bỗng kêu, sóng bốn bể lớn giồ-gập lung-tung, ngọn núi Tu-Di tự-nhiên rung ngã, gió cuồng bốc mạnh, rừng gỗ gãy tung, dây-nhợ héo-khô, sợ-kinh khác lạ!

Khi ấy, Đại-phạm thiên-vương nói bài kệ rằng:

Quá-khứ và vị-lai,
Cùng ngay trong hiện-tại;
Không có chúng-sinh nào,
Không hướng về vô-thường.
Như-Lai: Thiên-Nhân-Tôn,
Thân kim-cương kiên-cố;
Còn không khỏi vô-thường,
Huống là những người khác!
Hết thầy mọi chúng-sinh,
Mến-tiết bảo-vệ thân;
Sức thêm hương hoa khác,
Không biết sẽ hủy-diệt!
Như-Lai thân sắc vàng,
Trang-nghiêm bằng tướng tốt,
Hội-hợp cũng xả-ly,
Ứng-nhập Bát-Niết-Bàn.
Dứt hẳn mọi phiền-não,
Thành Nhất-thiết-chủng-trí;

Vẫn còn không khỏi được,
Huống người phiền-não buộc!

Tếp đó, Thiên-Đế-Thích nói bài kệ rằng:

Tính của mọi hành-tướng,
Thực là pháp sinh-diệt;
Đáng Lưỡng-Túc [29] tối-tôn,
Cũng về nơi diệt-tận.
Lửa ba độc [30] cháy bùng,
Thường thiêu-đốt chúng-sinh;
Không có mây “Đại-Bì”,
Gì cho mưa tắt được?

Ông A-nâu-lâu-đà cũng nói bài kệ:

Ngày nay đức Như-Lai,
Mọi căn không dao-động;
Tâm ý hội các pháp,
Mà bỏ nơi thân này.
Điềm-nhiên bật lo-nghĩ,
Cũng không tiếp-thụ gì;
Như đèn tắt, sáng hết,
Như-Lai diệt cũng vậy!

Tới đây, ông A-Nan liền nói tiếp bài kệ:

Cõi đất bỗng động rung,

Gió cuồng bốn mặt bốc;
Sóng biển vỗ lung-tung,
Núi Tu-Di chuyển, ngã.
Tâm Thiên, Nhân buồn, khổ,
Nước mắt khóc như mưa;
Thầy đều sinh sợ-hãi
Như bị Phi-nhân [31] giữ:
Do Phật nhập Niết-Bàn,
Nên có việc như vậy!

Bấy giờ, có các vị Tỳ-Khưu cùng Nhân, Thiên ở trong chúng chưa đắc-đạo, thấy đức Như-Lai nhập Niết-Bàn rồi, tâm sinh áo-não, vật-vã ra đất; người đắc-đạo rồi, than hoài về cái khổ của thế-gian vô-thường, thương-xót, kêu khóc không tự-hãm được.

Lúc đó, ông A-nâu-lâu-đà, bảo các vị Tỳ-Khưu cùng cả Nhân, Thiên rằng: “Các vị không nên sinh tâm ưu-não quá, trước đây Như-Lai đã vì các vị nói rõ là tính-tướng của các sự-vật đều như thế, sao các vị còn cố thương khóc vậy ư?”

Khi ấy ông A-Nan liền phổ-cáo tất cả mọi người từ bốn phương xa lại rằng: “Đức Như-Lai nay đã nhập Niết-Bàn rồi!” Mọi người nghe ông A-Nan nói thế, thương-xót, kêu-khóc, buồn-bã, áo-não nghẹn-ngào nói với ông A-Nan: “Nay chúng-nhân tại đây, quá đông-đảo, chật-chội, đến ba mươi hai do-tuần, cũng đều đầy-ních, vậy kính xin Tôn-giả cho chúng tôi được lần-lượt tới trước trông thấy tôn-dung đức Như-Lai để lần cuối cùng chúng tôi được chiêm-ngưỡng, lễ bái và cúng-dàng. Vì, Như-Lai ra đời khó được gặp gỡ, như hoa Ưu-Đàm bao thời, bao thời mới hiện. Nay chúng tôi thân ở nơi đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn đây, xin Tôn-giả thương xót chúng tôi, để cho chúng tôi được trông thấy chân-dung Phật!”

Ông A-Nan nghe lời chúng-nhân, tâm tự suy-nghĩ: “Đức Như-Lai ra đời, rất khó được gặp, được cúng-dàng lần cuối cùng cũng là rất khó, nay ta nên cho những ai cúng-dàng Phật trước? Nay ta nên cho các vị Tỳ-Khưu-Ni cùng Ưu-bà-di, được tới trước cúng-dàng thân Phật. Sao vậy? - Họ là những người nữ-lưu yếu-ớt, vả lại, từ xưa tới nay họ không thường được đến chốn đức Phật. Do nhân-duyên ấy, ta cho họ tới trước!”

Ông nghĩ thế rồi, liền phổ-xướng cho các Tỳ-Khưu-Ni, cùng Ưu-bà-di, đều được đến trước nơi thân đức Như-Lai nhập Niết-Bàn.

Các Tỳ-Khưu-Ni cùng vô-lượng Ưu-bà-di, đều cùng nhau đến chốn Phật. Đến nơi họ trông thấy đức Như-Lai nhập Niết-Bàn rồi, họ kêu-khóc áo-não, đi nhiều, lễ-bái và cúng-dàng mọi thứ.

Khi ấy, có một bà Ưu-bà-di nghèo-cùng, đã một trăm tuổi, bà thấy những vợ cùng con gái lớn, nhỏ, của các phái Bà-la-môn, Sát-ly, trưởng-giả, cư-sĩ, đem hương hoa tốt, mọi thứ cúng-dàng Phật, bà tự thương mình nghèo thiếu, riêng chịu mất nguyện tốt nơi đây, tâm bà

tự nghĩ: “Đức Như-Lai ra đời rất là khó gặp, cúng-dàng Ngài lần cuối cùng cũng lại rất khó, mà nay ta bần-cùng, khánh-kiệt, không lấy gì biểu-lộ tâm-thành mình được!” Bà nghĩ thế rồi, càng thêm thương-xót, cảm-động, bà tới chỗ chân Phật, tâm áo-não quá, khóc-lóc thướt-mướt, nước mắt chảy xuống chân Phật, làm ướt chân Phật, bà nguyện: “Nguyện con đời sau sinh ra nơi nào, con thường được thấy Phật!”

Các Tỳ-Khưu-Ni cùng Ưu-bà-di, cúng-dàng xong rồi, liền về chỗ mình.

Bấy giờ, ông A-Nan, lại phổ-cáo cho mọi người khác biết rằng các Tỳ-Khưu-Ni cùng Ưu-bà-di cúng-dàng xong rồi, các vị có thể lần-lượt tới trước thân Phật cúng-dàng. Mọi người nghe rồi, lần-lượt đến nơi thân Phật nhập Niết-Bàn. Đến nơi họ trông thấy đức Như-Lai nhập Niết-Bàn rồi, kêu-khóc vật-vã, tâm rất sầu-não, họ đem mọi đồ cúng-dàng, cúng-dàng lên Phật.

TOÁT-YẾU

Khi ấy, đức Như-Lai vào ra Tứ-thiên-định, Tứ-không-xứ-định, Diệt-tận-định hai lần. Lần thứ ba Ngài vào ra từ Sơ-thiên đến Tứ-thiên là Ngài nhập Niết-Bàn tại đấy. Ông A-nâu-lâu-đà bảo ông A-Nan: “Đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn tại Tứ-thiên rồi!”

Lúc đó, đại-chúng buồn-rầu, vật-vã, kêu-khóc, than-thở; chư thiên khóc-lóc nước mắt chảy như mưa rào; phách Lục-sĩ cũng buồn-bã, lả-lướt như người mới đau. Cả đến cõi đất cũng rung-động, núi Tu-Di cũng nghiêng-ngả, sóng bể cũng vỗ tung, gió cuồng bốc mạnh, cây cỏ gãy, héo... Và, ai ai cũng đều kinh sợ.

Tiếp đến, Đại-Phạm-thiên-vương nói bài kệ về lẽ vô-thường, không ai thoát được. Thiên-đế-thích cũng nói về lẽ ấy và than-tiếc chúng-sinh ngày nay bị lửa 3 độc cháy, không còn nước Đại-Bi rưới tắt. Ông A-nâu-lâu-đà nói về đức Như-Lai xả thân này cũng như đèn tắt sáng hết. Ông A-Nan nói cái cảnh buồn-rầu của tất cả khi đức Phật nhập Niết-Bàn. Các vị chưa đắc-đạo, thương-xót áo-não, các vị đắc-đạo rồi, than lẽ vô-thường của thế-gian!

Ông A-Nan phổ-cáo cho mọi người biết là đức Như-Lai nhập Niết-Bàn rồi!

Ông cho các Tỳ-Khưu-Ni, các Ưu-bà-di đi vào lễ Phật, cúng-dàng trước. Trong số ấy có bà lão nghèo vào lễ Phật, khóc, chảy nước mắt xuống chân Phật. Rồi đến các người nam-giới khác, lần-lượt vào lễ-bái, cúng-dàng Phật.

XVIII. HỎA-TÁNG THÂN PHẬT

Lúc đó, các người phái Lực-sĩ, đều tụ-tập lại, cùng bảo nhau rằng: “Nay chúng ta làm sao hỏa-táng thân Như-Lai chứ? Đức Thế-Tôn khi sắp Niết-Bàn, chắc Ngài đã có lời di-sắc?” Nói rồi, họ liền cùng nhau vào hỏi ông A-Nan: “Nay chúng tôi muốn cùng nhau tới làm việc hỏa-táng thân Như-Lai, vậy phép hỏa-táng này như thế nào, chắc khi Thế-Tôn sắp nhập Niết-Bàn có di-chỉ lại, kính xin Tôn-giả bảo cho chúng tôi biết để làm!”

Ông A-Nan bảo các người phái Lực-sĩ rằng: “Đức Như-Lai di-sắc phương-pháp hỏa-táng Ngài như phương-pháp hỏa-táng Chuyển-luân-thánh-vương không khác!” Ông A-Nan liền nói đầy-đủ những việc đức Phật di-sắc trước đây cho họ nghe. Các người phái Lực-sĩ nghe lời ông A-Nan nói, đều cùng nhau sắm đủ những đồ trong việc hỏa-táng. Trước tiên, họ sắm cỗ xe báu, chạm-trổ trang-nghiêm, mỹ-lệ; họ đặt thân Như-Lai trên xe báu kia, đốt hương tán hoa, tấu mọi kỹ-nhạc, ca-tụng, tán-thán; trong tiếng âm-nhạc, gióng lên những pháp: “Khổ, không, vô-thường, vô-ngã, bất-tịnh.”

Khi ấy, những người phái Lực-sĩ, bạch ông A-Nan rằng: “Nay đức Như-Lai nhập Niết-Bàn rồi, sự cúng-dàng lần cuối cùng này rất là khó gặp, chúng tôi muốn thỉnh lưu thân Như-Lai lại bảy ngày, bảy đêm, mặc ý cho mọi người cúng-dàng để cho chư Thiên, Nhân được an-vui mãi mãi được không?”

Ông A-Nan đem lời thỉnh-cầu của những người phái Lực-sĩ hỏi ông A-nâu-lâu-đà. Ông A-nâu-lâu-đà đáp ông A-Nan: “Quý hóa thay! Ông cho tùy ý họ!”

Ông A-Nan bảo những người phái Lực-sĩ rằng: “Thuận cho các ông lưu thân Phật lại bảy ngày bảy đêm, mặc ý cho mọi người cúng-dàng!”

Các người phái Lực-sĩ nghe lời ông A-Nan nói, tâm họ buồn, vui xen lẫn, ngay trong rừng ấy, họ sắm-sửa mọi thứ cúng-dàng.

Đủ bảy ngày rồi, các người phái Lực-sĩ lấy bông mới, sạch cùng lấy vải nhỏ, mịn quấn vào thân Như-Lai. Sau mới lấy áo quan vàng để trong cũi; trong áo quan vàng này, rắc những bột hương Ngưu-đầu Chiên-đàn cùng các hoa quý. Họ lại đem áo quan vàng để trong áo quan bạc; đem áo quan bạc để trong áo quan đồng; đem áo quan đồng để trong áo quan sắt; đem áo quan sắt để trên xe báu, rồi tấu mọi kỹ-nhạc, ca-hát, tán-thán. Chư Thiên trong hư-không rắc hoa Man-đà-la, hoa Ma-ha Man-đà-la, hoa Man-thù-sa, hoa Ma-ha, Man-thù-sa, cùng tấu thiên-nhạc, mọi thứ cúng-dàng. Cúng-dàng xong rồi, nhiên-hậu lần-lượt hạ các nắp quan xuống.

Bấy giờ, các người phái Lực-sĩ cùng bảo nhau: “Nay kỳ-hẹn bảy ngày đã đủ, chúng ta nên khênh áo quan đức Như-Lai đi vòng quanh thành để cho nhân-dân mặc ý cúng-dàng, sau chúng ta mới khênh đến hỏa-đàn phía Nam-thành!” Họ nói lời ấy rồi, liền cùng nhau khênh áo quan đức Như-Lai lên, nhưng, họ đem hết thân-lực mà không thể khênh nổi lên được. Thấy thế, họ đều kinh-lạ, không biết có sao, họ đem việc ấy hỏi ông A-nâu-lâu-đà: “Chúng tôi tất cả mọi người muốn khênh áo quan Phật, đi vòng quanh thành, rồi trở về vào cửa Nam. Tới chỗ cúng-dàng hỏa-đàn, thế mà chúng tôi kiệt-cả thân-lực, vẫn không thể khênh nổi lên được, chúng tôi không biết thế là những sự-tướng gì, kính xin Tôn-giả vì chúng tôi, nói cho chúng tôi nghe về sự ấy!”

Ông A-nâu-lâu-đà bảo mọi người rằng: “Sở-dĩ có việc như thế là vì chư Thiên trên hư-không muốn để áo quan Phật đi vòng quanh thành, rồi từ cửa Bắc vào, dừng nghỉ ngay giữa thành, để chư Thiên, Nhân cúng-dàng mọi thứ, sau mới từ cửa Đông ra, đến chỗ tháp Bảo-quan, mà làm lễ hỏa-táng!”

Các người Lực-sĩ kia, nghe được lời ấy rồi, cùng bảo nhau rằng: “Ý chư Thiên như vậy, chúng ta nên thuận tòng.”

Liền đó, họ khênh áo quan Phật, quanh thành một vòng, từ cửa Bắc vào, dừng nghỉ giữa thành để chư Thiên, Nhân mặc ý cúng-dàng, tấu kỹ-nhạc hay, đốt hương tán hoa, ca-hát tán-thán. Chư Thiên trên không rắc hoa Man-đà-la, hoa Ma-ha Man-đà-la, hoa Man-thù-sa, hoa Ma-ha Man-thù-sa, cùng tấu thiên-nhạc, mọi thứ cúng-dàng.

Cúng-dàng xong rồi, từ cửa Đông thành ra, đến chỗ tháp Bảo-quan.

Đến nơi kia, các Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên, Long tám bộ cảm-động thương khóc nghẹn-ngào, không tự hãm được, mà cùng nhau nhặt những gỗ Ngưu-đầu Chiên-đàn và các thứ gỗ thơm khác, xếp lên thành đống. Trên đống gỗ ấy, trải căng những tấm vải lụa dày đẹp, mắc tấm mùng đẹp lớn, che lên trên.

Xong rồi, khênh áo quan Phật, quanh đống gỗ thơm kia bảy vòng; đốt hương, rải hoa, tấu mọi kỹ-nhạc; nâng áo quan Phật để trên đống gỗ thơm, lấy dầu thơm tốt, rưới khắp cả.

Bảy giờ, bốn bộ-chúng cùng chư Thiên, Nhân, thương mến áo-não, không tự hãm được, cùng nhau lấy lửa, đốt từ dưới đốt lên. Nhưng, lửa không chịu cháy, dĩ chí đốt đến ba lần, gỗ vẫn không cháy. Mọi người không biết do đâu, liền đem việc ấy hỏi ông A-nâu-lâu-đà rằng: “Chúng tôi đốt đống gỗ thơm ba lần, sao mà không cháy?”

Ông A-nâu-lâu-đà đáp rằng: “Có ra sự ấy vì, Tôn-giả Ma-ha Ca-Diếp (Mahākāśyapa) ở nước Đạc-soa-na-kỳ-ly, nghe biết đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn, Tôn-giả cùng năm trăm Tỳ-Khưu từ nước kia về, muốn được trông thấy đức Thế-Tôn, nên đức Thế-Tôn không cho lửa cháy!”

Đại-chúng nghe lời ấy rồi, rất tán-thán là lạ-lùng.

Khi ấy, Tôn-giả Ma-ha Ca-Diếp ở nước Đạc-soa-na-kỳ-ly, xa nghe đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn ở thành Cưu-thi-na, tâm rất thương mến, Tôn-giả liền cùng năm trăm vị Tỳ-Khưu, lên đường đi về.

Cách thành không bao xa, Tôn-giả bị đau mình mệt quá, ngồi ngay bên đường, không đi được nữa. Lúc Tôn-giả cùng các Tỳ-Khưu ngồi ở dưới gốc cây, thấy một người ngoại-đạo, tay cầm hoa Man-đà-la, Tôn-giả Ca-Diếp hỏi: “Ông từ đâu lại đây?” Người kia đáp: “Tôi từ thành Cưu-thi-na lại!” Tôn-giả Ca-Diếp lại hỏi: “Ông có biết Thầy tôi là

bậc Ứng-biến-tri [32] không?” Người kia liền đáp: “Tôi biết bậc Đại-Sư Ngài ở khoảng hàng cây song-thụ trong rừng Sa-la, thuộc thành Cựu-thi-na, nhập Niết-Bàn rồi, nay đã được bảy ngày và giờ này chính ở chỗ tháp Bảo-quan, sắp làm lễ hỏa-táng; Thiên, Nhân đông-chật, tranh nhau cúng-dàng, nên tại đây tôi lấy được bông thiên-hoa này!”

Tôn-giả Ca-Diếp nghe lời nói ấy rồi, thương khóc nghẹn-ngào, các vị Tỳ-Khưu buồn-bã, ngất lặn ra đất, bảo nhỏ cùng nhau rằng: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi!”

Bấy giờ. Tôn-giả Ca-Diếp, an-ủi các vị: “Các vị không nên sinh ra sự khổ-não ấy, vì tính-tướng của mọi sự-vật đều như thế cả! Như-Lai Thiên-Tôn còn không khỏi được, huống là người khác thoát được ư? Các vị nên tinh-tiến, cần xa lìa đời khổ! Nay nên đứng dậy, đi nhanh về nơi tháp Bảo-quan, lễ-bái, chiêm-ngưỡng thân Phật!”

Lúc đó, trong chúng có ít vị Tỳ-Khưu khác, đi xuất-gia muộn, ngu-si vô-trí, bảo nhau rằng: “Khi Phật còn tại thế, ngăn-cấm, quở-trách chúng ta, chúng ta không được mặc-ý hành-động, nay Phật nhập Niết-Bàn rồi, sung-sướng quá!”

Khi ấy, Tôn-giả Ca-Diếp cùng các Tỳ-Khưu, tiến về thành Cựu-thi-na. Đến tháp Bảo-quan, trông thấy áo quan Như-Lai, trên đóng gỗ thơm tất cả đều thương khóc thướt-mướt, đi nhiều bảy vòng, rồi trèo lên đóng gỗ thơm đến chỗ áo quan Phật, ở ngay phía chân, than-khóc nghẹn-ngào và đầu mặt làm lễ chân Phật.

Bấy giờ, thân đức Như-Lai ở trong áo quan báu, tự nhiên thò ra hai bàn chân. Tôn-giả Ca-Diếp trông thấy thế, càng thêm thương-xót, kinh-sợ. Chư Thiên, nhân trông thấy sự lạ-lùng hiếm có ấy, ai cũng ta-thán, sinh đau-khổ, mền-tiếc quá.

Tôn-giả Ca-Diếp thấy trên chân Phật có vết nhơ, liền quay lại, hỏi ông A-Nan: “Trên chân Như-Lai sao có vết nhơ ấy?” Ông A-Nan đáp: “Bắt đầu khi Như-Lai nhập Niết-Bàn, bốn chúng đông-ních, khi ấy tôi nghĩ rằng nếu cho đại-chúng đồng thời tiến đến trước Phật để cúng-dàng, thời nữ-nhân yếu-đuối, bắt-tắt tiến đến trước được, tôi liền cho các vị Tỳ-Khưu-Ni cùng Ưu-bà-di vào trước đến chỗ thân Như-Lai lễ-bái, cúng-dàng. Lúc đó, có một Ưu-bà-di bàn-cùng, đã một trăm tuổi, thấy vợ và con gái, lớn, nhỏ của các dòng Bà-la-môn, Sát-ly, trưởng-

giả, cư-sĩ, Lục-sĩ..., đem hương-hoa tốt, mọi thứ cúng-dàng, bà tự thương mình nghèo thiếu, không lấy gì biểu tâm-nguyện được; bà nghĩ thế rồi, càng thêm thương-xót, cảm-động, bà tới chân Phật, tâm áo-não quá, bà khóc thướt-mướt, nước mắt chảy xuống, làm như chân Phật như thế!”

Tôn-giả Ca-Diếp nghe lời ấy rồi, mang tâm buồn-rầu, gỡ-trách ông A-Nan là không biết can-ngăn bà, để đến nỗi làm như chân Phật như thế! Tôn-giả liền đem hương-hoa, cúng-dàng áo quan Phật. Lễ-bái, tán-thán, các việc xong rồi, hai bàn chân Phật tự nhiên thụt vào. Tôn-giả Ca-Diếp liền trở xuống đất.

Và do Phật-lực, đồng gỗ thơm kia tự-nhiên bốn mặt lửa bốc, suốt trong bảy ngày, áo quan báu kia cháy tan hết. Bảy giờ, chư Thiên mưa xuống, lửa tắt đi, các người phái Lục-sĩ thu-nhặt Xá-ly; họ gỡ lấy nghìn trương vải quần thân Phật ra thì trong cùng một trương, bên ngoài một trùng vẫn như cũ và còn bọc Xá-ly.

Đương khi ấy, chư Thiên trên hư-không, rải mọi hoa quý, cùng tấu kỹ-nhạc, ca-hát, tán-thán, cúng-dàng Xá-ly. Những người lại đây cùng các người phái Lục-sĩ, đều đặt mọi thứ cúng-dàng.

Các người phái Lục-sĩ liền đem chóa vàng, nhật bô Xá-ly vào đây, rồi đặt lên trên xe báu, đốt hương, tán hoa, tấu mọi kỹ-nhạc, trở về trong thành, cất một cái lầu cao lớn, đặt Xá-ly ở trên lầu, nghiêm-bị bốn loại binh, để phòng-vệ, thủ-hộ và chỉ cho các vị Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni được vào lễ-bái, dâng mọi thứ cúng-dàng mà thôi, còn vua cùng Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ, hết thầy nhân-dân nước khác, đều không cho đến trước.

TOÁT-YẾU

Khi ấy, các người phái Lục-sĩ, tụ-tập lại, bàn nhau về việc hỏa-táng thân Phật.

Họ đến hỏi ông A-Nan về phương-pháp hỏa-táng này, chắc khi đức Phật sắp nhập-diệt có sắc-chỉ lại? Ông A-Nan liền nói rõ những lời đức Phật dạy về phương-pháp ấy cho họ hiểu.

Họ trở về, thi-hành như pháp.

Sau họ lại đến xin ông A-Nan lưu thân Phật lại 7 ngày, 7 đêm cho mọi người tha-hồ cúng-dàng. Ông A-Nan ưng-thuận.

Hết 7 ngày, họ đặt thân đức Phật vào trong 4 áo quan: vàng, bạc, đồng, sắt, rải hoa, rắc hương, đậy nắp lại.

Rồi họ khênh áo quan Phật vòng quanh thành, vào cửa Bắc, nghỉ tại giữa thành, sau từ cửa Đông ra, đến chỗ tháp Bảo-quan, làm lễ hỏa-táng.

Đến hỏa-đàn, sửa-soạn các việc xong, liền khênh áo quan Phật đặt trên đồng gỗ thơm, rồi đốt lửa. Nhưng, mãi lửa vẫn không cháy. Vì, Tôn-giả Ma-ha Ca-Diếp từ nước Đạc-soa-na-kỳ-lỵ chưa về kịp.

Tôn-giả Ca-Diếp về đến nơi, nhiều Phật, trèo lên chỗ đặt áo quan Phật, lễ dưới chân Phật, tự nhiên hai bàn chân Ngài thò ra. Tôn-giả càng thương-xót, Nhân, Thiên rất lạ-lùng.

Lễ-bái xong, chân Phật thụt vào, Tôn-giả Ca-Diếp xuống, do Phật-lực lửa tự-nhiên bốc cháy 4 mặt đồng gỗ. Cháy suốt 7 ngày, áo quan cháy hết, chư Thiên mưa xuống tắt lửa, phái Lực-sĩ thu-nhặt Xá-ly bỏ vào chóa vàng, đặt lên lầu cao trong thành cúng-dàng và cất 4 loại binh phòng-vệ, thủ-hộ, không cho người ngoài vào.

XIX. QUÂN-PHÂN XÁ-LY

Khi ấy, vua A-Xà-Thế (Ajātasatru) con bà Vi-Đề-Hy (Vaidehi) nghe thấy phái Lực-sĩ kia, thu Xá-ly Phật, đặt trên lầu cao, nghiêm-bị bốn loại binh để phòng-vệ, thủ-hộ, tâm rất buồn-rầu, áo-não, lại phẫn-nộ với những người phái Lực-sĩ kia, nhà vua liền cho người đưa tin đến bảo phái Lực-sĩ kia rằng: “Đức Thế-Tôn tại thế, cũng là Thầy của ta, khi ngài nhập Niết-Bàn ta ân-hận không tới yết-kiến được; vả lại, họ ta và họ Thế-Tôn đều thuộc dòng Sát-ly, nay sao các ông, riêng thu Xá-ly Ngài đặt trên lầu cao, nghiêm-bị bốn loại binh, để phòng-vệ, thủ-hộ, mà không chia cho người khác? Các ông nên đem một phần cho ta, ta muốn tại nước ta, xây một ngôi tháp quý, sắm mọi thứ cúng-dàng để cúng-dàng Ngài. Các ông nếu thuận cho, thời hai

nước thông-hảo mãi, bằng các ông không thuận, ta sẽ dấy binh sang đánh nước các ông!”

Và, bảy Quốc-vương khác cùng các người phái Ly-xa, thành Tỳ-da-ly..., cũng đều sai sứ sang với phương-pháp như thế. Ngay cả đến Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ, cũng đều sai sứ đem tin sang nói với phái Lực-sĩ rằng: “Đức Thế-Tôn cũng là Thầy chúng tôi, mong các ông thương-xót tới, cho chúng tôi một phần Xá-ly Ngài!”

Khi, sứ-giả của các nước đến chỗ phái Lực-sĩ, tuyên-ngôn đầy-đủ ý của các Quốc-vương của họ.

Phái Lực-sĩ nghe rồi, mang tâm bất-bình lắm, đáp các sứ-giả rằng: “Đức Phật lại nước chúng tôi. Ngài nhập Niết-Bàn, Xá-ly của Ngài tự-nhiên thuộc chúng tôi. Nếu các người muốn xây tháp trang-nghiêm cúng-dàng trên quốc-giới mình, việc ấy không thể được. Khi nào tháp ở đây hoàn-thành, mặc ý các ông cùng lại đây cúng-dàng lễ-bái vui-vẻ với chúng tôi. Còn nếu các ông muốn dấy-binh, hướng về nước này, thì quân-chúng nước này cũng đủ để chống-chọi với nhau!”

Bảy giờ, các sứ-giả của các nước kia, đều trở về nước mình, mỗi người mỗi người đều hướng lên Quốc-vương mình, nói rõ công việc như thế. Các Quốc-vương nghe rồi, càng mang lòng sân-phẫn, đều nghiêm-bị bốn loại binh đi công-phạt nước kia. Và, phái Lực-sĩ kia cũng nghiêm-bị chiến-cụ, để chống-chọi với kẻ địch lại đánh.

Trong thành Cư-thi-na, có một người Bà-la-môn tên là Đồ-lô-na, là người thông-minh, đa trí, thâm-tín Tam-Bảo, tâm tự suy-nghĩ: “Tám Quốc-vương kia cùng các người phái Ly-xa... thân-lực tráng-kiện, quân-chúng tinh-nhuệ; vả lại, sức dũng-mãnh của Lực-sĩ khó đương nổi, nếu họ giao-chiến, quyết không lưỡng-toàn được!”

Ông liền bảo các người Lực-sĩ kia rằng: “Các ông tuy dũng-nhuệ, quả-cảm, nhưng tám Quốc-vương kia đồng-lực, đồng-tâm, nhân-chúng tập-hợp, quân-trận hùng-mạnh, nếu các ông chiến-đấu, lý không lưỡng-toàn, giáo nhọn đã giao tranh, quyết-định có sự thương-hại. Vả lại, Như-Lai tại thế, dạy người ta làm lành, ngày nay bỗng dưng đi chém giết nhau! Vậy các ông không nên sên-tiệt chút Xá-ly, các ông nên chia cho các nước, cùng phái Ly-xa...; mỗi nơi đều ở nước họ, xây tháp cúng-dàng; không những hợp với lời dạy

của đức Thế-Tôn xưa kia, lại làm cho các ông đều được phúc-lợi!”

Các người phái Lực-sĩ, nghe lời nói ấy rồi, tâm ý giải-ngộ, liền đáp lời ông ấy rằng: “Lời ông nói thực hợp lý, chúng tôi xin theo như lời ông nói!”

Ông Bà-la-môn kia, thấy những người phái Lực-sĩ đều giải-giáp, ông liền đi ra ngoài thành, nói chuyện với các Quốc-vương rằng: “Nay các Ngài vì pháp, sao lại dấy binh?”

Các vị Quốc-vương đáp: “Chúng tôi vì pháp, nên từ nơi xa đến đây cầu Xá-ly, chúng tôi thấy họ chống cự, không chịu chia cho chúng tôi, nên nay chúng tôi phải cùng nhau dấy binh tại đây!”

Khi ấy, ông Bà-la-môn kia, lại nói với các Quốc-vương rằng: “Tôi đã cùng họ giải-hòa, các người phái Lực-sĩ kia đều vui lòng chia phần Xá-ly cho các ngài, vậy các ngài mang bình báu vào, tôi sẽ vì các ngài mà phân chia Xá-ly!”

Tám vị Quốc-vương hoan-hỷ, xin trao bình vàng cho ông. Ông Bà-la-môn kia nhận các bình vàng rồi, cầm đem về, ở trên lầu cao phân chia Xá-ly, đem cho tám quốc-vương.

Lúc đó tám vị Quốc-vương, được Xá-ly rồi, hớn-hở đội lên đầu, trở về nước mình, đều xây tháp báu. Các người phái Lực-sĩ... lấy một phần và ở nơi hỏa-đàn, vun những tro than thừa, xây-dựng tháp cúng-dàng. Như thế là cả thầy có mười nơi xây tháp.

Thế là, trước khi đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn, cùng sau khi nhập Niết-Bàn cho đến việc hỏa-táng, xây các tháp, việc ấy như thế!

Và, sau đó Tôn-giả Ca-Diếp cùng ông A-Nan và các Tỳ-Khưu kết-tập Tam-tạng ở thành Vương-xá. [33]

TOÁT-YẾU

Khi phái Lực-sĩ thu Xá-ly Phật để lên lầu cao rồi, vua A-xà-thế cùng 7 Quốc-vương khác, đều sai sứ sang xin mỗi nước một phần về xây tháp cúng-dàng. Và, nếu phái Lực-sĩ không cho, các nước sẽ đem binh sang đánh.

Cả phái Ly-xa thành Tỳ-da-ly cùng các Bà-la-môn, trưởng-giả, cư-sĩ... các nước cũng đều cho người sang xin.

Các sứ-giả tới nơi Lực-sĩ, nói rõ ý-định của các Quốc-vương của họ. Phái Lực-sĩ bất-bình, nhất-định không cho và nếu đánh nhau thì đánh.

Thế là 2 bên chuẩn-bị chiến-tranh.

Khi ấy, có một người Bà-la-môn thông-minh, đa-trí, thâm-tín Tam-Bảo tên là Đồ-lô-na, đến bảo phái Lực-sĩ: “Các ông không nên đánh nhau, nên đem phân-chia Xá-ly cho các nước xây tháp cúng-dàng. Một là không thương-tổn sinh-mạng, vì nếu các ông chống-cự với 8 nước cùng những phái khác, thế tất không lợi. Hai là, làm vậy trái với lời dạy làm lành của đức Phật, các ông không được phúc-lợi.

Phái Lực-sĩ nghe lời. Ông Đồ-lô-na đi giảng-hòa và đứng ra quân-phân Xá-ly cho 8 nước, cho phái Lực-sĩ đem về xây tháp cúng-dàng.

Sau đó, phái Lực-sĩ lại vun tro nơi hỏa-đàn xây thêm một cây tháp nữa, thế là cả thầy có mười nơi xây tháp.

Cách thời-gian ngắn, Tôn-giả Ca-Diếp, ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khưu, kết-tập Tam-Tạng tại thành Vương-xá.

Trước, sau sự nhập Niết-Bàn của Phật như thế!

HẾT

[1] Chuyển-luân-thánh-vương: Tiếng Phạm gọi là Chưóc-ca-la-phạt-lạt-đế-hạt-la-xa (Cakavarti-rajā): Vua Chuyển-luân-thánh-vương có 32 tướng. Khi tức-vị, do thiên-cảm nhà vua được cỗ xe báu (luân-bảo), xe này quay-chuyển hàng-phục được 4 phương nên gọi là Chuyển-luân-vương. Khi kiếp số tăng lên của nhân-loại, người ta thọ đến 2 vạn tuổi trở lên, thời vua Chuyển-luân mới xuất-thế. Mà ở kiếp diệt, người ta thọ từ vô-lượng tuổi, đến 8 vạn tuổi, thời nhà vua ra đời. Luân-bảo (cỗ xe báu) của nhà vua có 4 loại: Kim (vàng) ngân (bạc) đồng và thiết (sắt). Bốn cỗ xe báu này lần-lượt thống-lĩnh 4 đại-châu, như Kim-luân-vương coi cả 4 châu; Ngân-luân-vương coi ba châu: Đông, Tây và Nam; Đồng-luân-vương coi 2 châu Đông và Nam; Thiết-luân-vương coi 1 châu Nam-diêm-phù-đề.

[2] Chiên-đàn (Candana): tên một thứ gỗ thơm, ở núi Ma-la-da, Nam Ấn-Độ. Núi này hình đầu trâu nên gọi là Ngưu-đầu. Có chỗ gọi là Ngưu-đầu Chiên-đàn Tàu dịch là “dữ lạc” (cho vui), vì nó chữa được bệnh.

[3] Xá-ly (Saria): Có chỗ gọi là “Thất-ly-la”, hay “Thiết-ly-la”. Có nghĩa là thân-cốt của Phật. Xá-ly là vô-lượng công-đức lực-độ hợp thành, là do sự huân-tu giới, định, tuệ mà thành. Xá-ly có ba hình sắc: sắc trắng là xá-ly bằng xương; sắc đen là xá-ly bằng tóc; sắc đỏ là xá-ly bằng thịt. Và, có 2 loại xá-ly: 1/ Toàn thân xá-ly: Như xá-ly Phật Đa-Bảo (trong kinh Pháp-Hoa). 2/ Toái-thân xá-ly: Thân đốt vụn ra như thân đức Phật Thích-Ca. Lại có hai thứ nữa: 1/ Sinh thân xá-ly: Thân do tu giới, định, tuệ mà thành, Như-Lai sau khi nhập-diệt, lưu lại thân-cốt, làm cho Nhân, thiên được phúc-đức cúng-dàng mãi mãi. 2/ Pháp-thân xá-ly: tức là hết thầy kinh sách, Đại, Tiểu-thừa.

[4] Xin xem chú-thích nơi kinh Quán-Âm Bồ-Tát Thọ-Ký đã ấn-hành.

[5] Tứ-thiên-hạ: Tức là 4 châu trong thiên-hạ: Đông-thắng thần-châu, Nam-thiệm bộ-châu, Tây-ngưu hóa-châu và Bắc-câu lô-châu.

[6] Bảy báu: Kim, ngân, lưu-ly, pha-lê, xà-cừ, mã-nã, san-hô.

[7] 10 điều thiện: Không sát-sinh, không trộm-cắp, không tà-dâm, không nói dối, không nói lưỡi đôi chiều, không nói thêu-dệt, không nói ác, không tham, không sân, không si.

[8] Học-địa: Ở địa-vị còn phải tu-học. (Xem kinh Hiếu-Tử đã giải).

[9] Tỳ-xá (Vesa): Giai-cấp thương-mại. Giai-cấp thứ 3 trong 4 giai-cấp của Ấn-Độ.

[10] Thủ-đà-la (Sùdra): Giai-cấp nông-dân, nô-lệ. Giai-cấp thứ 4 trong 4 giai-cấp của Ấn-Độ.

[11] Do-tuần (Yojana): Theo Thánh-giáo chép thời mỗi Do-tuần là 16 dặm, mỗi dặm là 576 thước Tây. Như thế mỗi Do-tuần chừng 9,216 thước Tây.

[12] Trong kinh gọi là “nhất tiền đạo” (một đường tên đi)

[13] Tám công-đức: 1/ Trừng-tịnh: lặng, sạch. 2/ Thanh-lãnh: trong mát. 3/ Cam-mỹ: ngon-ngọt. 4/ Khinh-nhuyễn: dịu-dàng. 5/ Nhuận-trạch: thấm-nhuần. 6/ An-hòa. 7/ Khi uống khỏi đói khát và khỏi vô-lượng tội-lỗi, tai-hoạn. 8/ Uống rồi quyết-định nuôi lớn các căn và thân tứ-đại thêm ích-lợi.

[14] Bốn loại binh: Voi, ngựa, xe và bộ-binh.

[15] Đến đây là hết quyển trung.

[16] Sám-hối: Tiếng Phạm gọi tắt là “Sám-ma” (Ksamayati). Chữ “sám-hối” này gọi chung cả hai tiếng Phạm và tiếng Tàu (“Sám” là “sám-ma”, tiếng Tàu gọi là “Hối-quá”). Bộ Chỉ-Quán quyển 7 nói: “Sám” là bẫy tổ lỗi ác trước, “Hối” là cải-đổi những lỗi trước, tu-tĩnh những việc sau.

[17] Quán-đỉnh (Abhisecani): Theo tục Ấn-Độ, một khi vị Hoàng-Tử được phong Thái-Tử lên ngôi vua, khi tấn-phong, lấy nước bốn bể rưới lên đầu, biểu ý chúc tụng.

[18] 3 đường ác: Địa-ngục, ngã-quỷ, súc-sinh.

[19] 4 kinh Phệ-đà: Phệ-đà (Veda) Tàu dịch là “Minh-trí, minh-phận...”, nghĩa là bộ sách tỏ rõ sự thực, phát sinh trí-tuệ. Phệ-đà là tên kinh của Bà-la-môn-giáo, Ấn-Độ. Kinh này có bốn thứ: 1/ Thọ: Nói về thọ-mệnh. 2/ Từ: Nói về việc tế-tự, cầu phúc. 3/ Bình: Nói về việc lễ-nghi, xem bói, binh-pháp quân-trận. 4/ Thuật: Nói về việc kỹ-thuật, chú-cấm, y-phương.

[20] Cồ-Đàm (Gautama): Tên họ của dòng họ Thích. Đây là chỉ vào đức Phật Thích-Ca Mưu-Ni.

[21] 4 đại: Đất, nước, gió, lửa (tức là chất dẫn, chất lỏng, chất hơi, chất nóng).

[22] Thiên-nhĩ: Cái tai của người các cõi trời thuộc Sắc-giới. Tai này nghe thấy tiếng nói của chúng-sinh trong lục-đạo, cùng những tiếng tốt, xấu xa gần.

[23] Đây là đức Phật chỉ vào 4 quả của Thanh-văn.

[24] Nay hay nói là 35 tuổi.

[25] Bọn ông Kiều-Trần-Như 5 người: Đây là 5 vị Tỳ-Khưu, được Phật nói Tứ-diệu-đế độ cho lần đầu tiên: 1/ Kiều-trần-như (Ajnata Kaundinya: Tàu dịch là “Hỏa-khí”) 2/ Át-bệ (Asvajit: Tàu dịch là: “Điều-mã, Mã-thắng, Mã-sư, Mã-tinh”). 3/ Bạt-đề (Bhadrika: Tàu dịch là: “Tiểu-hiền”). 4/ Thập-lực-ca-diếp (Dasabala Kasyapa: Tàu dịch là: “Khí-khí”). 5/ Ma-nam-câu-ly (Mahànàma Kukila: Tàu dịch là: “Đại-danh”).

[26] Ba-la-đề-mộc-soa (Pratimoksa): Tàu dịch là: “Biệt-giải-thoát”, có nghĩa là người thụ giới-luật, đều đạt tới chỗ giải-thoát những lỗi về thân, khẩu, nhưng trong ấy có sự giản-biệt về định-cộng-giới (luật-nghi do tĩnh-lự sinh) và về đạo-cộng-giới (tức vộ-lậu luật-nghi).

[27] Vị này trước đánh ngựa cho Phật đi xuất-gia, sau đi tu hay ác-khẩu, vào bè với lục-quần Tỳ-Khưu, nhưng, Phật nhập-diệt rồi, cũng được chứng quả.

[28] Đại-ý đức Phật nói: Sự-vật do giả-tạo mà thành, đều thuộc về vô-thường, vì nó là thứ có sinh ra, có diệt đi. Nếu diệt được cái sinh-diệt ấy rồi, thì “tịch-diệt giải-thoát” là vui.

[29] Vị đầy-đủ về 2 phương-diện phúc-đức và trí-tuệ.

[30] Ba độc: Tham, sân, si.

[31] Phi-nhân: Chỉ vào thiên, long 8 bộ cùng những đồ-chúng ác-quý nơi minh-minh.

[32] Ứng-biến-tri: Tức là Ứng-cúng, Chính-biến-tri, 2 hiệu trong 10 hiệu của Phật. Nghĩa là bậc giác-ngộ, biết hết mọi pháp và được sự cúng-dàng của Nhân-Thiên.

[33] Đến đây là hết quyển hạ.

(Chùa An Lạc)

HẾT